

15 THÁNG 2 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

TỪ TRÌ 1960-1970 mười năm biến chuyển quốc-tế *
PHẠM VIỆT CHÂU Tàu và Đông-Nam-Á * HOÀNG
SỸ QUÝ một cái nhìn đông phương về vấn đề tính
dục : tính dục trong tình yêu * TOÀN ÁNH luyện ái
tính trong một số cò tục Việt-nam vào dịp đầu xuân
* VIỆT PHƯƠNG Nhật-bản trên đường phát triển
* CHU MINH THUY kỹ-thuật kiến trúc mới lạ *
LÊ HƯƠNG thầy pháp bị « sa đạo » * HẠ ĐÌNH THAO
tình xuân * LỮ QUỲNH lời xin lỗi trước mùa xuân
* HOÀNG NGỌC TUẤN mùa xuân cuối cùng * VŨ
HOÀNG CHƯƠNG xúc động cuối năm — chút duyên
hàn mặc * SINH HOẠT
thời sự thế giới * thời sự
khoa học * thời sự văn nghệ *

315

SỐ TÂN NIÊN





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyên-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T Â N N I Ê N

Số 315 ngày 15-2-1970

TỪ TRÌ 1960-1970 mười năm biến chuyển quốc tế	5
PHẠM VIỆT CHÂU Tàu và Đông-Nam-Á	13
Hoành sơn HOÀNG SỸ QUÝ một cái nhìn Đông-phương về vấn- đề tính-dục : Tính dục trong tình yêu.	19
TOAN ÁNH luyện-ái-tính trong một số cổ-tục Việt-Nam vào dịp đầu Xuân	25
VIỆT PHƯƠNG nhân dịp Hội-chợ quốc tế tổ chức tại Osaka thử tìm hiểu : Nhật-bản trên con đường phát triển	33
CHU MINH THUY kỹ-thuật kiến trúc mới lạ	43
LÊ HƯƠNG máu đỏ trước đêm trừ-tịch : Thần pháp bị « sa đao »	47
HẠ ĐÌNH THAO tình xuân (thơ)	55
LỮ QUỲNH lời xin lỗi trước mùa xuân (thơ)	56
HOÀNG NGỌC TUẤN mùa xuân cuối cùng (truyện)	59
VŨ HOÀNG CHƯƠNG xúc động cuối năm (thơ) chút duyên hàn mặc (26 câu thơ mừng 13 tác giả và 13 tác phẩm)	69
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự thế giới	72
TỬ DIỆP thời sự Khoa học	75
TRÀNG THIÊN — THU THỦY thời sự văn nghệ	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ: 40đ Công sở : giá 80đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây, và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Phù dung ơ vĩnh biệt** : hồi ký của Vũ Bằng, do Thế-giới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 308 trang, xuất bản lần đầu năm 1942 tại Hà-Nội với nhan đề là « Cai », nay tái bản với lời « Dựng » và « Bạt » mới của tác giả. Bìa do họa sĩ Duy Thanh. Giá 220 đ

— **Nẻo về của Ý** : truyện dài của Nhất-Hạnh, do Lá-Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 294 trang, xuất bản lần thứ hai, bìa của Hiếu Đệ. Giá 200đ.

— **Khung rêu** : truyện dài của Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ, do Kẽ-Sĩ xuất bản và tác giả gửi tặng, Truyện dài thứ 3 và tác phẩm thứ 6 của tác giả dày 414 trang. Chân dung tác giả do Duy Thanh phác họa. Bản đặc biệt.

— **Em bé Phù-tang** : nguyên tác của Isoko và Ichiro Hatano, bản dịch của Trương-Đình-Cử, do Lá-Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216 trang, bìa của Đình-Cường. Bản đặc biệt. Giá 150đ.

— **Phương pháp chủ điểm tại trường Tiểu-học cộng-đồng** : của Vương-Pền-Liêm, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 5 phần chính. Bìa của Đình Cường. Bản đặc biệt. Giá 90đ.

— **Vết đạn thù** : truyện dài của Nguyễn-Trung-Dũng, do KCN xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang. Họa phẩm trên giấy của Nguyễn Hải Chí. Giá 100đ.

— **Đi trên nỗi buồn** : tập truyện của Nguyễn Ái Lữ, do « Những tác phẩm hay » xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách

dày 194 trang gồm 10 truyện chọn lọc. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

— **Chú thỏ đế** : của Bích Thủy, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Truyện thiếu nhi dày 116 trang, in lần thứ 3, ấn loát đẹp. Bản đặc biệt. Giá 45đ.

— **Máu đào nước lã** : của Minh-Quân do Tuổi Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Truyện thiếu nhi dày 118 trang, in lần thứ 3, ấn loát đẹp. Bản đặc biệt. Giá 45đ

— **Nghĩ trong một xã hội tan rã** : tiểu-luận của Thế-Uyên do Thái-đô xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang, in lần thứ 2. Giá 140đ.

— **Đuốc sậy** : Tập truyện ngắn của Y. Uyên, do Văn-Uyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 134 trang gồm 6 truyện. Tranh bìa của Nguyễn Trung. Giá 40đ.

— **Những bài thơ xuôi** : Tập thơ của Mai-Trung-Tĩnh, do Đại Ngã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 22 bài thơ không vần (thơ xuôi) và chân dung tác giả qua mắt Tạ Ty. Bản đặc biệt. Giá 200đ.

— **Chiêm bao trắng** : tập thơ của Nhất Uyên do tác giả xuất bản lần thứ nhất và gửi tặng. Tập thơ dày 82 trang gồm 32 bài thơ. Bìa của Hoàng Ngọc Biên. Phụ bản của Nguyễn Quỳnh và Nguyễn Đồng. Bản đặc biệt

— **Tình dục tập 4** : nguyên tác « La Sexualité » gồm những bài của 22 bác-sĩ và tư-tưởng gia Tây phương, bản dịch của Thế Lý, Đỗ Vũ, Vương Các, Nhất Huy, Ngọc Phong, Thế Uyên. do Thái độ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 410 trang gồm 4 phần và kết luận (Thụ thai theo ý muốn; Sinh đẻ; Hôn nhân v.v.) Bản đặc biệt. Giá 320đ.

1960 - 1970

Mười năm biến chuyển quốc tế

● TỪ - TRÌ

Trong mười năm vừa qua, thế giới đã trải qua nhiều cam go, nhiều biến chuyển. Nhân loại đã chứng kiến các cuộc khủng hoảng trầm trọng, các cuộc chiến tranh nóng và các cuộc chiến tranh lạnh. Tất cả những sự kiện xảy ra trên thế giới trong 10 năm vừa qua đã tạo cho đời sống thế giới một bộ mặt mới, những dữ-kiện mới. Thật vậy, khi bước chân vào thập niên 1960-1970 thế giới được chia làm nhiều khối: khối Tư-bản Tây-phương, khối Cộng-sản và khối Á-Phi. Mỗi khối là một lực-lượng đồng nhất. Gây liên lạc giữa các khối luôn luôn gặp khó khăn. Khối Tây-phương do Mỹ hướng dẫn cố gắng ngăn chặn sự bành trướng của khối Cộng sản do Nga-sô lãnh đạo. Cả hai bên đều theo đuổi một cuộc chạy đua sản xuất vũ khí tối tân để chế ngự thế-giới. Lợi dụng sự bất hòa của hai khối Đông-Tây khối Á-Phi đã đóng một vai trò quan trọng để bắt bẻ cả hai bên.

Nhưng trong thập niên vừa qua tình hình quốc-tế đã thay đổi hẳn khiến cho thế-giới, khi bước chân vào thập-niên mới 1970-1980, đã có một bộ mặt mới lạ. Các khối đã tan vỡ, bang giao Đông-Tây đã hết căng thẳng để cả hai bên tính chuyện chung sống hòa bình. Những cuộc đụng độ giữa hai phe cộng sản và tự do còn sót lại chỉ còn tính cách địa

phương hơn là quốc tế và cũng đang đi tới chỗ được giải quyết ổn thỏa trong khuôn khổ hòa giải Đông-Tây. Giờ đây trên thế-giới, các quốc gia đều loại bỏ mọi thái độ cuồng tín để đi tới một chính-sách khôn ngoan hơn, thực tế hơn.

Kết quả khả quan mà nhân loại đạt được hiện thời là nhờ sự biến chuyển sâu rộng trong 10 năm qua, biến chuyển trong mỗi khối cũng như biến chuyển trong sự giao thiệp giữa các khối với nhau.

oOo

Khối Cộng sản

Trong khoảng 10 năm trời khối Cộng-sản đã trải qua nhiều cuộc lung củng nội bộ để dần dần đi tới sự phân-hóa trầm trọng khiến cho khối Cộng-sản không còn là một lực-lượng hùng hậu và thống nhất trong tay Nga-sô nữa.

Những sự khủng hoảng trong nội bộ khối Cộng-sản không phải chỉ mới xảy ra trong thập niên vừa qua. Một vài quốc gia Cộng-sản Âu-châu đã bắt đầu chống đối bá quyền của Nga-sô ngay từ năm 1948. Và Đông-Đức, Ba lan, Hung-gia-lơ cũng đã nhiều lần nổi dậy chống Nga-sô. Nhưng tại 4 quốc-gia Âu-châu này phong trào đối kháng không mạnh lắm khiến cho Nga đã dập tắt được mầm nổi

loạn tại Đông-Đức, Ba-lan và Hung-giá-lơ hoặc bằng cách làm áp lực, thay đổi bằng tập-đoàn cầm quyền hoặc can-thiệp võ-lực. Vì vậy mà vào năm 1960 khối Cộng-sản, ngoại trừ trường hợp Nam-Tur, đã là một hậu thuẫn đồng nhất, một công cụ ngoan-ngoãn của Điện Kremlin.

Cũng vào năm 1960 người ta còn thấy nhiều sự-kiện đã tăng cường lực lượng của Nga. Thật vậy Cộng-sản Trung-Hoa cướp được chính quyền ở Hoa-lục vào năm 1949 đang cộng tác chặt chẽ với Nga. Chính phủ Bắc-Kinh sau hai lần thất bại trong chính sách «Trăm hoa đua nở» và trong «Bước nhảy vọt» đang cần tới viện trợ của Nga để phát triển kinh tế nên chưa có những tham vọng quá mức khiến Nga phải lo ngại.

Hơn nữa tại Cuba, Fidel Castro cướp chánh quyền vào năm 1959, gặp sự chống đối của Hoa-kỳ nên đã dần dần đưa Cuba tới một chính thể Cộng-sản. Với một chính thể Cộng-sản ở ngưỡng cửa Mỹ-châu, Nga-sô, vào đầu thập niên 1960 - 1970, đã nuôi nhiều hy vọng nhuộm đỏ lục địa này mà từ trước tới nay người ta coi như là một vùng ảnh-hưởng của riêng Hoa-kỳ.

Ngoài ra khối Cộng-sản đã có một lực-lượng khá mạnh để phe Cộng-sản tính chuyện cướp chánh-quyền tại Nam-Việt bắt đầu từ năm 1960.

Những thành-tích khoa-học của Nga-sô trong không gian đã khiến cho khối Cộng thêm tự tin cũng như thêm tin tưởng vào khả-năng quân-sự của họ. Thật vậy, ngay từ năm 1957 Nga-sô đã, lần đầu tiên, bắn vệ-tinh nhân-tạo Sputnik lên không gian. Năm 1959, những vệ tinh nhân-tạo Lunik đã hoặc lên tới mặt trăng hoặc chụp ảnh mặt trái của

hành tinh này. Vào tháng 4-1961 một người đầu tiên được phóng lên không gian, đó là phi-hành-gia Nga Gagarine.

Nhưng tất cả các sự-kiện này chỉ là những thành công bên ngoài của khối Cộng-sản mà thôi. Những thành công này đã không che dấu nổi sự rạn nứt bên trong của khối Cộng-sản. Ngay từ năm 1961 một cuộc chiến tranh tuyên truyền đã bùng nổ giữa Trung-cộng và Nga-sô. Một nước Cộng-sản nhỏ bé tại Âu-châu là Albanie cũng dám trỗi dậy bỏ Nga đi theo Trung-Cộng. Từ đó Trung-Cộng luôn luôn tố cáo Nga là «xét lại» là «trưởng giả hóa» .. Trong khi Nga cũng luôn luôn tố cáo Trung-Cộng theo đuổi một chính sách gây hấn. Tháng 7-1953 Trung-Cộng phản đối Nga cấu kết với Mỹ để ký hiệp ước Mạc-tư-khoa cấm thí nghiệm vũ-khí nguyên tử và hai tháng sau Nga cũng phản-công lại bằng cách tố cáo Trung-cộng đã chế tạo bom nguyên tử và đã vi phạm biên giới Nga 5.000 lần vào năm 1962.

Năm 1964 khi ông Kroutchev bị hạ bệ, đã có lúc người ta tưởng rằng cuộc tranh chấp Nga-Hoa có thể được giải quyết. Nhưng ngay sau đó với tập đoàn cầm quyền mới Brejnev-Kossyguine cuộc tranh chấp này vẫn tiếp tục. Trung Cộng không đồng ý với Nga-sô trong bất cứ một vấn đề nào. Trung-Cộng cho rằng Liên-Hiệp-Quốc là một công cụ của Nga-Mỹ để Nga-Mỹ nhằm làm bá chủ hoàn cầu. Khi Mỹ oanh tạc Bắc-Việt, Nga gửi vũ khí sang giúp chính phủ Hà-nội, Trung-Cộng cũng cố gắng ngăn chặn không cho Nga chở qua lãnh thổ Trung-Cộng.

Năm 1966 khi Trung-Cộng phát động phong trào «Cách-mạng Văn-hóa» để san

bằng những rọa-lực, những trở ngại của chương trình cộng-sản hóa Trung-Hoa, cuộc tranh chấp giữa Nga-sô và Trung-cộng lại càng trầm trọng hơn lên. Năm 1967 nhiều cuộc biểu tình bạo động xảy ra trước Tòa Đại-sứ Nga ở Bắc-Kinh khiến chính phủ Mạc-tư-khoa đã phải tản cư đàn bà trẻ con Nga khỏi Trung-Cộng. Trầm trọng nhất là cuộc chiến tranh biên giới giữa hai nước bùng nổ vào tháng 3.1969 ở ven sông Oussouri. Từ đó tại vùng biên-giới, cả hai bên đều đặt một hệ-thống phòng thủ với hỏa tiễn và vũ khí nguyên-tử, để đề phòng một trận chiến tranh lớn hơn giữa hai nước.

Trung-Cộng không phải là quốc-gia duy nhất đã khước từ quyền lãnh đạo của Nga-sô. Tại Âu châu nhiều quốc gia đã cố gắng có một đường lối độc lập đối với Điện Kremlin. Lỗ-mã-ni, từ 2 năm qua, đã bắt đầu một chính-sách thân hữu với Tây-phương. Tiếp-khắc đầu năm 1968 cũng đã hạ bệ ông Novotny, tay sếp quá ngoan ngoãn của Nga-sô, để đưa ông Dubcek lên thay thế. Chính sách tự-do hóa của Dubcek đe dọa quyền lợi của Nga một cách nguy hiểm nên Nga đã không ngần ngại can thiệp bằng vũ lực ở Tiệp khắc vào tháng 8.1968 để tha đổi tập đoàn lãnh đạo Đảng và Chính-phủ Tiệp.

Trước những sự chống đối của các nước «anh em» Nga đã hoạt động ráo riết để triệu tập đại hội các Cộng đảng thế giới hầu lập lại quyền lãnh đạo của mình. Hội nghị này đã nhóm họp vào tháng 6. 1969 tại Mạc-tư-khoa. Nhưng kết quả là Nga-sô phải chịu để cho mỗi quốc gia Cộng-sản có quyền tự do hoạt động mà không cần phải xin phép Nga trước.

Khởi Tây phương

Nếu thập niên 1960-1970 đã chứng kiến sự rạn nứt của khối Cộng-sản thì khối tư-bản Tây-phương cũng không kém đồ vỡ. Thật-vậy, sở dĩ trước đây các quốc gia Tây-phương kết hợp lại thành một khối đồng nhất sau Hoa-kỳ là vì các quốc gia này đã bị chiến tranh làm tiêu-hao nên không đủ sức đề đối phó với sự bành trướng của Cộng-sản. Vì vậy mà họ đã trao quyền lãnh đạo cho Hoa-kỳ. Trong khuôn-khổ kế hoạch Marshall, Hoa-kỳ đã giúp cho các Quốc-gia Âu-châu kiến tạo lại kinh-tế bị chiến tranh tàn phá. Trong khuôn khổ Minh-ước Bắc-Đại-tây-dương Hoa-kỳ đã bảo đảm công cuộc phòng thủ Âu-châu trước đe dọa của Cộng sản. Sau khi kiến thiết, các quốc-gia Tây-Âu đã nhờ «Thị-trường chung» mà trở nên phồn-thịnh và từ đó họ bắt đầu khước từ quyền lãnh đạo của Mỹ.

Người có trách nhiệm nhiều nhất trong việc làm tan vỡ khối Tây-phương có lẽ là Tướng De Gaulle. Sau khi trở lại chính-quyền vào năm 1958, ông De Gaulle đã tích cực hoạt động để phá «quyền lực quá mức» của Hoa-kỳ trên thế-giới. Năm 1962 ông cương quyết chấm dứt sự đương kháng cho Anh gia-nhập Thị-trường chung vì, theo ông, Anh chỉ là tay sai của Mỹ. Năm 1964 ông thừa nhận Trung Cộng. Năm 1966 ông rút quân Pháp khỏi Minh-Ước Đại-Tây-Dương và đồng thời sang viếng Nga-sô để đặt nền móng cho một chính sách cộng tác với phe Cộng-sản.

Nhưng các quốc gia Âu-Châu khác cũng không kém phần trách nhiệm

Thật vậy, Tây Đức muốn đưa Anh vào Thị-trường chung để giới hạn ảnh hưởng của Pháp, và các quốc-gia hội-viên khác lại muốn dùng Anh để giới hạn cả Pháp lẫn Đức...

Từ năm 1965 Mỹ đã đuổi kịp tiến bộ không gian của Nga và từ năm 1960 với những tàu ngầm trang bị hỏa tiễn Polaris, Hoa-kỳ đã có lực-lượng quân-sự vượt quá Nga nên phe Cộng-sản không còn tính chuyện xâm lăng nữa. Đe dọa Cộng-sản do đó giảm đi rất nhiều. Không còn lo chiến tranh với Nga, các quốc gia Âu-châu, hội-viên Minh-ước Đại-Tây-Dương, thấy sự bảo trợ của Hoa-kỳ không còn cần thiết nên nhiều nước không những chống lại quyền lãnh đạo của Hoa-kỳ mà còn tính chuyện giải tán Minh-ước Đại-Tây-Dương nữa. Và hiện thời họ đang nồng nhiệt đón nhận đề nghị của Minh-ước Varsovie triệu tập một hội nghị An-ninh Âu-châu giữa hai Minh-ước đối thủ.

Ngoài ra Hoa-kỳ bị cầm chân trong cuộc chiến tranh Việt Nam không còn có thể hoạt động mạnh ở Âu-Châu được nên Âu-Châu càng ngày càng thấy không cần tới Hoa-kỳ.

Cuối năm 1969, Tây Đức đã bắt đầu có một chính sách cộng tác với phe Cộng-sản khiến cho cả Hoa-kỳ và Pháp đều lo ngại.

Tuy không còn quyền lãnh đạo chuyên-chế trong khối Tây-phương, tuy vấp phải nhiều cuộc khủng hoảng đẫm máu như những vụ ám sát hai anh em Kennedy và mục sư King, như các vụ nổi loạn da đen và sinh viên, uy tín của Hoa-kỳ trong năm cuối cùng của thập niên đã lên mạnh sau khi hai phi thuyền

Apollo đã mang 4 người Mỹ lên đổ bộ trên mặt trăng. Ngoài ra trong thập niên vừa qua văn-hóa Mỹ đã tràn lan trên thế-giới khi thủ-đô văn-hóa của khối tư-bản đã từ Paris chuyển sang New-Uớc. Vụ bà Svetlana con gái của Staline sang tỵ nạn ở Hoa-kỳ cũng đã làm cho người ta quên nhiều những nhược điểm của xã hội Mỹ.

Khối Đệ-tam Thế-giới

Khối Đệ-tam thế-giới sau khi chiếm được một ảnh hưởng lớn lao trên chính trường quốc-tế cũng đã bắt đầu tan rã từ năm 1965.

Năm 1960 phong trào giải phóng thuộc địa đã lên tới tột đỉnh. Pháp đã trả lại độc lập cho hết thảy các thuộc-địa ở Hắc-Phi-Bỉ cũng trả lại độc-lập cho Congo-Léopoldville. Các quốc gia Á-Phi mới độc lập ào ạt gia nhập Liên-Hiệp-Quốc và đã nắm được đa số trong Đại-hội-đồng của Tổ chức. Năm 1962 phong trào giải phóng thuộc địa được coi là hoàn tất khi cuộc trưng cầu dân ý tháng 4 tại Pháp quyết định trao trả độc lập cho Algérie.

Trong những năm đầu của thập niên, vì các quốc-gia Á-Phi vừa được trả độc lập chiếm được đa số trên thế-giới nên họ đã tạo hành một khối hùng hậu. Ngay từ năm 1955 khi Hội-nghị Á-Phi nhóm họp tại Bandoung khối Á-Phi đã luôn luôn được cả hai khối cộng-sản và tư-bản ở bể Lợi dụng ưu thế này các quốc-gia Á-Phi đã đóng một vai trò trọng tài giữa Đông và Tây. Chính sách «trung lập có lợi» (neutralisme positif) của họ thực ra không có một chút gì gọi là trung lập. Nay họ nghiêng về phía này, mai họ ngã về phía nọ để bả bí cả hai bên. Ấn-độ, Ai-cập, Nam-tư, ba quốc gia lãnh đạo khối đệ-tam thế-giới tuy

tuyên bố trung lập nhưng luôn luôn có những hành động thiên Cộng-sản vì càng thiên Cộng họ lại càng thu hút được viện trợ của khối Tây-phương nhất là của Hoa-kỳ. Nhưng một điều khôi hài là trong thập niên vừa qua song song với sự xuất hiện ồ ạt của các quốc-gia Á Phi mới được độc-lập, khối Á Phi lại suy yếu đến nỗi đi tới chỗ tan vỡ.

Thật vậy, khối Á Phi chỉ có tiếng được nói trên trường quốc tế là nhờ vào sự tranh chấp Đông-Tây. Nhưng vào khoảng năm 1961 trở đi các quốc gia thuộc hai khối Đông-Tây, nhất là Nga và Mỹ, đã bắt đầu có một chính sách sống chung. Luôn luôn các chính phủ Hoa-thịnh-đôn và Mạc-tư-khoa tỏ thiện chí loại bỏ những mầm đựng độ giữa hai bên. Sau khi các ông Kennedy và Kroutchev gặp nhau ở Vienne, năm 1962, người ta còn quyết định đặt một đường dây «điện thoại đỏ» trực tiếp giữa Bạch-cung và Điện Kremlin. Các quốc gia Á Phi không còn có dịp để đóng vai trò trọng tài giữa hai đối thủ đã giảng hòa với nhau, nữa nên vai trò quốc tế của khối Á Phi đã mất hết tầm quan trọng.

Một yếu tố khác ngăn cản các hoạt động quốc tế của khối Á Phi là những cuộc khủng hoảng nội bộ đã làm cho các quốc gia thuộc khối này luôn luôn bị giao động. Đây là những lung củng tại nội bộ khối Á Phi cũng như tại nội bộ mỗi quốc gia trong khối.

Các quốc gia Á Phi không có cùng một lý tưởng, cùng một quan điểm, cùng một quyền lợi. Sự đoàn kết của họ chỉ dựa trên một yếu tố hết sức mong manh là lập trường chống thực dân. Khối Á Phi gán cao thực dân mọi trách nhiệm về những tai họa của họ

như chiến tranh, đói rách, khiếm khai v v... Nhưng trong thập niên vừa qua hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thu hồi được độc lập. Thực dân không còn nữa để làm con dê chịu tội. Các quốc gia mới độc lập không còn ai để đổ tội, để tố cáo mỗi khi họ thất bại nữa. Vì khi đạt được qui-chế của những quốc gia có đầy đủ chủ quyền họ phải đối phó với những vấn đề của những nhà nước có trách nhiệm.

Với qui chế của quốc gia độc lập họ theo đuổi những mục-tiêu, những quyền lợi nặng mầu sắc quốc gia và kỷ. Quyền lợi của các quốc gia trong khối va chạm lẫn nhau là một điều không tránh khỏi. Vì vậy mà các quốc gia trong khối chia rẽ hơn bao giờ hết. Vừa độc lập, Algérie đã tranh chấp lãnh thổ và mỏ dầu hỏa với các quốc gia lân cận là Tunisie và Maroc. Tuy liên kết nhưng Sekou Touré và Kwamé N'Krumah tranh nhau vai trò lãnh tụ Phi châu. Phi-luật-tân, Nam-dương và Mã-lai tranh chấp các đảo ở Thái-bình-dương.

Tại nội bộ mỗi quốc gia cũng vậy, những cuộc tranh chấp giữ phe phái, giữa bộ lạc, giữa sắc tộc luôn luôn bùng nổ để lay động guồng máy chính quyền còn mỏng manh của mỗi quốc gia Á Phi vừa độc lập. Vừa độc lập vào năm 1950, Congo-Léopoldville đã đi vào nội chiến vì các bộ lạc chống đối nhau và cũng đi vào nội chiến vì giới Âu Châu, có quyền lợi kinh tế, còn cố vớt vát các đặc quyền đã mất. Đảo chính luôn luôn đe dọa chính quyền các quốc gia Á Phi. Trong 10 năm qua một số lớn quốc gia Á Phi không thoát khỏi nạn này. Lần lượt các lãnh tụ có

tiếng trên thế giới bị đảo chánh quét khỏi chính quyền. Lý thừa Văn bị hạ năm 1960, Lumumba bị hạ sát năm 1961, Ben Bella bị lật đổ năm 1965, N'Krumah năm 1966, Sukarno năm 1967, Mamadou Keita năm 1968 v.v..

Vì quá suy yếu nên khối A-Phi đã đi đến chỗ tan vỡ. Năm 1965 họ không triệu tập nổi một Đại hội A-Phi tại Alger để kỷ niệm 10 năm Hội nghị Bandoung chỉ vì Nga xô (!) và Trung cộng đều muốn nắm giữ khối này. Và đến tháng 11/1965 tại Hội nghị thượng đỉnh New-Delhi giữa bà Gandhi, ông Nasser và ông Tito, người ta phải công nhận rằng khối A Phi đã cáo chung.

Điều đặc biệt nhất là song song với sự suy yếu của khối A-Phi, khối này càng ngày càng rời xa vòng ảnh hưởng Cộng-sản. Vào năm 1960, tại Guinée, tại Ghana, cũng như tại Mali, Nga-xô và Trung-cộng hoạt động ráo riết để hầu đặt một hệ thống cộng sản tại Phi-châu. Năm 1961 khi Cuba tự tuyên bố là một nước xã-hội, Nga và Trung-cộng cũng có những hoạt động tương tự để nhằm những mục tiêu tương tự tại Mỹ-châu. Nhưng trong thập niên vừa qua tại cả Phi-châu lẫn Mỹ-châu khối cộng sản đều mất hết hy vọng xích-hóa hai lục địa này. Thật vậy, với sự lật đổ của N'Krumah và Keita ở Phi-châu, của Sukarno tại A-châu và với đường lối riêng biệt của Fidel Castro tại Mỹ-châu các lãnh tụ A-phi, Nam-Mỹ không còn là những công cụ của Nga-Hoa nữa.

Liên lạc Đông Tây

Bang giao giữa hai khối đối nghịch Đông-Tây trong thập niên vừa qua đã chặt chẽ hơn bao giờ hết. Nếu trong

những năm đầu một vài cuộc khủng hoảng trầm trọng còn xảy ra thì những cuộc khủng hoảng này chỉ là hậu quả của những thập niên trước. Nhưng tại cả hai phe, người ta cố gắng tìm phương cứu chữa bằng những hồ tương nhượng bộ. Vào cuối thập niên, nhiều cuộc khủng hoảng tuy còn tồn tại nhưng cũng đang đi tới chỗ được giải quyết và người ta đã cố gắng để chúng khỏi đe dọa hòa bình thế giới. Ngoài ra năm cuối cùng của thập niên 1960-1970 người ta thấy nhiều nỗ lực cộng tác Đông-Tây hơn bao giờ hết.

Ngay từ năm 1959, cả Mỹ và Nga đã bắt đầu phác họa một chính sách tiếp xúc nếu chưa là cộng tác thực sự. Tháng 8 1959 Phó Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon đã sang thăm chính thức Nga. Và tháng sau, Thủ-tướng Nga Kroutchev đã sang thăm Hoa kỳ, hội đàm với Tổng thống Eisenhower tại Camp David để đặt nền móng cho một chính sách thân hữu tương lai. Sự cởi mở của những cuộc hội đàm này đã đánh dấu bang giao Nga-Mỹ đến độ người ta nói tới « tinh thần Camp David » để chỉ bang giao Nga-Mỹ trong những năm 60.

Tuy nhiên người ta không tránh được các cuộc khủng hoảng, hậu quả của những thập niên trước. Thật vậy năm 1960 Nga xô đã hạ được một phi cơ thám thính Mỹ U-2 bay trên lãnh thổ Nga và bắt được phi công Powers, giải tòa. Ông Kroutchev đã lợi dụng vụ U-2 để phá vỡ hội nghị thượng đỉnh Paris giữa Anh, Nga, Mỹ và Pháp. Đồng thời chính phủ Nga cũng yêu cầu Tổng thống Eisenhower hủy bỏ cuộc viếng thăm Nga trú tính vào năm 1960.

Năm 1961 cuộc khủng hoảng Bá-linh cũng bùng nổ. Phe cộng sản đòi thiết lập qui chế «đô-thị tự do» cho Bá-linh. Chính phủ Đông Đức hạ lệnh ngăn chặn lưu thông giữa Tây Đức và khu Tây Bá-linh và cho xây «bức tường ô nhục» giữa hai khu Đông và Tây Bá-linh. Người ta đã ngại rằng phe cộng sản sẽ phong tỏa Bá-linh như họ đã làm vào năm 1948.

Cuối năm 1962 Nga lại cho chở hỏa tiễn nguyên tử sang Cuba khiến cho an ninh của chính Hoa-kỳ bị đe dọa vô cùng trầm trọng. Hoa-kỳ đã phản ứng quyết liệt bằng cách phong tỏa Cuba nhất quyết chặn giữ lâu Nga chờ hồi iễn và sẵn sàng chấp nhận chiến tranh với Nga. Trước thái độ cương quyết của Tổng-thống Kennedy, ông Khrouchev đi nhượng bộ và rút hỏa tiễn về.

Sau vụ Cuba, cả hai bên Nga và Mỹ tiến dần tới một chính sách nhượng bộ lẫn nhau. Cả Nga và Mỹ đều đề cho nhau tự do hành động trong vùng ảnh hưởng riêng của mình miễn là không phạm đến quyền lợi của nhau.

Đồng thời, Trung-Cộng cũng ngày càng ra mặt chống đối Nga và các quốc gia Âu Châu bắt đầu khước từ quyền lãnh đạo của Mỹ. Do đó hai quốc gia Nga và Mỹ không những áp dụng chính sách hỗ tương nhượng bộ mà còn tiến dần tới một chính sách cộng tác nữa.

Năm 1963 mặc dầu Trung Cộng và Pháp phản kháng mãnh liệt, Mỹ và Nga đã ký một hiệp-ước cấm thí nghiệm vũ-khí nguyên-tử tại Mạc-tư-Khoa vào tháng 8.

Năm 1965, trước sự xâm nhập mạnh mẽ của quân Bắc Việt ở miền Nam, chính phủ Mỹ đã ồ ạt gửi quân

sang Việt Nam và oanh tạc Bắc Việt, thì Nga-sô chỉ phản kháng chiếu lệ.

Năm 1965 Tướng De Gaulle Tổng-Thống Pháp, cũng sang Nga để thúc đẩy sự cộng tác Đông-Tây mà Pháp đóng vai chính. Nhưng khi chiến tranh Trung Đông bùng nổ, năm 1967, ông Kossyguine liên lạc trực tiếp với Tổng Thống Johnson ở Glasboro (Mỹ) chứ không chấp nhận những đề nghị của De Gaulle.

Năm 1968 tuy Việt Cộng tổng tấn công ở Nam Việt và tàu Mỹ Pueblo bị Bắc Cao bắt giữ, cả hai quốc gia Nga và Mỹ vẫn ký hiệp ước cấm phổ biến vũ khí nguyên tử tại Liên Hiệp Quốc với sự hiện diện của hai ông Johnson và Kossyguine.

Tuy Mỹ trực tiếp lâm chiến với một quốc gia Cộng sản ở Việt Nam nhưng không một lúc nào Nga can thiệp. Ngược lại Nga còn cố gắng làm áp lực để chính phủ Bắc-Việt có đường lối ôn hòa. Tuy tháng 8-1963, khi Nga xâm lăng Tiệp khắc, an ninh Tây-Âu bị đe dọa, nhưng Mỹ cũng đề cho Nga tự do hành động trong vùng ảnh hưởng của mình.

Trong năm 1969 tức là năm cuối cùng của thập niên 1960 — 1970 sự cộng tác giữa Đông và Tây đã trở nên mật thiết hơn bao giờ hết.

Tại Á-Châu Mỹ đưa ra chính sách mới nhằm giảm mức can thiệp quân sự và chính trị của Hoa-kỳ tại Á Châu khiến tình trạng căng thẳng hạ xuống nhiều. Tại Âu Châu Thủ tướng Tây Đức Willy Brandt đang bắt đầu áp dụng một chính sách cộng tác với phe cộng sản Đông-Au và được phe này nồng

nhật đáp ứng. Ngoài ra giữa Nga và Mỹ cuộc hội đàm về hạn chế vũ khí nguyên tử ở Helsinki đã thực hiện được nhiều tiến bộ quan trọng. Sau hết Minh-ước Varsovie, cả hai lần nhóm họp, đều kêu gọi khối Bắc Đại-Tây-Dương triệu tập một hội nghị về an ninh Âu-Châu giữa hai khối liên phòng. Năm 1969 đã kết thúc thập-niên trong một tinh thần hợp tác, tuy còn dè dặt, nhưng không kém liên tục.

oOo

Thập niên 1960-1970 vừa qua đã rất phong phú về biến chuyển quốc-tế. Trong 10 năm qua, lịch sử thế giới đã bước vào một ngõ quặt, một giai đoạn mới của bang giao quốc tế, đặt trên một căn bản hòa giải và cộng tác quốc tế hơn là trên những sự tranh chấp không lối thoát.

Sự kiện mới lạ sở dĩ có là nhờ có sự tan rã của các khối và thể quân bình của vũ khí nguyên tử giữa hai bên. Tình hình thế giới trong năm cuối cùng của thập-niên khả quan đến độ người ta tin rằng thế giới đang bước vào một thập niên hòa bình vì cuộc đụng độ trầm trọng nhất của thế giới hiện thời là cuộc chiến tranh Việt-Nam, cũng đang có nhiều hy vọng giải quyết trong khuôn khổ hòa giải Đông-Tây. Trong bài toán quốc-tế hiện thời chỉ có mỗi thái độ Trung-Cộng còn là một ẩn-số. Nhưng Trung-Cộng chưa chắc trong thập niên tới đã chinh đốn nổi nội bộ và phát triển được cùng một lúc để tính chuyện chiến tranh.

Nhân-loại đón tiếp thập niên mới 1970 - 1980 dè dặt, nhưng tràn đầy hy vọng.

TỪ TRÍ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Tàu và Đông-Nam-Á

(Tàu là Tàu, ở nơi nào, cũng chỉ là Tàu)

Những tiếng nói cất lên đây thích đối với thế-giới, một điều «nhân-danh bầy trăm triệu nhân-dân Trung-hoa», hai điều «nhân-danh bầy trăm triệu nhân-dân Trung-hoa» của Mao-Trạch-Đông, chắc chắn không phải phát xuất từ ý-thức đấu-tranh cho giai-cấp vô-sản. Vì trong số bầy trăm triệu ấy rõ-ràng còn không biết bao nhiêu «kẻ thù» của giai-cấp này. Vậy, thực sự, người ta chỉ có thể nhìn thấy khía cạnh «dân-tộc» trong giọng điệu kiên cường phô-trương sức mạnh nhân-số ấy.

Thế-giới, nói chung, đang ngại ngại ngừng ngừng trước những mưu đồ muốn dùng một phần tư nhân-loại đó để gây loạn. Trong sự ngại ngại ngừng ngừng, người ta đã thấy rõ-rệt những khuynh-hướng muốn cầu hòa, muốn thần phục của những kẻ yếu, và những khuynh hướng muốn chống đối, muốn đương đầu của những kẻ mạnh.

Đông-Nam-Á, nói riêng, cũng không thoát ra ngoài hai khuynh-hướng trên. Nhưng cầu-hòa, thần phục có thể được đề ở yên trong giai-đoạn hiện-tại, song lấy gì bảo đảm cho tương-lai, trong khi Trung-hoa đã sẵn sàng có dự-kế thống-trị. Còn chống đối, đương đầu thì không đủ mạnh, nên có quốc-gia đã bám theo một đế-quốc khác để tìm sự che chở. Hành-động theo phản-ứng ấy đã dựa vào một mệnh đề nghe ra thường hợp-lý «kẻ thù của kẻ thù ta là bạn ta», nhưng thật ra là sai lầm, ấu-trĩ trong trường-hợp này. Vì hành-động như vậy, chúng ta đã đồng-hóa lập trường tự-vệ thiêng liêng của mình với lập trường đế-quốc. Hay nói một cách khác, chúng ta đã chỉ phụ-hòa theo tiếng gầm gừ của bầy thú dữ đang tính chuyện xâu xé lẫn nhau mà thôi.

Muốn ý-thức được vị-trí chân thực của mình trong phạm vi này, hãy lắng nghe tiếng thì thầm thồn thức trong suốt dòng lịch-sử của các dân tộc Bách Việt, từ khi rời bỏ địa bàn Hoa-Nam qua lúc hình thành các tổ-hợp Đông-Nam-Á tới ngày nay ; Tiếng thì thầm ấy nhắc nhở chúng ta rằng : Hãy trả vấn đề «Trung-Cộng» cho Cộng-sản Nga, cho Tư-bỏn Mỹ còn chúng ta tiến đến Đông-Nam-Á

chúng ta không có vấn-đề «Trung-Cộng» mà chỉ có vấn-đề Tàu». Tàu thì lúc nào cũng chỉ là Tàu và cái mưu đồ theo đuổi tận diệt bằng đồng-hóa các dân tộc nhỏ yếu chung quanh, từ xưa đến nay cũng vẫn thế.

Từ nhận thức ấy, hãy bàn đến chuyện Tàu, chuyện Tàu từ Hoa-lục, chuyện Tàu từ Đài-Loan và cả chuyện Tàu ở ngay trong lòng Đông-Nam-Á. Từ nhận thức ấy mới thấy cần phải đương đầu, đương đầu trong phòng ngự chứ không phải tấn công, và đương đầu với tư thế của bầy trâu chống cạp, chứ không phải với cung cách của trẻ nít núp váy mẹ hờ.

Truyền-thống Đế-quốc.

Cho tới cuối thế-kỷ 19, mối liên hệ giữa Trung-Hoa và các lân bang là mối liên hệ của « thiên triều » với tiểu quốc, vì Trung Hoa vẫn tự coi là trung-tâm của thế giới, một tổ hợp văn minh cao cả ở giữa những tổ hợp của các rợ. Vì vậy, trước kia người Trung-hoa không thể nào quan-niệm nổi một hình thái thế giới loài người quy tụ những quốc-gia bình-đẳng. Cái tinh-thần Đại-Đồng được phô diễn một cách tốt đẹp trong Lễ-ký đã được người Trung-Hoa hiểu một cách thực tế là nhân loại đại đồng trong sự « coi sóc » của nòi Hán và được biểu hiện ra thành một thứ chủ-nghĩa Đế-quốc được mệnh danh là Thiên-hạ chủ-nghĩa.

Khi Mao-Trạch-Đông hô hào giải phóng toàn thể nhân loại để thiết lập một thời đại mới, thì thật ra Mao đã chỉ lập lại cái ý thức truyền thống của Trung-hoa bắt nguồn từ thời Tiền Khổng giáo và mới chấm dứt vào cuối thế kỷ 19 (1). Trong giai đoạn không tiếp nối trước Mao, Khang hữu Vi cũng đã mưu toan xây dựng lại cái cơ cấu mục nát của Thanh-triều trên ý thức này nhưng thất bại (1898), cũng như Trương-giới-Thạch đã thất bại vì sự quật khởi của Nhật-bản, một dân-tộc rợ vốn trước kia vẫn thần phục thiên triều.

Ngay từ khi mới lập quốc, người Hán đã theo đuổi một đường lối bành

trướng bằng phương cách đồng-hóa mãnh liệt. Truyền-thuyết Trung Hoa còn ghi lại thời kỳ tranh chấp lưu vực sông Hoàng-hà giữa Hán tộc và Miêu-tộc (người Mèo, trong đại-tộc Bách-Việt) vào khoảng đầu thiên-niên-kỷ thứ ba trước Công-nguyên. Trước chính sách đàn áp diệt tộc của người Hán, người Mèo đã phải lui dần xuống phương Nam, nhưng vẫn luôn luôn bị người Hán theo đuổi mà tiêu diệt. Trong khi các bộ tộc Việt khác đã thiên-di ra xa hẳn vùng người Hán chiếm thì người Mèo vẫn luẩn quất tại Hoa lục. Bỏ Hoàng-hà, họ lui xuống Dương-tử, rồi qua sông đi về Đông Nam. Để tránh nạn diệt chủng họ phải rút lên các núi vùng Nam-Linh (người Hán về sau gọi là Miêu-Linh)

(1) Trong *The World Today*, 1-1963 (Royal Institute of International Affairs) giáo-sư C.P. Fitzgerald đã đề-cập đến tư-tưởng Đế-quốc truyền-thống của Trung Hoa và cho rằng sở dĩ người Hán giữ mãi tư tưởng ấy, vì họ luôn luôn tự coi là tổ-hợp văn minh duy nhất. Đối với những tổ-hợp chung quanh Trung-quốc nếu đã có lần được tiếp nhận ánh-sáng văn minh (nghĩa là đã từng bị người Hán cai trị, thì đương nhiên sẽ mãi mãi là của người Hán, không vì lý-do gì lại còn thuộc bọn *man di* nữa. Nếu có lỡ mất quyền kiểm soát, thì người Hán phải tìm cách thu đoạt lại ngay khi có cơ hội. Sự bành-trướng của Đế-quốc Trung-hoa trên ba nghìn năm đã được xây dựng trên nguyên tắc ấy. Các dân-tộc *man di* bị Hán-tộc đánh thắng sẽ dần dần bị đồng hóa thành Trung-hoa qua những cuộc thiên cư tràn ngập của người Hán

ở ranh tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, Hồ Nam, Quý Châu và Tứ Xuyên, nơi đã được mô tả bằng thành ngữ «trời không ba ngày sáng, đất không ba thước bằng», vì có địa thế vô cùng hiểm trở và bị sương mù bao phủ quanh năm.

Mãi tới thế kỷ 17 mới bắt đầu có những toán người Mèo đi xuống Đông-Nam-Á, tổng-số hiện nay cũng chỉ có độ vài trăm ngàn. Số còn lại bị tiêu hao dần sau mỗi đợt nổi dậy chống Hán. Cho đến ngày nay, một dân-tộc trước kia đông đảo ngang dân Hán và đã choán giữ bình-nguyên, phát-triển văn minh thủy-đạo (lúa cấy ruộng nước) đầu tiên, nay chỉ còn lại 2,5 triệu người (1) rải rác trên các vùng cao-nguyên cần cỗi và hoàn toàn biến thành dân-ở-núi. Trường hợp Miêu-tộc được nêu lên ở đây chỉ là một trường hợp điển hình trong lịch sử bành-trướng của Hán tộc.

Đối với các bộ-tộc khác cũng vậy. Sử còn chép vào cuối thế kỷ 3 trước Công-nguyên, quân Tần xuống đánh Bách-Việt ở Miền Nam, tiến quân bình-định đến đâu liền di dân Hán lập nghiệp đến đó. Chính trong dịp này, nhiều bộ tộc Việt đã thiên di (2) Trên vùng đất cũ, ngoài cuộc quật khởi của bộ tộc Lạc-Việt ta để thu hồi độc lập, ngày nay chỉ còn sót lại vài nhóm thiểu số rút ẩn vào rừng núi. Nhóm đông-đảo nhất còn lại là bộ tộc Choang (vẫn tự xưng gốc Việt) ở Quảng Tây. Nhóm này hiện đã tổ chức thành Khu tự-trị.

Chính sách di-dân choán đất ngày nay vẫn được duy trì, khốc liệt không kém thời cổ. Năm 1911, Ngoại Mông tuyên cáo độc lập. Sự ảnh-hưởng sang Nội Mông, người Tàu bèn di dân lên ào ạt và tới ngày nay, người Mông-Cổ đã trở thành thiểu-số ngay trên vùng đất gốc của mình : 1,3 triệu trong tổng-số 6,5 triệu. Trước trạng huống ấy, Ngoại-

Mông (dân số 1 triệu) chắc chắn phải từ bỏ mộng thu hồi phần Nội-Mông còn lại. Tại Mãn châu, Trung-Cộng cũng đã di dân Hán lên để triệt hẳn mầm mống phục-hưng Mãn-châu-quốc (trước đây do Nhật đỡ đầu). Ở miền Tây sau khi đã kiểm soát chặt chẽ được Tân-Cương bằng quân-lực, Trung-Cộng đã dành cho dân Hồi-Thồ Uighur (Khoảng 4 triệu người) chế độ Khu tự-trị (1953), nhưng đồng thời cũng phát-động rầm rộ phong trào cưỡng bách di dân các tỉnh ở trung-nguyên lên. Mục toan tranh thủ độc-lập của dân Hồi-Thồ, với sự giúp ngầm của Nga, ngày nay đã hoàn toàn vô-hy-vọng vì Uighur hiện đã bị người Hán tràn ngập. Người Tây-tạng cũng đang trong tình trạng tương-tự. Những cuộc hành-quân đàn-áp năm 1959 đã được mô tả là quân Tàu tiến vào Tây-tạng đến đâu, dân Tàu lũ - lượt kéo theo choán đất đến đó.

Xâm-lăng bằng cách di dân tràn ngập là loại xâm-lăng nguy hiểm nhất, vì đất bị chiếm không bao giờ còn hy-vọng thu hồi độc-lập. Người Tàu là dân tộc đầu tiên thấu hiểu và thi hành phương cách ấy (3) Và chính vì sự trải mộng trên

(1) Ban thống kê điều-tra dân-số của Trung Cộng năm 1953

(2) Xin coi Bách-Khoa T.Đ. Số 292.

(3) Riêng tại Việt-Nam trong một ngàn năm đồ hộ (11 trước C.N. — 939 sau C.N.) triều đình Trung hoa đã chỉ cử quan sang cai trị mà không di dân. Có lẽ phần vì Miền Nam nước Tàu chiếm được của Bách Việt còn rộng bao la mà dân Ba Tàu hồi ấy hãy còn tương đối ít, phần vì đất Giao chỉ là miền hẻo lánh xa xôi, khí hậu lại nóng ẩm không thích hợp với người Tàu. Dầu sao Trung Hoa cố gắng đồng hóa người Việt bằng văn-hóa như tiêu diệt chữ Việt bắt học chữ Tàu, rập theo phong tục tập quán Tàu. Nhưng rút cục, người Việt vẫn là người Việt và cuối cùng lại giành được chủ quyền. Tinh thần đề kháng mãnh liệt ấy đã làm ngạc nhiên các sử gia thế-giới. Trong cuốn *The Smaller Dragon* (Tiểu Long) tác giả Joseph Buttinger đã cho là một điều kỳ lạ khó mà giải thích nổi.

những vùng đất mới để đồng-hóa các dân tộc nhỏ khác, dân-số Tàu đã phát triển một cách kinh-khủng trong năm sáu thế kỷ vừa qua (1). Mức độ dân số phát triển quá mau đã vượt xa diện tích đất mới. Ngày nay với trên 800 triệu dân, Trung-hoa đang cảm thấy khó sống trong một lãnh-thoải tuy rộng (3 760.339 dặm vuông) nhưng không đủ thực phẩm cung ứng. Sự thiếu ăn truyền kiếp vẫn theo đuổi người Trung-hoa như một định mệnh, vì vậy họ đã nhìn xuống vựa lúa Á-châu — vùng đất Đông-Nam-Á — với con mắt thèm thuồng. Đó là lý-do chính đã khiến Tàu, dù dưới chế-độ nào, cũng đều mật đưa việc thôn tính Đông-Nam-Á lên hàng đầu quốc-sách.

Hãy bỏ qua những cuộc xua quân xâm chiếm trong lịch sử mà chỉ xét ngay trong thời hiện đại, chúng ta thấy người Tàu đã chiếu cố Đông-Nam-Á dưới hai hình-thức trong hai thời-kỳ khác nhau: Từ cách mạng 1911 đến khi thành lập Cộng-hòa Nhân-dân (1949), người Tàu đã di-cư xuống các nước trong vùng và định cư luôn. Sau 1949, phong trào di-cư bị chặn đứng, người Tàu, dưới chế-độ Cộng-sản bèn xoay hướng khác với kế-hoạch vận-dụng chính-trị nhằm đưa các quốc-gia trong vùng vào vòng quỹ-đạo của mình — bước đầu tiên của mưu đồ thống-trị.

Hoa kiều ở Đông-Nam-Á

Thật ra thì không phải mãi tới thế-kỷ 20 này mới có Hoa-kiều ở Đông-Nam-Á. Nước nào trong vùng cũng đều ghi nhận sự hiện diện của Hoa-kiều từ mấy trăm năm, có khi hàng ngàn năm về trước. Nhưng, Hoa-kiều chỉ mới trở thành vấn đề khó giải-quyết cho vùng này trong vòng nửa thế-kỷ nay, nghĩa là từ khi

Trung-hoa có chính-sách về Hoa-kiều Hải-ngoại và mưu toan sử-dụng họ vào việc lũng đoạn các quốc gia cho họ trú ngụ.

Tổng số người Tàu ở Đông-nam-Á hiện đã lên tới số 13 triệu (2) nghĩa là nhiều hơn tổng-số dân gốc cả ba nước Miên, Lào và Mã-lai-Á hợp lại. Trừ trường hợp Miến- iệt, tất cả các nước còn lại đều đang tranh thủ một cách chật vật để tự gỡ ra khỏi vòng thống-trị về kinh-tế của Hoa - kiều.

Trước 1911, thường thường chỉ có đàn ông Tàu, hầu hết là nông dân và công nhân ở hai tỉnh Quảng-Đông và Phúc-kiến, xuống Đông-Nam-Á tìm công ăn việc làm. Khi có một số vốn lớn, họ bèn trở về xứ. Chính cái kết quả nhần tiền về sự giàu sang mau chóng của họ đã lôi cuốn các đợt Tàu khác xuống kiếm ăn. Ở các xứ Phật-giáo như Miến, Thái, Miên, Việt, nhiều đàn ông Tàu đã lấy vợ bản xứ.

(1) Theo Thống-kê của Ping-ti-Ho trong *Studies on the population of China 1368 — 1953* (Cambridge: Harvard University Press 1959) dân số Tàu đã phát-triển như sau:

1193	65 triệu
1600	150 triệu
1700	150 triệu
1779	27 triệu
1784	313 triệu
1850	430 triệu
1953	583 triệu

Hiện nay theo thống-kê của chính-phủ liên hệ, năm 1966, Hoa-lục có 763 triệu dân, Đài-Loan 13 triệu dân, tổng cộng 773 triệu.

Với mức độ gia tăng 1% đến 2% mỗi năm, dân-số Trung-Hoa sẽ đạt tới một tỷ trong một thời-gian ngắn nữa (Thomas E. Dow Jr. trong *Current History* 9-1968).

(2) Ước tính theo *Communist China And Asia, Challenge To American Policy* của A. Doak Barnett, Harper And Brothers 1960 (Phần chú-thích).

Theo truyền thống, họ cô gang biển đám con cháu lai thành Tàu hay ít ra cũng thiên về tính chất Tàu nhiều hơn. Song, cũng có những trường hợp ảnh hưởng đáng mẹ quá mạnh, nhiều gia đình trải qua bốn thế hệ là trở thành người địa phương. Đối với trường hợp này, không có vấn đề gì phải đặt ra cả, vì họ đã chấp nhận dân tộc mà họ mang trong mình phần nửa dòng máu, chấp nhận quốc gia đã nuôi dưỡng họ, và sống hòa đồng không kỳ thị với tập thể địa phương.

Nhưng đa số người Tàu và Tàu lai đều không chịu địa-phương-hóa một cách dễ dàng như vậy. Họ đã liên-kết với nhau tranh đấu cho quyền-lợi riêng của họ bằng mọi thủ đoạn xấu xa có thể có, như mua chuộc, đút lót và đã mở mang hoạt-động kinh-ế của họ bằng đủ mọi phương cách bần thiêu như đầu cơ tích trữ, chợ đen, buôn lậu... Sự việc này đã gây phần nộ cho chính-quyền độc lập duy nhất trong vùng là Thái-lan. Năm 1910, vua Wachirawut đã tung ra chiến dịch chống tập thể Hoa-kiểu mà ông gọi là *bọn Do - thái Phương Đông*. Và đến năm 1913 thì Thái-lan đưa ra đạo luật đầu tiên về việc hạn chế hoạt-động của Hoa-kiểu. Thật ra nếu so sánh với sự lũng đoạn kinh tế Đông-Âu của bọn mại bản Do-thái thời ấy, thì người Tàu còn nguy hiểm hơn nhiều, vì họ không là những kẻ lang thang mất gốc. Họ còn có một tổ quốc phải hướng về và trông chờ sự che chở. Và vì vậy, ngoài tài tháo vát của họ, họ còn được một thế lực chính trị to lớn là chính-quốc Trung-hoa theo dõi và ủng-hộ khi cần. Nhất là từ sau cách mạng 1911.

Từ sau 1911, phụ-nữ Trung hoa bắt đầu tràn xuống, những gia-đình thuần túy Trung-hoa được lập nên và xã-hội Trung-hoa ở địa-phương dần dần ràng buộc thêm những quy-luật từ chính-quốc đưa sang cho các tổ-chức bang hội thi hành.

Một mặt các bang hội Tàu lo bảo vệ tập-thể Trung-hoa về quyền lợi kinh-tế cũng như về văn-hóa (để giữ nguyên truyền thống Tàu) một mặt họ đẩy mạnh việc kéo hẳn những người lai sang hàng ngũ Tàu, phần nhiều bằng những mối lợi trước mắt. Vì vậy tập thể Hoa-kiểu ngày càng đông đảo và bền chặt; cho đến thế-chiến 2, người ta đã nghĩ là không có cách gì buộc họ gia-nhập vào những xã-hội mà họ sinh sống. Họ lập một tập thể ngoại-nhân riêng biệt và cùng với tập thể thực-dân Tây-phương ở vùng này, họ đã triệt để khai thác địa phương để thủ lợi.

Trong việc đầu tư khai thác, người Tây-phương có vốn và có uy-quyền, còn người Tàu thì thực ra chỉ đến với hai bàn tay trắng. Nhưng với sự khéo léo và óc tổ-chức sẵn có của họ, người Tây phương đã rất tin cần nơi họ; vì vậy người Tàu đã trở nên trung-gian, đầu nậu trong nhiều loại nghiệp vụ khác nhau cho các chủ nhân ông Tây-phương. Sống trong thời bị trị, dân địa phương đã chịu khổn đồn dưới hai tầng bóc lột Tây và Tàu. Tây nắm chính quyền, bóc lột bằng sức mạnh, Tàu nắm kinh-tế, bóc lột bằng mưu trá. Và với mưu trá, chẳng bao lâu đã thấy xuất hiện không biết bao nhiêu những người Tàu, làm chủ các thương-điểm vi-đại, các ngân-hàng, hầm mỏ, cơ-sở kỹ-nghệ. Còn các hoạt, động trung-bình khác thì càng không thiếu, những tiệm chạp phô, những đại-

lý nhu yếu-phần, những tiệm cầm đồ, cho vay, tiệm ăn, tiểu công-nghệ .. chỉ những Tàu là Tàu. Có thể nói khắp Đông Nam Á, chỗ nào có thị trấn là có người Tàu : Từ những cơ-sở thương vụ lớn lao có tầm mức quốc-tế ở Manila đến những quán cóc ở một thị-trấn heo hút như Nam-Tha tại Bắc Lào, những bảng hiệu Tàu cũng đều thấy dựng lên ngạo nghễ.

Về số Hoa-kiều ngày nay tại mỗi quốc-gia khó mà có được bảng kiểm kê chính-xác, nhất là từ khi Đông-Nam-Á đồng loạt tung ra những đạo luật hạn chế Hoa-kiều nhập nội và địa phương hóa Hoa-kiều thổ-sinh.

Tại Phi-lật-tân, tới cuối thế kỷ 19, cũng là cuối thời-kỳ Tây-ban-nha đô hộ, tổng số Hoa-kiều chưa tới 40.000. Nhưng sang thế-kỷ 20, gần thế-chiến 2, con số này đã tăng lên gấp 10 lần. Ngày nay, người ta ước lượng tổng-số Hoa-kiều vào khoảng 600.000 nghĩa là 20% dân số Phi.

Tại Việt-Nam, trong những năm đầu thế-chiến 2, tổng-số Hoa-kiều chỉ có vào khoảng 320.000 tới 420.000, riêng tại Nam-kỳ, Hoa-kiều đã tập-trung đông đảo nhất và chiếm tới 75% toàn số. Nhưng từ khi chiến-tranh Đông-Dương bùng nổ, Hoa-kiều đã lợi-dụng sự dễ dãi của người Pháp ào ạt đổ vào Sài-gòn để khai thác chiến-tranh, nhất là từ 1946 đến 1948. Sau hiệp-định Genève, số Hoa-kiều ở Nam Việt-Nam được ước tính vào khoảng 900.000, nghĩa là chiếm tới 70% dân-số (1).

Tại Cao-miên, theo thống-kê 1955, tổng số Hoa-kiều là 275.000 người, nghĩa là vào khoảng 5,5% dân số. Tuy nhiên, thống-kê này đã không kể đến số người lai, mặc dầu trên thực tế số người lai ấy vẫn tự coi là người Tàu. Cũng như ở Việt-Nam, người Tàu đã di-cư vào Miên đông đảo nhất trong những năm đầu chiến-tranh Đông-dương và cũng qua ngã Sài-gòn.

Tại In-đô-nê-sia, cuối thế-kỷ 19, người Tàu có độ 200.000. Đến năm 1930 số này tăng lên đến 1.330.000, và sau khi In-đô-nê-sia thâu hồi độc lập, tổng-số Hoa-kiều là 2.250.000 và đạt tới 2,7% dân-số.

Tại Mã-lai-Á và Tân-gia-ba, người Tàu hiện đều đông hơn người Mã gốc. Ở Mã-lai-Á có 4 triệu người Tàu, chiếm 42% dân số (trong khi người Mã gốc chỉ có 40%, phần 18% còn lại là người gốc Ấn, gốc Âu ..). Còn ở Tân-gia-ba, người Tàu có 1,5 triệu và người Mã-gốc 240.000 trong tổng-số dân 2 triệu. Như vậy người Mã-gốc chỉ chiếm 12%, trong khi người Tàu 75%.

Tại Thái-lan, số Hoa-kiều đã lên tới 3 triệu vào năm 1957, tức 13% dân số (dân-số được kiểm kê chính-thức là 23 triệu vào năm này). Ngày nay, khó mà phân biệt được thành phần Hoa-kiều và thành phần Lukchin (cha Tàu, mẹ Thái) vì đối với chính-phủ Thái, Lukchin đương nhiên là Thái, nhưng đối với người Tàu họ vẫn thừa nhận quốc-tịch cha cho Lukchin. Do đó, nếu kể chung cả hai loại này thì con số phải vượt trên 3 triệu.

Tại Miến-điện, tổng-số Hoa-kiều có chừng 320.000, tức độ 1,5% dân-số. Tại Lào, Hoa-kiều có 30.000, chiếm 10% dân-số. Đây là hai nước có ít Hoa-kiều nhất và cũng ít gặp những vấn đề rắc rối như tại các nước khác ở Đông-Nam-Á.

(Còn tiếp)

PHAM-VIỆT-CHÂU

() Thống-kê chính thức của Chính-phủ năm 1955 tổng-số Hoa-kiều là 705.120, con số này bị các chuyên-viên về Hoa-kiều cho là quá thấp so với thực tế vì chính-phủ không kiểm-sát được hết. Trong bài Vietnam's Chinese Problem, đăng ở Far Eastern Survey, vol. 1-5-1958, Bernard F. Fall cho rằng ít ra Hoa-kiều cũng phải có tới 800.000 và chiếm 8% dân-số thời ấy.

Một cái nhìn đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH-DỤC

III. - TÍNH DỤC TRONG TÌNH YÊU (tiếp theo) (*)

(Tiếp theo B. K. số 312)

Tình yêu và hiến thân

E-then bảo tồn tính-dục-năng và chuẩn bị nó cho tương-ái giữa người thuộc hai phái. Sự tương ái như thế gọi là ái tình.

Ái tình là một hiện tượng hầu như choán đoạt tất cả sinh hoạt riêng tư và xã hội của con người. Văn chương, tuồng kịch, phim ảnh, hội họa, ca nhạc..., đâu đâu cũng chỉ thấy nói đến tình yêu. Người ta nói về tình yêu khi bắt đầu ý thức được mình là người, và chỉ ngưng nói lúc tắt thở hay thế-tận. Tất cả dường như con người sinh ra chỉ là để yêu, và không thể sống cho ra người nếu không có tình yêu.

Con người tự nhiên ai cũng biết yêu, nhưng yêu là gì thì mỗi người định nghĩa mỗi khác. Tùy theo quan điểm của mình về sự sống và cứu cánh đời người, mà người ta cũng nghĩ khác nhau về tình yêu. Người ta còn quan niệm khác nhau về tình yêu nữa do khác nhau ở giáo-dục. Quả giáo dục dự phần quan trọng vào sinh hoạt tính dục, vì con người cao lên đến đâu, cách sống tính dục của nó

cũng cao lên đến đấy. Các tu-sỹ, nhờ khổ hạnh, dễ đạt Tinh-thần hơn, nhưng quan niệm về tu hành cho đến nay đã khiến họ gạt tính dục sang bên lề cuộc sống. Không sống tình yêu nữa, họ cũng không hiểu tình yêu ở mức độ cao nhất của nó để mạc khải cho người đời. Ai cũng như ai, người ta tưởng rằng tình yêu chỉ là vấn đề bản-tính, nên không có ai mất công sửa soạn cho nó và giáo dục nó, do đó tình yêu thường bao giờ cũng chỉ được quan niệm một cách thấp kém thôi.

Veda cũng như Upanisad gọi tình yêu là kâma, ham muốn, và coi vợ con là những sở hữu giống như của cải khác. Và đó cũng là quan-niệm chung của thế giới xưa kia.

Schopenhauer, nhà triết-học Phật giáo kiểu Tây ấy, cũng chỉ coi tình yêu là khoái lạc thể xác và ích kỷ. Tuy nhiên, ông cho hạnh phúc này là ảo-tưởng, vì thiên nhiên cốt lợi dụng nó để bảo tồn chủng-loại.

(*) Về những tiếng Sanscrit trong bài, này, xin xem PHIÊN ÂM FÚNG ở cuối chương II trong số B-K. 311 (15-12-69)

Cái lòng dục của ta, nhờ bản năng hướng dẫn, sẽ tìm đến người đàn bà nơi đó ta nhìn thấy sự trường tồn của mình trong dòng tộc, và đấy là do lòng ham sống của ta thúc đẩy.

Nhưng sống là sống đề khổ và đề chết. Vậy bám vào nó cũng là bám vào chính đau khổ và sự chết. Cho nên phải cố diệt dục, diệt lòng ham sống, nhờ đó tách mình ra khỏi dòng giống. Đó chính là Niết bàn Phật-giáo, theo như Schopenhauer nghĩ (1).

Platon cũng lệ thuộc tình yêu vào lòng ham sống, muốn trường tồn và bất tử nơi giòng giống mình. Ông nhìn nhận rằng đó mới chỉ là tình yêu hạ đẳng mà con người có chung với súc vật thôi. Ông cũng nhận có một tình yêu cao siêu, nhưng tình yêu này, theo ông, lại là tình yêu khoa học và sự đẹp. Thứ tình yêu như thế đâu có phải là tình yêu đúng nghĩa. Còn đối với tình yêu thứ nhất, tình yêu khác phái, ông đã coi nó là xấu xa, tầm thường rồi, và trong trường hợp ấy, một triết nhân chỉ nên tới gần đàn bà với mục đích truyền sinh mà thôi.

Nói cho đúng ra, nếu người ta coi hôn nhân là phương tiện truyền sinh và yêu nhau là việc của phạm phu tục tử, thì đó là vì người ta đã nhìn ái tình hoàn toàn ở khía cạnh bản năng. Ở khía cạnh ấy, con người không khác chi mấy với súc vật.

Thực ra, tình yêu có phải là bản năng thôi hay không?

Nếu chỉ là bản năng, thì mục đích sinh hoạt tính dục sẽ quy về khoái lạc cá thể và lợi ích chủng loại. Như chúng ta đã chứng minh ở chương I, bắt đầu cá thể chỉ là những cái mồi,

cái đà dướn cho sự sống và chủng loại tròn lượn qua, nhưng càng tiến về phía những sinh vật thượng đẳng, thì cá thể càng biện minh cho địa vị và vai trò của mình, khiến cho chủng loại dần dần phải giảm bớt tầm quan-trọng.

Dù sao chăng nữa, thì nơi súc vật tính dục dừng lại ở cảm giác và sinh hoạt hạ đẳng. Nhưng khi sang đến giống người, thì nó còn là tâm linh, còn có cái gì thiêng liêng nữa. Ở một tâm hồn càng thanh cao, nghĩa là càng ý thức về phẩm giá và bản vị của mình, thì khía cạnh cảm giác càng bớt tầm quan trọng đi trong khi mà ở khía cạnh tâm tình, tình yêu càng trở nên sâu xa, đậm đà và thiêng liêng hơn. Khi ấy, bản năng sẽ giảm sút về trọng lượng, và con người trong thương mến cũng trở nên nhẹ nhàng, thanh thoát và đầy tự chủ. Phải, sống con người không thể chỉ là sống bản năng, mà còn là sống vượt lên khỏi mình luôn luôn bằng ý chí tự do nữa.

Nói như thế, chúng ta không có ý phủ nhận bản năng trong tình yêu. Tình yêu phải là «trọng-lực» (pesanteur) nghĩa là bản năng theo tiếng gọi của nữ triết-gia Do-thái Simone Weil. Nhưng tình yêu không thể chỉ là bản năng, bởi vì bản năng lấy mình và khoái lạc của mình làm cùng-đích, còn yêu thương thì hướng về người khác, như thánh Augustin nói: «Yêu... cho đến khinh rẻ chính mình đi.»

Cũng như bản năng, tình yêu hướng về hiệp nhất, nên kẻ yêu khao khát được người yêu mến-thương trả lại. Và lại, dù bản năng cũng thúc bách hồ mẹ liều chết để bảo vệ con mình. Tuy nhiên, dù mẹ hồ có thể liều chết vì con, và đôi

(1) Xem SCHOPENHAUER, *Trần thế*, tập III, và ít nhiều ở tập IV nữa.

khi chồ g hồ cũng liễu chết vì vợ, nhưng một khi không được độc chiếm con làm của riêng mình nữa thì mèo mẹ sẽ cắn chết con ngay. Như thế, khi liễu chết vì con, mẹ hồ và mẹ mèo chỉ có ý bảo vệ một vật sở-hữu quý báu. Trái lại, một tâm hồn thanh cao khi yêu đương, có thể hy sinh người yêu cho kẻ khác vì hạnh phúc hay sự sống còn của chính người yêu.

Như chúng ta đã nói tình yêu tự nó không đòi hỏi hy sinh, nhưng giả thiết một tình thần hy sinh. Tự nó, nó vẫn hướng về hiệp nhất, và do đó, thiết tha được yêu trả lại. Và một tình yêu hoàn toàn, nghĩa là hiệp nhất hoàn toàn, bao giờ cũng phải có yêu và được yêu như thế. Cho nên, tuy yêu là **hiển thân**, nhưng cũng là thực hiện sự thông cảm trong chính hiển thân đó. Vậy yêu vừa là tự do vừa là trọng lực, hay, nói cho đúng hơn, là giải thoát khỏi mình trong chính mình và vượt bản năng nơi chính bản năng.

Bản năng trong tình yêu cực kỳ mạnh mẽ, và nó lay động đến những nền tảng sâu xa của con người, nên, để có thể bắc bằng mình lên dưới một sức nặng như thế, con người cũng phải có đôi cánh cực kỳ mạnh mẽ của ý-chí, có sự thu hút mạnh mẽ và sâu xa của trời cao qua tinh thần hy sinh và bồn phận. Cho nên, đòi hỏi nó phải được tôi-luyện nhân-cách. Và đòi hỏi phải có **giáo dục tình yêu**.

Có như thế thì cái tình yêu cao quý mà tiểu thuyết và tuồng kịch lắm khi diễn tả, cái tình yêu mà chắc bao người vẫn kính trọng và ước mơ, cái tình yêu ấy mới có thể thực hiện được. Một tâm hồn tầm thường và hèn hạ chỉ có

thể biết đến dâm dật, chứ không hiểu tình yêu. Còn một tâm hồn thanh cao tự nhiên sẽ hồ thẹn rất nhiều nếu lỡ bước và thấy mình sống như thú vật vậy.

Ái-tình với hôn nhân

Tình yêu là hiển thân, và hiển thân là trao đổi và cảm thông giữa hai bản vị. Phải, chỉ có tình yêu mới củng cố được bản-vị của người yêu nơi ta, nghĩa là khiến cho ta nhìn thấy tầm quan trọng, sự linh-động, âm u và mẫu-nhiệm của bản-vị ấy. Khám phá thấy bản-vị người yêu cũng là khám phá thấy bản-vị của mình nơi người yêu. Ta sẽ cảm thấy bản-vị ta là một **đòi hỏi phải có** cùng với bản-vị người yêu, trong khi mà trước kia, ta chỉ thấy ta có gần như một sự kiện, và người ấy lại càng chỉ có như một sự kiện.

Khám phá thấy bản-vị của nhau, đó là thông cảm, là hiệp-thông trong ý-thức kép về bản-vị đó. "Anh với em tuy hai mà một", nhưng trong chính cái **một** này, chúng ta cảm thấy sự phân biệt anh và em càng rõ rệt hơn. Anh là anh **với em**, nhưng phải có anh để có **anh với em**, cũng như phải có em để có **em với anh**. Cái ý-thức ấy, chúng ta có thể gọi là **ý-thức liên bản-vị**.

Đó là một hiệp-nhất bản-vị, nên đó phải là một trao hiến toàn thân để hiệp-nhất kia trở nên hoàn hảo. Ở vật-chất, càng cho đi thì càng mất đi, và khi trao hiến tất cả, thì cũng chẳng còn gì là mình để trao hiến cho một cá-thể khác. Còn ở thuần-linh (pur esprit), càng cho đi thì càng giàu thêm, vì đó là cởi mở sang cái nữa mình còn thiếu, để mình trở nên đầy đủ và phong-phú hơn nơi chính mình và trong

ý-thức liên bản-vị. Cho nên, tuy trao hiến tất cả sang một bản-vị, mà chủ-thể thuần-linh vẫn còn tất cả để trao hiến cho những bản vị khác. Con người không phải là thuần-linh, cho nên cũng không phải là một bản-vị hoàn hảo. Bản-vị của nó chỉ thực hiện trong cá tính mà thôi. Mà nói đến cá tính là nói đến vật chất, và nói đến vật chất là phải nói đến lượng (quantité). Nói đến lượng cũng là nói đến giới-hạn và tiêu-hao trong hiến thân. Do đó, nói một cách chung, thì tình yêu nơi con người chỉ tiến tới toàn thiện khi nó dừng lại ở một người, dừng lại không phải để khóa kín hai người trong bốn bức tường, nhưng để khi cởi mở đến xung quanh và toàn thế-giới, thì hai người như một bao giờ cũng có nhau.

Trong trường-hợp hai người là một cặp lý tưởng, bù trừ đúng khít cho nhau, thì sự trao đổi hoàn toàn ngay tự bản-năng đã là một thức bách rồi. Tình yêu ấy cố nhiên sẽ đầy đủ cho cả hai và bền bỉ mãi. Hôn nhân bên ngoài không cần thiết như một bờ đê đắp ngăn cho tính-dục-năng chảy xuôi theo một chiều nữa. Tự nhiên tình yêu nơi cả hai đã hội đủ hững yếu tố đơn hôn (monogamie) và bất khả tiêu (indissolubilité) rồi.

Nhưng đó chỉ là trường hợp lý tưởng, mà lý tưởng thì người ta có thể gần hay xa nó, chứ không bao giờ đạt hẳn tới nó. Cho nên tình yêu không những là một bản năng, mà đối với con người, nó còn phải là một cố gắng nữa, để cố gắng phụ lực với bản năng, sẽ giúp người ta tiến về phía đỉnh toàn thiện của tình yêu, bằng cách sống và muốn sống hoàn toàn những khía cạnh của

một hiến thân hoàn toàn : Yêu với tất cả thân mình và yêu mãi mãi vô tận.

Khi đã yêu, người ta muốn hiến thân hoàn toàn như thế, và người ta chỉ non thề biển :

— Dù cho sông cạn, đá mòn...

Đó là thái độ của một bản vị nguyên là bản vị, của một hữu thể tự do và linh thiêng, tuy ở trong giới hạn không gian, thời gian và khối lượng, mà vẫn nhìn phóng được ra ngoài vì tin rằng tương lai là ở trong tay mình. Hôn nhân chỉ là một dấu ấn đóng trên lời đoan hứa long trọng và bột phát tự nhiên ấy. Hôn nhân là tự mình trói buộc mình vào một cái ách mà mình sung sướng đón nhận. Đó chính là ý-nghĩa của trung thành, cái sự trung thành nó chỉ có nơi những kẻ tuy ở trong thời gian mà vẫn vượt thời gian do bản tính của mình là bất tử. Trung thành, đó chính là ký-hiệu của đời đời được thể-hiện giữa thời gian.

ôôô

Vì thực hiện nơi thể-xác và trong thời gian, nên cứ sự thường thì một hiến thân hoàn hảo còn đòi hỏi một đôi khi phải có giao-hợp. Sự giao hợp này nhằm thể hiện trong thời gian khía cạnh vĩnh cửu của hiệp nhất nơi dòng giống. Nhưng giao-hợp không phải chỉ để bảo tồn dòng giống, mà đồng thời còn để hiến thân, nhờ đó mới có hiệp nhất hoàn toàn nó làm giàu cho cả hai, và sự giàu lên nơi mình ấy được phát hiện ra bằng cảm giác hạnh phúc.

Vậy giao-hợp là trở về cái nửa của mình để hoàn toàn hơn với chính mình. Đó là trở về với chính mình nơi

con người lưỡng phái nguyên-sơ. Theo một huyền-thoại khác kể trong Veda, thì con người nguyên-sơ, tức Purusa, «một phần làm nên vũ-trụ, và ba phần kia làm nên Bất-tử». (1) Như thế, Purusa nguyên sơ còn là siêu việt và bất tử nữa. Và trở về nguồn trong giao-hợp cũng là trở về khía cạnh trên của Purusa, cái khía cạnh bất-tử, mà sự trường tồn nơi giống chỉ là một biểu-hiệu, một cố gắng vươn tới. Vậy trở về nguồn cũng là trở về một cái mình **khác** nơi đứa con.

Do đó, trong cùng một động tác trở về, người chồng vừa trao gởi sang người vợ, vừa trao gởi sang cả đứa con nữa. Nói rõ hơn, mục đích của giao-hợp là một mục đích kép, bất khả ly : sự hiệp nhất vợ chồng và sự sinh con. Và như thế, bất cứ một hành động nào ngăn trở sự truyền sinh cũng là một hành động chống lại bản tính và mục đích của giao-hợp.

Tính cách xã hội và thiêng liêng của hôn nhân

Hôn nhân là một hành vi trở về với một cái mình hoàn toàn hơn, nhưng không có ý khép kín cửa gia-đình lại. Phải, đây là trở về, nhưng về để tiến thêm lên một bước ra phía trước ; đây là trở về với mình, nhưng đồng thời để vươn tới một cái mình khác nơi đứa con ; đây là trở về với con người bất tử nhưng sự bất tử ấy bề mặt nơi sự tồn tại của dòng giống. Cho nên, đây cũng là mở rộng gia đình ra tới dòng họ và cả loài người.

Gia đình không phải chỉ sinh ra thể xác của đứa con, mà còn sinh ra tất cả con người của đứa con cùng với hồn và xác, cùng với bản tính cũng như di sản văn hóa của dân tộc tiềm tàng trong vô

thức, ở cái lớp mà Jung gọi là vô-thức tập-thể. Cho nên, gia đình phải tiếp tục trách nhiệm về đứa con để sự sinh sản kia được hoàn toàn, chẳng những bằng nuôi dưỡng thể xác mà còn bằng nuôi dưỡng tâm hồn nữa trong giáo dục. Như thế, gia đình sửa soạn đứa con ấy cho xã hội, và bằng con cháu như những cửa ngõ, nó mở rộng đến thế giới theo tương độ và theo thời gian.

Gia đình quả có một vai trò và trách nhiệm xã hội, cho nên xã hội cũng có một trách nhiệm lớn lao đối với gia đình. Và đó là lý do khiến cho hôn nhân trở thành một nghi lễ đầy tính cách xã-hội, và khiến cho xã-hội có quyền dùng những biện pháp thích ứng để bảo vệ gia đình.

Gia đình không phải chỉ có một chức vụ đối ngang, chức vụ xã hội, mà nó còn một chức vụ đối thượng, chức vụ tôn giáo nữa.

Theo Fustel de Coulanges, thì gia đình thái-cổ là một định chế có căn bản tôn-giáo, hơn là một tụ họp chỉ có tính cách tự nhiên. Cái tính cách thần thánh và đối thượng này lan rộng đến tất cả những gì thân mật nhất của đời sống phụ nữ, và do đó trong Ấn-giáo, nghi-tiết theo dõi ân-ai từ những tác động sửa soạn cho đến lúc kết thúc, và theo dõi đứa con từ lúc cưu mang cho đến khi sinh ra, và từ khi sinh ra cho đến lúc chết. Ngoài ra, gia đình còn là một đơn vị tôn-giáo, và người cha, phụ-tá bởi người mẹ có bổn phận thay mặt gia đình để tế thần thánh.

Trong hôn nhân, người ta thường

(1) Rig-veda X 90,3 ; Atharva-da XIX, 6,3, v.v.

chú trọng đến truyền sinh, mà không mấy chú ý đến tình thân mật vợ chồng. Tuy nhiên, quan-niệm về truyền sinh không dừng ở sự tồn-tục sinh lý cho dòng giống, vì trong sự tồn-tục sinh lý ấy, người ta còn có nghĩa vụ thiêng liêng gìn giữ qua thời gian cái năng lực thần bí của dòng máu, của vị nguyên-tổ nội tại trong dòng máu. Vị nguyên-tổ nầy là thần linh, mà biểu hiệu là ngọn lửa thiêng nơi ngọn đèn luôn luôn thắp sáng trên bàn thờ. Đứa con sinh ra sẽ là **đứa con của bốn phận**, có trách nhiệm tiếp tục ngọn lửa thiêng ấy. Nếu ánh lửa thiêng, ở khía cạnh sáng tỏ và đốt cháy, đã tượng trưng cho nguyên tố thì ở khía cạnh phần-phật nấu nung, nó lại tượng trưng cho lòng mẹ, mà nguyên tố sẽ đặt ý định sáng tạo và mầm mống của mình vào.

Còn nên, giao-hợp là ngược trở về cái lúc ban sơ thần thánh của tác-phong sáng tạo, và người ta cần phải thánh-hóa hành vi của mình, người chồng bằng hòa tâm tình vào ý-dịnh sáng tạo của Hóa-công, và người vợ bằng uốn lòng theo thái độ rung phục trong uếp nhận của Bản-nhiên, của Tiềm-thể và Năng-lực sáng-tạo có tên là Sakti, khía cạnh âm-nhu của Thần. Với Sakti, người vợ sẽ hướng về Tuyệt-đối nơi người chồng. Còn chính người chồng, để tìm thấy duy-nhất-tính cho mình, thì nơi vợ, phải bám vào Thần mẫu, để qua Thần mẫu hướng nhìn về phía dương quang của Tuyệt-đối.

Trong Ky-tô-giáo, ý định sáng tạo

được thể hiện nơi Ngôi Lời (Logos, Verbe), vì « tất cả đều do Ngôi Lời mà có, và không Ngài thì chẳng có gì có » (1). Thiên Chúa đã ban bố Ý-dịnh sáng tạo nơi Ngôi Lời, nhưng đã thi-hành sáng tạo bằng năng-lực của Thần-khí. Vậy Thần khí hay Thánh Thần, đó là khía cạnh âm nhu nơi Thiên-chúa, mà người vợ phải hòa mình với trong tác động truyền sinh.

Cũng trong Ky-tô-giáo, truyền sinh không phải chỉ là nhắc lại sáng tạo : nó còn là một ân sủng nữa. Hôn nhân đã trở thành nhiệm-tích (sacrement), thì xã hội tính của hôn nhân cũng được siêu-nhiên-hóa để trở thành thánh-hội-tính. Cho nên, thánh Phao-lô dặn dò người chồng phải yêu vợ như Chúa Giêsu đã yêu Thánh-hội và hy sinh cho Thánh hội. Thánh-hội ấy được coi là thân xác mẫu nhiệm Chúa Giêsu, và đó là Bản-nhiên đã được thần linh-hóa để, hòa mình vào đây và qua chồng, người vợ sẽ nhận lấy chẳng những ý-dịnh sáng tạo ở Ngôi Lời, mà cả ý-dịnh cứu chuộc ở Chúa Giêsu : cái ý-dịnh kép ấy sẽ kết thúc bằng đứa con, và **đứa con thánh**. Do đó, rửa tội ngay cho đứa trẻ, tôi tưởng rằng việc ấy thích hợp hơn với ý-nghĩa và mục đích toàn bộ của hôn nhân Ky-tô-giáo (2).

Hoành sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ
Kỳ tới : IV — Tính dục với đời sống tu-hành

(1) Phúc-âm Gio-an I. 3.

(2) Để đứa con sinh ra là thánh ngay, và thuộc ngay về thánh-hội,

LUYẾN-ÁI-TÍNH

trong một số cô tục Việt-nam vào dịp đầu Xuân

Chen lẩn để cướp cầu

Làng Bạch-Hạc, phủ Nghĩa-Yên, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên. tức là đất Phong Châu ngày xưa, dân làng nam nữ cũng có tục chen lẩn nhau, nhưng không phải chen lẩn để chen lẩn, mà chen lẩn để cướp những quả cầu của làng. Dù sao trong sự chen lẩn để tranh nhau cướp những quả cầu thì cũng đã có sự đụng chạm, trái với nguyên tắc nam nữ hù thụ bất thân của Khổng giáo.

Làng này hàng năm mở hội vào ngày mồng ba tháng Giêng và có tục cướp cầu.

Mỗi năm dân làng cử một vị hương chức khâu chín quả cầu, một quả cầu mẹ, và 8 quả cầu con. Những quả cầu này được rước tới đình làm lễ tế cầu. Lễ tế cầu xong là cuộc tung cầu để dân làng tranh nhau cướp, nam nữ xô đẩy chen lẩn nhau.

Cầu tung từng ba quả một, đầu tiên là quả cầu mẹ lớn với hai quả cầu con, hai lần sau mỗi lần ba quả cầu con.

Người ta chen lẩn tranh nhau cướp với sự tin tưởng cướp được một bộ

cầu sẽ gặp may mắn quanh năm. Cướp được cầu có thể mang về nhà để làm kỷ niệm, hoặc mang tới để thờ tại đình làng.

Múa mo và tự do luyện ái

Luyện-ái-tính đã được bộc-lộ rõ rệt hơn cả, đi đến chỗ tự do luyện-ái của trai gái làng là cô tục của xã Sơn Đồng, tỉnh Hà đông (1). Xã này hàng năm mở hội xuân vào ngày mồng 6 tháng 2. Trong các đồ lễ cúng thần có bánh dày và bánh cuốn. Những bánh này, sau khi cúng dành phần để biếu các xã lân cận. Gặp những năm phong-đăng hòa cốc, dân làng lại tổ chức cuộc múa mo, một cô-tục rất đặc-biệt

Buổi chiều, sau khi tế lễ đã xong, trai chưa vợ, gái chưa chồng đều tụ họp tại đình. Lúc này, một ca nhi vừa múa

(1) Trên đây là ghi theo tài liệu của ông Lê-văn-Hào, còn theo chúng tôi biết xã Sơn Đồng chính ra thuộc tỉnh Sơn-Tây, cách xã Gốm huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Yên không xa. Ca dao có câu Sơn Đồng kẻ Gốm không xa.

vừa hát, tay trái cầm một khúc tre tượng-trưng cho sinh-thực-khí dương và tay phải cầm một chiếc mo cau tượng-trưng cho sinh-thực-khí âm. Ca nhi vừa múa vừa lấy khúc tre lấp vào mo cau và ca :

*Cái sự làm sao cái sự làm vậy,
Cái sự thế này, cái sự làm sao.*

Sau một lúc múa hát. ca nhi tung khúc tre và mo cau cho trai gái tranh nhau cướp. Tục tin rằng cô gái nào cướp được khúc tre sẽ được may mắn trong cuộc tình duyên và được sự che chở của thần linh. Do đó, cậu-trai nào thương yêu cô, ân-ái với cô đến thụ-thai sẽ được làng thưởng tiền, tiền cổ ngày xưa là 3 quan.

Về tục múa mo, vùng Sơn-Đồng có câu ca dao :

*Sơn-Đồng có tục múa mo,
Bánh dầy, bánh cuốn đem cho các làng.*

Kể từ đêm cử hành múa mo, mồng 6 tháng 2 cho đến 3 tháng sau, nghĩa là đến ngày mồng 6 tháng 5, trai gái trong làng được phép tự-do luyện-ái, và cô gái nào thụ-thai trong thời gian này đều được thưởng ba quan tiền và những chàng trai cưới vợ trong dịp này đều khỏi phải nộp cheo. Trong thời gian này việc luyện-ái giữa trai gái không trái với lệ làng, và đạo đức cũng ngoảnh mặt làm ngo, nhưng kể từ mồng 7 tháng 5 trở đi, cô gái nào chưa chồng, không may mà thụ thai là chữa hoang, là phạm thuần-phong mỹ - tục và bị làng bắt phạt vạ 10 quan tiền.

Trai gái đốt pháo ném nhau

Làng Phú-Lư, thuộc phủ Từ-Sơn,

tỉnh Bắc-Ninh. hàng năm mở hội vào ngày 13 tháng Giêng, có tục trai gái đốt pháo ném nhau.

L'ng này, nhân ngày hội sau khi cúng thần xong, có lập đàn cúng Phật tại sân đình, việc cúng Phật do một vị sư được mời tới phụ trách. Cúng thì phải có sớ. Khi đọc sớ đến những chữ chỉ về tai ách như : niên xung, nguyệt xung v v... thì dân làng đốt một tiếng pháo để át những chữ đó đi. Trước còn đốt pháo để át chữ, sau trai gái đốt pháo để ném vào sư. Sư sợ phải bỏ chạy, thì trai gái đuổi theo, sư phải băng cánh đồng, vượt hồ để chạy về chùa đóng cửa lại. Lúc ấy trai gái quay lại đốt pháo ném nhau và đuổi nhau chạy ở ngoài đồng. Ngoài đồng lúc này chỉ có trai và gái, không phải riêng gì trai gái làng, mà trai gái các làng khác thấy vui cũng hằng năm kéo nhau tới dự cuộc đốt pháo này. Đốt pháo ném nhau rồi có những cặp trai gái thương yêu, dắt nhau đi tìm nơi vắng vẻ để tình tự.

Nhiều thiếu phụ có chồng rồi, nhưng cũng vẫn thích dự cuộc ném pháo này với trai gái làng, chồng, theo lệ làng, không được quyền ngăn cấm. Trai gái đùa nghịch với nhau ở ngoài đồng cho đến nửa đêm. Sau đó con gái ra về, còn con trai kéo nhau trở lại đình rượu chè ăn uống.

Hát trao tình.

Những tục-lệ kể trên nhắc tới luyện-ái-tính giữa nam nữ, luyện-ái-tính trong các tục này thường được bộc lộ một cách rõ ràng, cuồng nhiệt, đôi khi đến thô bạo. Bên những tục trên, còn nhiều tục khác cho phép trai gái được tìm hiểu nhau, nhưng ở đây

luyến-ái-tính chỉ bằng bạc phơn phớt, cũng đủ thỏa - mãn sự yêu đương của đôi bên mà không đến nỗi quá bộc lộ, như tục hát đối, tục bói cầu v.v...

Xã Quảng Lãm huyện Võ Giàng-tỉnh Bắc Ninh có tục trai gái hát đối đáp với nhau rong ngày hội Xuân.

Làng này, hàng năm mở hội từ mồng 5 đến 12 tháng 3. Mỗi buổi chiều sau cuộc tế lễ, dân làng có mời ca nhi tới hát thờ thần người lớn đều ra đình nghe hát. Trai gái thanh niên vừa tuổi dậy thì không nghe hát tại đình, cùng nhau tụ họp tại các cổng xóm thành từng bọn khoảng độ 10 người, trai gái ngồi lẫn lộn rồi quàng cổ nhau mà hát. Theo ông Lê văn Hảo trong tài liệu đã dẫn, đó là tục *nam nữ hỗn tọa nhi ca*.

Dưới đây là mấy câu hát mà ông Hảo đã dẫn ra :

Gái : (mời mọc)

*Hỡi người quân tử đi đâu
Ngõ này trong mát lâu lâu chẳng chơi?
Hay là tình có đôi nơi
Chúng ta ngồi đợi đêm thâu canh chầy.
Khấn trời đã mấy hôm nay,
Sao anh chẳng nhớ đến ngày du xuân.*

Trai (hài hước) :

*Nhà ông có đám rơm to,
Có con gái lớn không lo gả chồng.
Ai vào cứ bảo rằng không,
Đề con gái lớn chồng mông mà gào.*

hay là cầu khấn :

*Đến đây tình chẳng thương tình
Đề anh thơ thẩn một mình lồi thối.*

Trai gái đối đáp với nhau lúc đầu còn bằng những câu hát có sẵn, nhưng dần dần về sau, để diễn tả tình cảm của họ, họ đã tự ứng khẩu đặt ra những câu hát mới.

Hát với nhau rồi yêu thương nhau, họ dẫn nhau đi tình tự ở những nơi vắng vẻ. Tan cuộc tình tự, con gái lại trở về bọn cũ, nhưng chàng trai có thể lần mò tới một đám khác, ở một xóm khác.

Những cuộc *hỗn tọa* phải do bạn gái chấp nhận, nếu họ không chịu chàng trai nào, chàng đó không được phép nhập bọn với họ.

Việc ngồi chung ca hát này chỉ được phép xảy ra trong thời kỳ hội làng; ngoài ra nếu trai gái bị bắt được tình tự với nhau, nhất là giở trò trên bậc trong dâu với nhau ngoài ngày hội, họ bị giải tới đình và trói ở cột đình để ban kỳ mục xét xử và phạt vạ mỗi người ba quan tiền. Những tiền sở phí về ăn uống của ban kỳ mục, những cặp trai gái phạm lỗi phải gánh chịu. Nếu họ không có tiền nộp vạ hoặc chịu nổi sở phí ăn uống của ban kỳ mục, họ phải rời khỏi làng, bằng không cha anh họ sẽ bị truất quyền họp việc làng tại đình.

Sau ngày đình đám, những cặp trai gái đã *hỗn-tọa* nhi ca với nhau, và đã đề cho nhau *tỏ đường đi lối về* muốn lấy nhau thì lấy, hoặc không muốn lấy nhau cũng tùy ý. Tuy nhiên, nếu cô gái nào thụ thai trong ngày hội, cô muốn lấy cậu trai nào, cậu đó không có quyền từ chối.

Dân làng Quảng-Lãm tin rằng nếu năm nào trai gái không ngồi chung hát đối, dân làng sẽ không được bình yên.

Trai gái hai xã lân cận hát đối với nhau.

Tục trai gái hát đối đáp với nhau không phải chỉ riêng có ở xã Quảng-

Lăm mà còn ở rất nhiều nơi khác, qua những tục hát quan họ, bát ví và hát trống quân (1). Có khi trai gái đồng xã, có khi trai gái biệt xã

Trai gái biệt xã hát với nhau có thể kể đến gái Viêm-Xá hát với trai xã Hoài-Bảo, hoặc các trai gái quan họ tất cả các xã thuộc hai huyện Võ-giang và Tiên-du tỉnh Bắc-ninh và mấy xã thuộc ven sông Cầu giáp giới với huyện Võ-giang thuộc huyện Việt-Yên tỉnh Bắc-Giang.

Ở đây, trước hết chúng tôi xin nói tới gái Viêm-Xá và trai Hoài-Bảo. Hai xã này thuộc huyện Tiên-du tỉnh Bắc-Ninh. Mỗi năm làng Viêm-Xá, xuân thu nhị kỳ mở hội vào các ngày mồng 4 tháng giêng và mồng 10 tháng tám. Trong những dịp này, làng Viêm-Xá có mời một bọn trai Hoài-Bảo sang dự hội. Xong cuộc tế-lễ, trai Hoài-Bảo được mời hát thờ thần cùng với gái Viêm-Xá tại đình. Gái Viêm-Xá ngồi một bên, trai làng và trai làng Hoài-Bảo ngồi một bên.

Cuộc hát bắt đầu bằng những lời khánh-chúc, sau những lời khánh-chúc, đôi bên hát những câu yêu đương gợi gấm tâm tình Bên nọ hát, bên kia đáp. Đây chính là tục hát quan-họ. Lúc hát, họ hát giọng đôi, hai người một.

Sau khi hát thờ ở đình, trai Hoài-Bảo, được bọn gái Viêm-Xá mời về nhà người đứng đầu bọn để tiếp tục cuộc hát. Lúc này, bọn gái phải làm cơm mời bọn trai. Giả tỷ người đứng đầu cuộc hát đã có chồng thì người chồng, trước mặt những chàng trai Hoài-Bảo, cũng chỉ nói đó là em gái mình, và nhiều khi chính người chồng phải đi làm cơm đề vợ và các bạn vợ tiếp trai Hoài-Bảo.

Thường họ hát với nhau ở ngôi nhà chính, nghĩa là ngôi nhà có bàn thờ, trai ngồi một bên, gái ngồi một bên. Lúc ăn uống cũng vậy, hai mâm cơm để hai bên, nhưng trước khi ăn, bọn gái và cả cha mẹ cô đứng đầu phải ăn cần mời mọc các chàng trai

Ăn xong họ hát với nhau suốt đêm cho đến gần sáng. Đêm đó, người làng kéo nhau tới nghe hát đủ cả trai chưa vợ, gái chưa chồng hoặc trai gái đã thành gia thất.

Sáng ngày ra, bọn gái tiễn bọn trai tới tận cổng làng, cứ từng cặp một tiễn nhau.

Trong lúc hát đêm với nhau, có thể đôi bên một cặp trai gái nào đã ăn ý với nhau, lén dắt nhau đi tình tự rồi tính chuyện nguyệt hoa với nhau được nhưng sau đó lại phải trở về đám hát.

Tục trên chính là tục *kết bạn* trong lễ lối hát quan - họ. Không phải chỉ có riêng trai Hoài-Bảo tới hát với gái Viêm-Xá, mà tất cả các bọn trai biết hát quan-họ đều có thể được một bọn gái quan họ khác làng mời tới hát đêm và thết đãi như trên, và trái lại các trai quan họ cũng có thể mời một bọn gái quan-họ đến nhà hát đêm. Mời mọc đều do người đứng đầu một bọn mời, và nhận lời cũng do người đứng đầu đại diện cho cả bọn nhận lời. Tục này rất thông thường ở tất cả các xã có hát quan-họ. Thường một bọn trai hay mời bọn gái hoặc trái lại, bọn gái mời bọn trai, họ chỉ mời sau khi đã cùng hát với nhau ở một hội nào, rồi

(1) Xin xem *Cầm ca Việt-Nam* của soạn giả.

quyển-luyến nhau họ muốn kéo dài cuộc hát, nên mời nhau tới nhà hát một canh.

Thí dụ : Mồng 4 tháng giêng, tại xã Hữu-Trấp tục gọi là làng Chắp huyện Võ Giàng mở hội. Trai gái quan-họ kéo nhau tới hội rồi mời nhau hát. Trai Thị-Cầu cùng với gái Xuân-Ái gặp-gỡ nhau, hát với nhau từ lúc tới hội cho đến lúc xế chiều, rồi họ lại cùng hát với nhau trên đường về, đường về đi qua làng Xuân-Ái, gái Xuân-Ái liền mời trai Thị-Cầu vào nhà cùng hát, trai Thị-Cầu nhận lời, thế là một canh hát đêm được tổ chức. Bỏ mẹ các cô gái, không lấy làm ngạc nhiên khi các con mình mời một bọn trai tới hát đêm. Họ lo giúp các con làm cơm đãi các bạn hát. Tục-lệ trong làng quan-họ như vậy, còn chuyện có cặp trai gái nào thương yêu nhau, đó là việc riêng giữa hai người, ở bất cứ nơi nào cũng có thể có những cặp trai gái dắt nhau lên đi tình tự được. Khi bọn con trai mời bọn con gái tới hát ở làng mình cũng vậy. Và những người dù có chồng, có vợ, thì vợ hoặc chồng những người này cũng không bao giờ ghen, họ cho rằng luyến-ái nhau qua câu hát không có gì là đáng kể — trong câu hát ngoài một đôi câu chúc tụng đều là những câu hát yêu đương.

Hát Trống quân

Hát trống quân cũng là một lối hát đối đáp giữa trai gái. Hai bọn trai gái ngồi hai bên ở giữa là trống quân có căng chiếc dây, đề khi hát trai gái lấy dùi đánh vào chiếc dây này tạo nên những tiếng *thình thùng thình* đệm cho lời hát.

Câu hát trống quân nói lên sự gần bó của trai gái và sự gần bó này bị lễ-giao ngăn cản không được phép tự nhiên bộ-lộ, nếu không phải là trong dịp ca hát với nhau. Có những câu ràng buộc thật là ráo riết :

*Nên chẳng dấy vợ đây chồng ?
Đấy bế con gái, đây bồng con trai.*

*Đã chót yêu nhau lấy nhau cho được
Bỏ lòng này dầy ước mai ao.*

*Yêu nhau chẳng lấy được nhau,
Mài dao, đánh kéo, cạo đầu đi tu.*

Làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh, xưa kia hàng năm vào đám từ mồng 7 đến 16 tháng tám. Trong dịp làng vào đám này, tại các xóm trong làng, trai gái có lập nên những đám hát trống quân để cùng nhau mua vui ngày hội. Họ hát với nhau từ tối đến lúc trăng gần tà mới tan, và tối hôm sau họ lại cùng nhau hát tiếp :

*Hát cho lở đất long trời
Cho đời biết mặt cho người biết tên.
Hát từ chợ Phủ hát lên,
Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.
Hát sao cho cạn dòng sông,
Cho non phải lở cho lòng phải say.*

Hát với nhau cho hết thời kỳ ngày hội, họ trở lại đời sống bình thường, có gặp gỡ nhau, muốn nói chuyện yêu đương họ cũng không dám nói một cách quá bạo dạn như trong câu hát. Những cuộc hát đối đáp này đã là dịp tốt để bắt đầu cho những cuộc lương duyên về sau.

Hát Đúm, Hát Ví

Tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang,

nhiều vùng ngoài các tục hát trên có các tục hát đúm, và hát ví.

Hát đúm, trai gái hát với nhau trong ngày hội, từng bọn trai hát với từng bọn gái. Cũng những lời yêu đương tình tứ trong câu hát, cũng những sự hẹn hò, mong mỗi cùng nhau sẽ như chim liền cánh như cây liền cành. Có những bọn người cũ đã gặp gỡ trong một ngày hội trước đến ngày hội sau lại trùng phùng, họ mừng rỡ. Sự mừng rỡ biểu-lộ qua lời ca :

*Bây giờ lại gặp mình đây,
Như cá gặp nước, như mây gặp
rồng !
Mây gặp rồng bắt phong bắt vũ,
Cá gặp nước con ngược con xuôi.*

Hát với nhau cho đến xế chiều hoặc tan hội, họ đưa tiễn nhau đến đầu làng, tay cầm tay, mắt nhìn mắt mà lòng lưu luyến :

*Mình về ta chẳng cho về,
Ta nắm gấu áo ta để bài thơ.*

oOo

Hát ví cũng là một lối hát trao tình giữa trai gái trong đám hội, nhưng ngoài ngày hội trong lúc làm-lụng trai gái cũng thường hát ví với nhau. Có thể một chàng trai đi qua một cánh đồng, hát ghẹo một cô cắt cỏ bên bờ đường :

*Mặt trời đã xế về Tây
Hỡi cô cắt cỏ bên đây bên vơi
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Đề tôi cắt với làm đôi vợ chồng*

Có thể năm ba cô thợ cấy đang cấy lúa dưới ruộng bỗng có chàng trai đi qua trên đường. một cô buông lời hát :

*Hỡi anh đi đường cái quan,
Dừng chân đứng lại em than vơi lời.
Đi đâu vội mấy ai ơi,
Công việc đã có chị tôi ở nhà.*

Lại có những bọn thợ cùng làm lung rồi cùng hát với nhau, hoặc nhân ngày mùa, một nông gia ở đồng quê mượn bọn thợ gặt, thợ cấy trong đó có các cô thiếu nữ, trai làng họp nhau thành bọn kéo nhau tới yêu cầu chủ nhà cho cùng bọn thợ hát một canh mua vui.

Ở hai tỉnh Nghệ-An và Hà-Tĩnh có lối hát ví các phường : phường vải, phường cấy, phường lưới, phường buôn v.v... Trai gái những phường này hát với trai gái những phường khác những canh hát để thử tài và để mua vui. Lại còn lối hát Giặm ở hai tỉnh trên cũng là lối hát đối đáp giữa trai gái, với những điều khác biệt riêng, — những lối hát này chúng tôi có nói kỹ trong cuốn *Cầm ca Việt-Nam*.

Ở miền Thượng du Bắc Việt, trai gái sơn cước có lối hát lượn với nhau, lối hát này cũng tương-tự như lối hát ví và hát đúm ở vùng xuôi.

Hồ miền Nam cũng là một lối hát để trao tình như hát ví.

oOo

Trong những lối hát trao tình này hát trống quân, hát ví, hát giặm, hò v.v... luyến - ái - tính được bộc-lộ qua lời ca, nhiều khi thật là thấm thiết nhưng nhiều khi bằng bạc một cách tế-nhị. Ca hát giúp cho trai gái tìm hiểu nhau trước khi đi đến chỗ cùng nhau xây dựng cuộc trăm năm,

oOo

Rún đu

Rún đu cũng là một cổ tục giúp cho trai gái gần gũi nhau, và do đó luyện-ái-tính cũng được b ều lộ.

Trong các ngày hội Xuân hoặc hội Thu tại các làng thuộc các phủ huyện miền Bắc tỉnh Bắc-Ninh như Võ Giàng Yên-Phong, Tiên-Du và mấy huyện miền Nam tỉnh Bắc-Giang, hội nào cũng có một vài cây đu trồng ở giữa một thửa ruộng gần nơi đình chùa mở hội để trai gái trong làng hoặc trai gái thiên hạ lên đu với nhau.

Lúc cùng vui đu, tất nhiên mắt cùng liếc, lòng tra nên :

Trai đu gối hạc khom khom cật.

Gái uốn lưng lưng ngửa ngửa lòng.

oOo

Qua những cổ tục trên chúng ta thấy rằng hội quê là những dịp để trai gái gần gũi nhau, tìm hiểu nhau, và chỉ trong những dịp này đạo-đức mới nhượng bộ, chấp nhận sự tương thân giữa nam nữ. Luyện-ái-tính bị chèn ép bởi lễ-giao đã nhân những dịp này biểu lộ, biểu lộ nhiều khi sỗ sàng và giới bình dân sẵn sàng chấp nhận những hậu quả của sự biểu lộ này. Và sự chấp nhận cũng bị giới hạn trong thời gian ngày hội, vì dù sao nếp sống cổ truyền của chúng ta cũng đã bó khuôn trong nền luân lý, các cụ trong lớp bình dân khi dựa vào giới siêu nhiên để tạo cơ hội cho sự gần gũi giữa nam nữ cũng không dám để cho luyện-ái-tính đi quá trớn và cũng không bao giờ dung thứ cho sự dâm-bôn đi đến một mức quá độ. Đạo-đức vẫn chi phối nếp sống hằng ngày, và chỉ chịu nhượng-bộ ở một số các địa-phương trong những thời gian ngày hội, và ở đây đạo-đức đã không thắng được thần quyền.

oOo

Trong nếp sống hằng ngày tuy giới bình dân không dám sỗ sàng xâm phạm đạo đức, nhưng không phải vì thế mà luyện-ái-tính đã bị chìm hẳn. Người ta cũng đã dựa vào sự mê tín, nghĩa là dựa vào giới siêu-nhiên để có những ngôn ngữ hoặc hành động tạo nên những tục lệ, mà dần dà con người quen đi, không thấy ở những tục-lệ này những điều trái với luân-lý.

Như tục gọi con trai là thằng Cu, con gái là cái Him hoặc cái Đi. Hai danh từ Cu và Him chính là hai tiếng để chỉ âm-dương sinh-thực khí, và khi nhắc đến hai tiếng này trí óc người ta có thể đi xa hơn. Và khi gọi con gái là cái Đi người ta đã quên nghĩa đen của tiếng này. Sự quên này tất nhiên không phải là ý muốn của người đầu tiên đã tạo nên tục-lệ này.

Lại tục hỏi thăm để con trai hay con gái ở vùng quê người ta đã dùng một câu hát là tục tiu mà không hề nhận thấy. Câu hỏi như sau : *Đâm người* hay *Người đâm* ? Mấy tiếng này nhắc tới hành động sinh-lý giữa nam nữ.

Đâm người là con trai, còn *Người đâm* là con gái.

Người hỏi đã tự nhiên, mà người trả lời cũng rất tự nhiên :

— Vâng, hôm qua nhà tôi ở cũ, đâm người !

Ấy thế là người hỏi thăm biết rằng vợ người kia đẻ con trai.

Cũng có khi câu hỏi thăm hơi khác nhưng cũng không kém tục tiu :

— Thế nào chị ấy ở cũ rồi à ? Chầy hay sọt ?

Chầy là con trai vì nó tựa tựa giống cái nam sinh-thực khí, còn sọt là con gái, vì chiếc sọt làm người ta nghĩ tới cái nữ sinh-thực khí.

Và người ta còn dùng danh từ *bố cu* mẹ *đĩ* để chỉ những người có con trai hoặc con gái đầu lòng. *Bác cu* là người có con trai đầu lòng và *bác đĩ* là người có con gái đầu lòng.

Tóm lại trời sinh ra loài người có

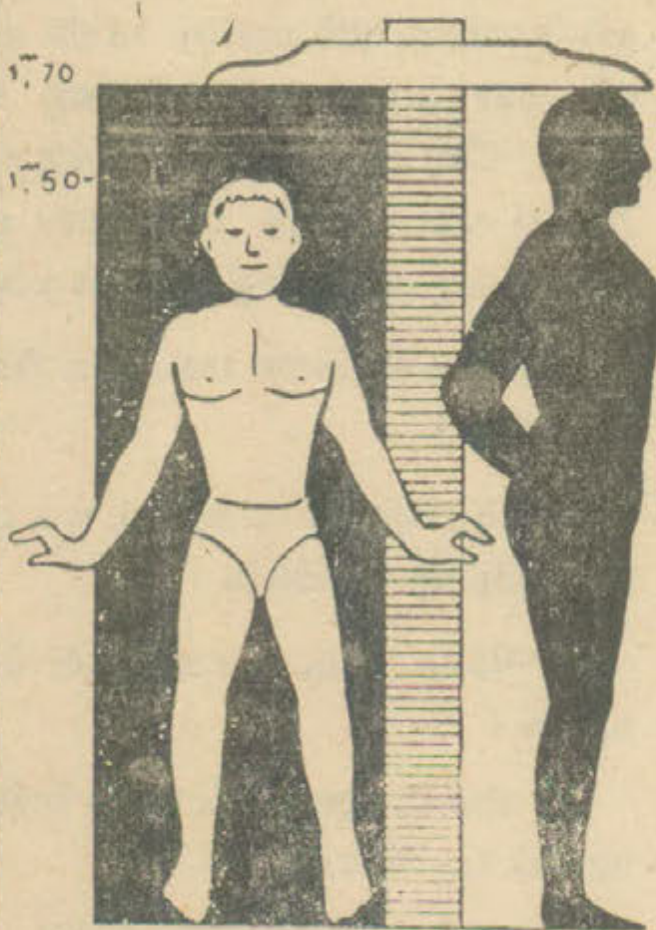
nam, có nữ, nam nữ tất nhiên phải có sự gả n gũ tìm hiểu. Đạo đức cấm đoán, giới bình-dân tuy có chịu nh ững vẫn tìm cách cưỡng lại, dựa vào thần quyền.

Đặt tên con là thằng Cu, cái Hím còn là để chúng mang một tên xấu xí khỏi bị các bà, các cô trêu quở, ma quỷ ám ảnh.

TOAN-ÁNH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CÙNG XUÔNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

Số KN78 MBYT/QCDP

*Nhân dịp Hội-chợ Quốc-tế tổ chức
tại Osaka (Nhật Bản), thử tìm hiểu :*

NHẬT - BẢN

trên con đường phát triển

Tại Osaka ngày 15-3-1970 sẽ khai mạc Hội-chợ quốc-tế mà người Nhật gọi là « Expo 70 » kéo dài mãi tới tháng 10 mới bế mạc. Người Nhật đã sửa soạn cho Hội-chợ này một cách rất rầm rộ với một kỹ thuật hết sức tân kỳ, dự tính cho 40 triệu du khách của 76 nước tham dự.

Trước câu hỏi : Nước nào trên thế giới có những phát triển kỳ-diệu nhất trong hậu bán thế-kỷ thứ 20, có người trả lời là Đức Quốc, có người cho là Nhật Bản. Cả 2 ý kiến cùng đúng vì có một cái mà người ta gọi là « miracle allemand » thì cũng có một cái mà người ta gọi là « miracle japonais ».

Nhưng nếu nhìn vào sức sống mãnh liệt đang lên của một quốc gia muốn đập bằng tất cả trở ngại, nếu nhìn vào cái dĩ vãng mới 100 năm trước còn nghèo nàn xơ xác, lại trải qua một cuộc thế chiến thảm khốc nhất lịch sử và nhận lãnh 2 trái bom nguyên tử đầu tiên của nhân loại, mà vẫn chỗi dậy được và vượt lên hàng đầu của cuộc chạy đua kinh tế. Nếu

xét trên phương diện đó thì quả thật Nhật-Bản là nước kỳ diệu nhất của hậu bán thế-kỷ 20.

Một khía cạnh khác của sự kỳ diệu đó là trên đà tiến lên vùn vụt với tốc độ hỏa tiễn đó, Nhật Bản vẫn không đoạn tuyệt với dĩ vãng. Bên cạnh những cái mới ồn ào, đồ sộ, vẫn còn những cái cũ cổ kính, trầm lặng. Bên một sức mạnh thúc đẩy hướng về phương Tây, vẫn có một sức lôi kéo mãnh liệt hướng về phương Đông. Tất cả mọi chiều hướng hoạt động chính trị, kinh tế, văn-hóa, xã hội, đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của : khuynh hướng đó.

Tuy chứa đựng nhiều mâu thuẫn nội tại xã hội Nhật Bản vẫn vùn vụt tiến lên, không có một sức mại h nào ngăn cản nổi. Đó cũng là một

khía cạnh khác của sự kỳ diệu Nhật-Bản.

Nhật-Bản bên thềm năm 1970

Nếu ai đã từng thăm nước Nhật vào những năm 50, hơn 10 năm sau lại có dịp thăm nước này, tất không khỏi ngạc nhiên vì nó đã hoàn toàn đổi mới. Từ phi trường Haneda vào đến trung tâm thành phố Tokyo có một xa lộ chạy trên các nóc nhà, không dính gì tới các đường khác chẳng chịt ở dưới; thành ra chỉ mất độ 20 phút là đã tới trung tâm thủ đô. Có những khu phố thương mại hàng mấy cây số hoàn toàn nằm ngầm dưới đất. Có những tòa nhà tầng dưới nằm sâu dưới đất là ga xe điện ngầm (métro), tầng trên cao, có đường xa lộ chạy ngang. Ở giữa là những khu vực buôn bán sầm uất, thang máy lên xuống như mắc cửi. Những nhà chọc trời bắt đầu xuất hiện với những vật liệu và mang một lối kiến trúc đặc biệt, có thể đối phó được với những cuộc động đất rất thường hay xảy ra ở Nhật.

Người Nhật xem ra lắm lì thận trọng, thế mà lại có những quan niệm kiến trúc rất táo bạo. Nhiều đường hầm được đục dưới đáy biển nối liền 2 hòn đảo để cho xe hỏa băng qua. Khoảng giữa Tokyo và Osaka có nhiều hải cảng làm lấn ra ngoài biển cả hàng trăm thước để cho các tàu lớn nhất có thể rẽ hàng. Nhật Bản hiện nay đã có những tàu chở dầu trọng tải 300.000 tấn, trong tương lai sẽ có những tàu dầu trọng tải một triệu tấn, vào hạng lớn nhất thế giới. Ta nên nhớ ngày nay Nhật Bản là nước đóng tàu lớn nhất thế giới, sản lượng

gấp tới 10 lần nước Pháp và vượt cả nước Anh. Tuy nhiên, hạm đội Nhật Bản lại không đáng kể vì từ ngày thua trận, Nhật không hề nghĩ đến vấn đề phòng thủ. Việc phòng thủ đó hoàn toàn phó mặc cho Hoa Kỳ.

Có nhiều nhà máy lớn của Nhật không ở sâu trong nội địa mà ở sát ngay bờ biển và có khi xây dựng ngay trên mặt biển nữa. Làm như vậy sẽ giải quyết luôn được mấy vấn đề: vấn đề thiếu đất, vấn đề chuyên chở vật liệu và sản phẩm và vấn đề tháo bỏ những cặn bã sản xuất xuống lòng đại dương. Đất đai Nhật Bản (khoảng hơn 500 000 km²) nhờ những xây dựng dôi ra ngoài biển quy mô đó mà cũng tăng thêm diện tích hữu ích. Những hải cảng nổi, những xưởng máy nổi là những sáng kiến đặc biệt, chỉ có ở Nhật Bản, là nơi người đông, đất hẹp, kỹ nghệ mở mang, buôn bán sầm uất.

Hai thành phố Tokyo (11 triệu dân chưa kể vùng phụ cận) và Osaka (5 triệu 1/2 dân chưa kể phụ cận) cách xa nhau hàng 500 cây số, được nối liền bởi một đường xe lửa tốc hành nhanh nhất thế giới (hơn 300 cây số giờ), chỉ mất hơn 1 giờ là tới nơi và mỗi chuyến chỉ cách nhau 5 phút.

Khu vực Tokyo-Osaka ngày nay là khu vực kỹ nghệ lớn nhất Nhật Bản và có lẽ nhất cả toàn thế giới, tập trung tất cả các thành phố lớn như Yokohama, Nagasaki, Kobé và tới 80% dân số Nhật Bản (khoảng gần 80 triệu dân).

Tại Osaka ngày 15-3-1970 sẽ khai mạc Hội chợ quốc tế mà người Nhật gọi là "Expo 70" kéo dài mãi tới tháng 10 mới bế mạc. Người Nhật đã sửa soạn cho Hội chợ này một cách rất

rầm rộ với một kỹ thuật hết sức tân kỳ dự tính cho 40 triệu du khách của 76 nước tham dự. Chẳng chần những sản phẩm tối tân nhất, chứng tỏ nền kỹ nghệ tiên tiến của nước Nhật, sẽ được trưng bày cùng với 110 gian hàng của các nước khác. Hình như các gian hàng lớn nhất là của Nga, Gia-Nã-Đại rồi mới đến Hoa-Kỳ.

Nền sản xuất Nhật Bản trong mấy năm gần đây cứ tăng đều với nhịp độ từ 15 đến 18% (vượt xa nhịp độ của các nước khác, kể cả các nước Cộng sản kỹ nghệ Đông Âu đã từng khoe với nhịp độ 13% ; các nước Tây phương chỉ có 3%). Với cái đà tiến đó, Nhật Bản đã qua mặt Anh Quốc vào năm 1966 và Tây Đức vào năm 1968. Và cứ như thế chỉ trong vòng 5 năm, nghĩa là đến năm 1973, tổng sản lượng sồi (Produit national brut) của Nhật sẽ tăng gia gấp đôi và tới năm 1985, nền ngoại thương Nhật sẽ tăng gia gấp bốn. Đến cuối thế kỷ, theo dự tính của nhà kinh tế học Hoa Kỳ Hermann Kahn, Nhật Bản sẽ theo sát nút Hoa kỳ về phương diện sản xuất và bỏ xa các nước Tây phương. Ngày nay, theo Thủ tướng Sato, tổng sản lượng của Nhật mới bằng 1/5 của Hoa Kỳ. Lợi tức tính theo đầu người (ngày nay Nhật đứng hàng thứ 21 mặc dầu là cường quốc kinh tế thứ 3) sẽ tăng lên 2100 đô-la vào năm 1985 và đến cuối thế kỷ này Nhật Bản sẽ có mức sống gần ngang mức sống của Hoa Kỳ. Ông Kahn còn cho rằng thế kỷ thứ 21 là thế kỷ Nhật Bản.

Ngày nay nhiều người sang thăm nước Nhật không phải để chiêm ngưỡng di vãng mà là để mừng tượng trưng

lai. Vì hiện tại ở Nhật sẽ là tương lai của cả nhiều nước ở Tây - Âu nữa. Trong cuộc chạy đua, nước Nhật đã đến chỗ ngoặt mà người ta có thể nhìn thấy thế kỷ 21.

Những lý do thành công của Nhật Bản.

Nhật Bản không phải lo đến việc quốc phòng. — Thật vậy từ khi chiến bại, Nhật Bản đã hoàn toàn buông hẳn vấn đề phòng thủ vào tay kẻ chiến thắng là Hoa Kỳ. Trước kia phải ném gần hết nhân lực vật lực vào cuộc chiến, nay không còn phải nghĩ đến vấn đề đó nữa, họ có thể dồn tất cả mọi khả năng vào công việc tái thiết xứ sở, mọi nỗ lực của họ đều hướng về phương diện kinh tế. Các phương-diện chính trị, quân sự đều đặt xuống hàng thứ yếu. Các đại công-ty (Zaibatsu) thời tiền chiến bị các nhà cầm quyền chiếm đóng giải tán, một thời gian sau lại được tái lập trên một quy mô rộng lớn hơn : Mitsui, Misubishi, Sumimoto, Yasuda. Có nhiều công ty sáp nhập với nhau thành một công ty lớn như công ty Shin Nippon Seitetsu hợp nhất 2 công ty thép Yawata và Fuji sản xuất tới 22 triệu tấn thép mỗi năm, công ty thép lớn thứ 2 trên thế giới. Sở dĩ chánh phủ và tư nhân đều có thể tập trung mọi nỗ lực vào việc phát triển kinh tế là vì Nhật-Bản quan niệm sẽ thắng trên một mặt trận khác : đó là mặt trận sản xuất. Người Mỹ đã giúp họ thực hiện điều đó bằng cách đầu tư ồ ạt ở Nhật Bản.

Nhật-Bản hưởng lợi nhờ những hoạt động của quân đội Mỹ. — Quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật Bản phải xây dựng các căn cứ quân sự. (Riêng

Okinawa đã có tới 148 căn cứ Hoa Kỳ chưa kể chừng 100 căn cứ khác ở khắp nước Nhật : xem bài « Okinawa đi về đâu » trên Báo h-Khoa số 301). Những số tiền đô-la ném vào công cuộc xây dựng các căn cứ đó được tiêu hóa ngay trên thị trường Nhật Bản. Ngoài ra các công ty tư bản lớn của Hoa-Kỳ cũng bỏ vốn kinh doanh ở Nhật là nơi có nhiều nhân công chuyên nghiệp mà lại rẻ tiền. Các nhà tư bản Nhật cũng dựa vào đó mà phát triển lên như gió.

Cuộc chiến tranh Triều Tiên, rồi đến cuộc chiến tranh Việt-Nam đã làm giàu lớn cho giới tư bản Nhật.

Với những cơ sở kỹ nghệ sẵn có, Nhật-Bản đã nhận được phần lớn những đơn đặt hàng của Hoa-kỳ : Một đôi giày trận đóng ở Nhật giá chưa bằng phân nửa một đôi đóng ở Hoa Kỳ : 2 đô-la đối với 5 đô-la. Ai cũng biết những xe Jeep bị hư ở Việt Nam đều được đưa qua sửa chữa ở Nhật-Bản. Có thể nói cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-53) với cuộc chiến tranh Việt-Nam ngày nay là 2 cái đà đẩy mạnh cho nền kinh tế Nhật Bản tiến vọt lên.

*Nhật Bản thế nào là hơn ở d c
tính của người dân Nhật*

Ai cũng biết Nhật Bản là một đảo quốc đất hẹp người đông nguyên liệu nghèo nàn. Họ sẽ không thể nào quật khởi nổi nếu dân tộc Nhật không phải là một dân tộc có tinh thần quốc-gia cao độ, có tinh thần kỷ luật gương mẫu, cần cù nhẫn nại, trầm lặng, nhưng có nhiều sáng kiến táo bạo, dám đổi mới tất cả nhưng cũng rất tôn trọng cái cũ. Trước kia, lúc nền kỹ nghệ chưa được mở mang lắm, Nhật thường hay học lỏm và bắt chước Tây phương đến từng chi tiết. Đến nay, khi đã vượt Âu-châu trên nhiều phương diện, họ đã tỏ ra có nhiều sáng kiến tiên phong, khiến Âu

Mỹ cũng phải trầm trồ khen ngợi. Một chứng cứ là hàng Nhật ngày nay đã tràn ngập thị trường Âu Mỹ. Cả trên lãnh vực nông nghiệp là nơi có ít đất cày cấy nhất, người nông dân Nhật cũng đã biết triệt để áp dụng các phương pháp khoa học để sản xuất năm nay tới 15 triệu tấn lúa, thừa để xuất cảng, thật là một sự lạ chưa từng có trong lịch sử nước Nhật. Nếu không phải là một dân tộc thông minh, cần cù, kỷ luật và có óc sáng tạo thì làm sao đạt được những thành tích đó. Được hỏi về bí quyết thành công của Nhật Bản, Thủ tướng Sato đã trả lời là người Nhật làm việc hơn cả các dân tộc khác, họ làm việc không nghỉ cho đến hơi thở cuối cùng.

Tóm lại, ta có thể nói những tiến bộ vượt bậc ngày nay của Nhật Bản một phần nhờ vào tinh cần cù và tiềm năng sáng tạo của người Nhật một phần nữa cũng nhờ vào vận hội lịch sử. Nhưng vận hội đến mà không đủ lực bắt lấy thì cũng bằng thừa. Cái hay của nước Nhật là ở chỗ đó.

Những mâu thuẫn của xã hội Nhật Bản ngày nay

Những mâu thuẫn đó rất nhiều và thể hiện trong tất cả mọi lãnh vực.

Trên lãnh vực văn hóa xã hội.

Sau 1/4 thế kỷ tiếp xúc, văn minh vật chất Hoa Kỳ ảnh hưởng rất sâu đậm vào xã hội Phù Tang.

Nếp sống kiểu Mỹ đã lôi cuốn các tầng lớp thanh niên, phụ nữ ở những thành thị lớn Nhật Bản đã đánh bật cả những phong tục cổ kính. Đời sống ở các thành phố Tokyo, Osaka... giống Âu Mỹ hơn là Á - Đông. Những nàng Geisha với lối tiếp khách lịch sự, cổ kính, đã phải nhường bước cho các chiêu đãi viên, y phục táo bạo kiểu Tây-phương tại các khách sạn tân kỳ ; cả nếp sống hippy ngày nay cũng rất phổ biến ở Nhật. Tuy vậy các khách hào hoa mộ điệu vẫn có thể gặp

được những nàng Geisha khả ái để sống lại cảnh nước Nhật ngày xưa. Nhưng muốn đi tìm những di tích của nước Nhật cổ kính thì phải đến Kyoto. Ở đây mới có thể lại thấy được những lâu đài, miếu mạo cổ kính với hoa anh đào nở tung, với những thiếu nữ Nhật mặc những bộ đồ quốc phục nên thơ. Còn ở Tokyo và nhiều thành phố lớn khác không khí bị vẩn đục vì khói các nhà máy; nhiều khi hình ảnh núi Phú-si cũng bị khói che mờ. Có lần Hoàng-cung đã phải gửi sang Hoa-Kỳ mua một số cây anh đào, mà mười năm trước đây Nhật đã tặng Mỹ, để đem về trồng nhân dịp đầu xuân. Tuy nền văn minh khoa học đầy những quyển rũ vật chất lẫn át nền văn minh cổ truyền, nhưng Nhật Bản vẫn cố gắng giữ lấy nếp sống xưa để khỏi đoạn tuyệt với di vãng. Một thanh niên hay một thiếu nữ Nhật lúc ban ngày theo lối sống Tây phương, tối đến về nhà lại thích bận kimono và theo lối sống cũ trong gia đình. Họ theo Tây phương nhưng họ vẫn yêu đất nước của họ và đặc biệt kính trọng di vãng. Theo Tây phương để tranh đua với đời, nhưng họ vẫn kiêu hãnh là con cháu của Thiên-Hoàng. Đó chính là cái mạnh của họ làm cho họ học được của người mà không mất gốc.

Trên lãnh vực kinh-ế xã-hội, các tài phiệt nắm vững nền kinh tế Nhật Bản phần lớn đều thuộc tầng lớp phong kiến, lãnh đạo cuộc canh tân đất nước. Họ điều khiển các công ty khổng lồ (các Zaibatsu) giống như các trust ở Hoa Kỳ. Các xưởng máy đều trang bị tối tân, nhân công làm việc đều theo tiêu chuẩn tương tự như ở các nước Tây phương. Nhưng bên dưới những đại công-ty đó lại có hàng rừng những

tiểu công-ty dùng những phương tiện thủ-công-nghiệp tương tự như ở các nước Á Châu khác, với nhân công rẻ tiền hơn, để phục vụ cho các đại công-ty. Thành ra trong giới tư-bản cũng có hai hạng: Hạng trên nắm vững bộ máy kinh tế và công việc xuất nhập cảng; họ có thể lực chính trị rất lớn trong đảng Bảo-thủ mệnh danh là đảng Dân-chủ tự-do. Hạng thứ hai kém phương tiện và thế lực hơn phải phục vụ cho hạng trên. Nhưng cũng vì ít dính dấp với ngoại bang hơn (nhất là Hoa-Kỳ) nên họ cũng có tinh thần dân-tộc mạnh hơn.

Giới thợ thuyền cũng chia làm 2 hạng. Hạng được ưu đãi, lương cao và có nhiều bảo đảm xã-hội hơn, làm việc tại các xưởng máy tối tân, theo tiêu-chuẩn quốc-tế. Hạng thứ hai làm việc tại các xưởng thủ-công, lương ít, thiết thòi đủ thứ. Do đó mà nhóm tranh đấu cực tả thường được tuyển mộ trong giới bất mãn này. Còn quần chúng của đảng xã-hội và cộng sản là ở các xưởng máy lớn. Đảng Komeito, xu hướng quốc gia và Phật-giáo cũng tuyển mộ đảng viên phần lớn ở trong giới nghèo ở thành thị và thôn quê.

Tóm lại chính sự phát triển kinh tế Nhật-Bản đã quyết định một phần lớn thái-độ chính trị của các tầng lớp nhân dân Nhật từ phe hữu sang phe tả. Càng nghèo khổ bất mãn, phe tả càng cực đoan. Hiện nay trong số các nước tư-bản, Nhật Bản là nước mà cánh tả có tổ chức nhất và tranh đấu mãnh liệt nhất.

Trên lãnh vực chính trị ngoại giao. Hiện nay Nhật Bản cũng đang bị dằn co giữa Đông phương và Tây Phương

Trong sự giằng co này, yếu tố kinh tế cũng đóng một vai trò quan trọng.

Đảng Dân chủ Tự do, hay nói cho đúng hơn cánh hữu của đảng này, do Thủ tướng Eisaku Sato cầm đầu, từ năm 1964 đã liên tục nắm chính quyền từ hơn 20 năm nay, chủ trương một đường lối triệt để thân Hoa-kỳ. Trong suốt thời gian này, tuy Nhật Bản đề hết tâm vào việc phát triển kinh tế, nhưng trên phương diện chính trị, đảng cầm quyền chủ trương hợp tác chặt chẽ với Hoa-Kỳ trên mọi phương diện. Hoa-Kỳ là nước mà Nhật Bản giao thương nhiều nhất, Hoa-Kỳ là nước đầu tư lớn nhất ở Nhật. Đa số các công-ty lớn của Nhật đều có cổ-phần Hoa-Kỳ. Hoa-Kỳ là bạn đồng-minh thân-thiết của Nhật, mọi công cuộc phòng thủ Nhật-Bản đều phó thác cho Hoa-Kỳ. Quần đảo Ryu Kyu trong đó có Okinawa cũng nhường cho Hoa-kỳ sử dụng. Hoa Kỳ có thể dùng Okinawa làm căn cứ quân sự. Đảng Komeito tổ chức là hiện nay ở Okinawa Hoa Kỳ có 32 dàn phóng hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên-tử (24 hướng về lục địa Trung Hoa và 8 hướng về Nhật Bản và Hàn Quốc). Chính đảng cầm quyền đã ký các hiệp-ước an ninh Mỹ Nhật 1951 và 1960 và đã đề cho Mỹ sử-dụng đất Nhật vào các mục tiêu quân sự trong cuộc chiến tranh Triều-Tiên và Việt-Nam. Với đảo Bão thủ cầm quyền, Nhật Bản tuy lớn mạnh về kinh tế nhưng chỉ là cái đuôi của Hoa Kỳ trên phương diện chính trị. Đó là vì quyền lợi của họ phù hợp với quyền lợi của Hoa Kỳ nhất là ở Á Châu.

Nhưng cánh tả của đảng Bão thủ gồm những nhà tư bản có tinh thần

dân-tộc lại muốn thoát ra khỏi sự lệ thuộc vào Hoa Kỳ và tìm thị trường hướng vào lục địa Trung Hoa mà họ cho là một cái kho vô tận nếu biết đường khai thác. Vì thế cho nên mới có những sự tiếp xúc với chế độ Bắc Kinh trên phương diện thuần túy kinh-tế. Năm ngoái đã có những cuộc tiếp xúc giữa Nhật và Nga - số đề bàn tính việc khai thác vùng Sibérie. Họ tính chuyển lợi dụng cuộc tranh chấp Nga Hoa để xen vào thủ lợi đối với cả 2 bên. Nói chung thái độ của đảng cầm quyền ở Nhật ngày nay là thân Mỹ để tìm cái lợi trong việc phát triển kinh tế, nhưng đồng thời cũng đẩy những mũi dùi thăm dò sang phía bên kia.

Thái độ thân Mỹ đó đã bị các đảng phái phe tả cực lực đả phá. Họ khai thác triệt để mối thù bom nguyên-tử năm xưa và hàng năm kỷ niệm rầm rộ ở Hiroshima và Nagasaki để khắc sâu cảm hờn trong tâm khảm người Nhật. Họ lên án việc Hoa Kỳ chiếm đóng Okinawa và dùng quần đảo này vào các mục tiêu quân sự có hại cho uy tín của Nhật-Bản. Họ đòi chấm dứt những phi vụ B 52 từ những phi-trường ở Okinawa đi oanh tạc tại Việt Nam. Họ đòi Mỹ phải đem hết vũ khí nguyên tử và vi trùng ra khỏi quần đảo này để cho Nhật khỏi phải chịu tai bay vạ gió.

Họ đòi Mỹ phải lập tức trả ngay Okinawa lại cho Nhật không chờ đợi đến hạn kỳ 1972 nữa, vì họ không muốn Mỹ cứ tiếp tục sử dụng căn cứ này vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Các phe tả ngày nay đều hướng mọi hoạt động của họ vào việc hủy

bỏ hiệp ước an ninh Nhật Mỹ và đòi lại quần đảo Okinawa. Có khác chăng là ở phương pháp tranh đấu.

Đảng Xã hội (đảng quan trọng thứ nhì ở Nhật) chú trọng nhiều hơn vào hoạt động nghị trường. Trong khi đó đảng Cộng sản (cũng chia làm 2 xu hướng: thân Bắc Kinh và thân Mạc Tư Khoa) vì bị thiếu số ở Quốc hội nên chú trọng nhiều hơn đến hoạt động ở xưởng máy và ngoài đường phố. Nhóm thân Bắc Kinh và nhất là các phần tử sinh viên và thợ thuyền cực tả đã chủ trương bạo động, chiếm lĩnh trường Đại học, xưởng máy công nghiệp kháng cự với cảnh sát, gây nhiều xáo trộn trong các thành phố Nhật-Bản.

Những cuộc tranh đấu của nhóm cực tả, trong thời gian gần đây, mỗi ngày một rộng lớn và quan trọng, có cả hàng trăm ngàn người tham dự, phần lớn thuộc giới thanh niên và thợ thuyền. Khẩu hiệu tranh đấu của họ là chống đối cuộc chiến tranh Việt Nam chống đối vũ khí nguyên tử phản đối liên minh Nhật Mỹ và đòi trả lại ngay đảo Okinawa. Những cuộc tranh đấu đó lại được phong trào đòi hòa bình ở Hoa Kỳ tiếp sức nên bùng lên càng dữ dội. Gần đây nhân dịp Thủ tướng Nhật Sato sang Mỹ thương thuyết, phe chống đối đã tổ chức biểu tình bạo động trong 5 ngày liên tiếp để ngăn cản Thủ tướng Sato lên đường. Nhóm người biểu tình trang bị như ra trận: mũ sắt, mặt nạ phòng hơi cay, thủ pháo Molotov lập chướng ngại vật ngoài đường phố ở Tokyo và nhiều tỉnh thành lớn, công khai đánh du kích với cả trăm ngàn cảnh sát mà chính phủ đã huy động tới. Cuộc xung đột lớn nhất xảy ra ngày 21-11-69 khiến cho 77 người bị thương,

1857 người bị bắt trong số đó có 238 phụ nữ.

Nhưng rồi Thủ tướng Sato cũng ra đi được đúng kỳ hạn vào ngày 17-11. Ông đã phải dùng trực thăng đi từ tư dinh đến phi trường Haneda và 25.000 cảnh sát đã phải canh phòng cẩn mật để bảo vệ an ninh nơi phi-trường để thủ tướng ra đi vô sự.

Cuộc tranh đấu của phái tả kháng phải vì thế mà ngưng lại. Trái lại, nó càng sục sôi dữ dội để gây áp lực mạnh với chính phủ Sato. Đảng Bảo-thủ biết rằng phe tả hiện nay đang tranh đấu cho nguyện vọng của toàn dân bằng những phương pháp quá khích, bạo động. Nếu không tranh thủ được sự nhượng bộ của Hoa Kỳ thì đảng sẽ khó lòng giữ vững được chính quyền. Vì thế cho nên Thủ tướng Sato đã phải đi Mỹ một chuyến để cứu vãn lại uy thế cho đảng mình và giữ vững quyền lãnh đạo trong tương lai.

Cuộc thương thuyết Nhật-Mỹ về vấn đề Okinawa.

Thực ra vấn đề này đã được đem ra thảo luận giữa các nhà cầm quyền Nhật-Mỹ từ mấy năm nay rồi.

Đề thỏa mãn dư luận nhân dân Nhật và nắm vững chính quyền, chính phủ Bảo-thủ Nhật đã ráo riết vận động để Mỹ trao trả đảo Okinawa vào năm 1972 và không để cho Mỹ dùng đảo này làm một căn cứ nguyên-tử — Mỹ cũng nhận thấy đòi hỏi của Nhật là chánh đáng nhưng lại tiếc vị trí chiến lược của Okinawa và muốn được trở lại khi nào cần thiết với cả vũ khí hạt-tâm. Đó là điều mà Nhật khó có thể chấp nhận vì quyền lợi của 2 nước không giống nhau trong việc phòng thủ Á Đông. Nếu Nhật có thể

vui lòng cho Mỹ xử dụng các căn cứ của mình để bảo vệ Đại Hàn thì Nhật có thể ngại ngừng hơn đối với việc bảo vệ Đài Loan. Còn đối với cuộc chiến tranh Việt Nam, Nhật không thể cứ làm ngơ mãi cho Mỹ xử dụng Okinawa làm căn cứ B 52 oanh tạc ở Việt Nam. Trước sự phản đối mỗi ngày một gia tăng của nhân dân Nhật.

Cuộc thương thuyết dằng dai đó đã kết thúc bởi thỏa ước Mỹ-Nhật ngày 20-11-69. Thỏa ước đó có mấy điểm chính như sau :

1/ Mỹ hứa trả Okinawa cho Nhật vào năm 1972 và sẽ không dùng đảo này làm căn cứ vũ khí nguyên tử.

2/ Nhật hứa sẽ tham gia phòng thủ khu vực Á châu và Thái Bình Dương đặc biệt là Đại-Hàn và Đài-Loan chứ không đóng vai trò bàng quan như trước, nghĩa là từ nay Nhật phải có một quân lực khả quan để góp phần vào việc phòng thủ chung Đông Á cùng với Hoa Kỳ.

3/ Hiệp ước an ninh Mỹ Nhật lại được tái tục trong thời hạn 10 năm nữa (kể từ 1970) và theo hiệp ước đó Mỹ vẫn có quyền xử dụng các căn cứ ở Nhật kể cả ở Okinawa mặc dầu chủ quyền của đảo này sẽ được trả trả cho Nhật từ năm 1972

Những thắng lợi của Đảng Bảo hủ Nhật

Với bản thỏa ước đó trong tay, Thủ tướng Sato đã trở về Nhật như một kẻ chiến thắng. Ông không ngại giải tán Quốc-hội và tổ chức bầu cử lại vào ngày 27-12-69.

Cuộc bầu cử đó đã đem lại thắng lợi hoàn toàn cho đảng của ông Đảng

Dân chủ Tự do (Bảo thủ) được 288 ghế tức là hơn trước 11 ghế. Sau bầu cử đảng đó lại thêm được 12 ghế của nhóm Độc-lập ngã theo, tức là 300 ghế. Đảng Xã-hội chỉ còn 90 ghế (nghĩa là mất 50 ghế) Đảng Komeito được 47 ghế (trước chỉ có 25), đảng Dân chủ Xã hội được 31 ghế (thêm 1 ghế). Đảng Công-sản được 14 ghế (trước chỉ có 5). Với một đa số mạnh như vậy, Thủ tướng Sato chắc chắn sẽ cầm quyền trong một thời gian lâu nữa và tiếp tục đường lối thân Mỹ của đảng ông. Phe đối lập chia rẽ giữa nhiều khuynh hướng sẽ không còn là một mối lo ngại cấp thời cho ông nữa. Nhưng đảng Cộng sản cũng đã thu được một thắng lợi đáng kể. Riêng ở Tokyo, họ đã được 6 ghế. Đảng Komeito, trở nên đảng đối lập thứ nhì (sau đảng Xã hội), rất có ảnh hưởng trong giới bình dân và Phật tử. Ông Sato và đảng của ông đã thắng lớn vì đã đem lại thịnh vượng cho nước Nhật ; và chẳng dân chúng Nhật cũng đã chán ngấy bạo động và mùn trật tự sớm ảm hối. Nhưng các đảng đối lập, vì bị thiếu số ở nghị trường, có thể trong tương lai gần đây sẽ chú trọng đến việc phát động quần chúng đấu tranh gây xáo trộn làm khó khăn cho chính quyền bảo thủ. Chính trường Nhật Bản còn hứa hẹn nhiều sôi nổi, ảnh hưởng đến đường lối phát triển của nước này trong tương lai và trên toàn thể vùng Đông Á.

Chính sách nước Nhật đi về đâu ?

Với sự phát triển kinh tế thần tốc của mình, Nhật Bản đã trở nên một cường quốc viện trợ Hàng hóa Nhật lan tràn khắp năm châu kể cả những nước tự bản kỹ nghệ tân tiến

nhất. Với đà tiến bộ đó, Nhật không thể cứ mãi mãi theo đuôi Hoa Kỳ. Một ngày nào đó không xa, Nhật phải tách ra khỏi vết xe của Hoa Kỳ để tự tìm lấy con đường đi của mình. Mấy năm gần đây đã cho ta thấy rõ hướng đi đó.

— Nhật đặc biệt chú trọng đến khu vực Đông Nam Á để mở rộng và củng cố thị trường. Cái mộng Đại Đông Á xưa của họ đang được thực hiện theo một đường lối khác, hòa bình, và hữu hiệu hơn. Đó là khu vực thịnh vượng chung Đông Nam Á mà họ sẽ đổ đầu và tài trợ. Người Nhật đang ráo riết nghiên cứu chương trình tái thiết VN trong thời hậu chiến mà họ muốn đóng một vai trò quan trọng ở cả 2 miền.

— Tuy khác nhau về chế độ chính trị, Nhật Bản vẫn không ngớt thăm dò lục địa Trung-Hoa. Các thương gia và chính khách Nhật thỉnh thoảng lại có dịp thăm viếng Bắc-Kinh. Những cuộc trao đổi hàng hóa mỗi ngày một thêm quan trọng, năm 1966 lên tới 620 triệu Mỹ kim, Trung Cộng trở thành khách hàng thứ 4 của Nhật, sau Hoa Kỳ, Úc và Gia Nã Đại. Năm 1969 số lượng tiếp Nhật bán cho Trung Cộng là 1.200.000 tấn, số lượng tơ sồi Nhật mua của Trung Cộng là 750 tấn (60% số lượng nhập cảng của Nhật). Tuy vậy sự giao thương này còn rất hạn chế vì chế độ chính trị khác nhau và cũng vì Nhật còn e ngại sự cấm cản của Hoa Kỳ. Nhưng một ngày kia vì nhu cầu phát triển kinh tế và tương quan chính trị biến chuyển, Nhật Bản sẽ xích gần lại Trung Cộng hơn bất chấp mọi trở ngại. Ngay bây giờ ta đã thấy chính phủ Sato, mặc dầu thân Mỹ nhưng vẫn e dè Bắc-Kinh.

Còn đối với Nga thì Nhật vẫn có những giao hảo kinh tế, văn hóa từ trước. Hiện nay tại Moscou có tới 12 đại diện thường trực của các công ty lớn Nhật Bản (Mitsui, Misubishi) Hãng Japan Air Lines được phép bay qua Tây Bá Lợi Á. Ngoài ra Nhật Nga đã từng tiếp xúc để bàn việc khai phá vùng Đông bộ Tây

Bá Lợi Á. Nhật còn hứa xây dựng giúp Nga một hải cảng ở bờ Thái Bình Dương (Nakhodka) có thể tiếp nhận được những tàu 100.000 tấn.

Nhật đang hết sức lợi dụng mâu thuẫn Nga-Hoa để thủ lợi và cũng không bỏ lỡ dịp Mỹ hứa trả Okinawa để đòi Nga phải trả quần đảo Kouriles ở phía Bắc.

Nói tóm lại, đường lối phát triển tương lai của Nhật không phải hướng về Mỹ Châu và Âu Châu mà là hướng về lục địa Á Châu vì nơi này là một kho nguyên liệu vô tận và một khách hàng khổng lồ giúp cho nền kinh tế phát triển cao độ của Nhật Bản tìm thấy con đường thoát.

Vì vậy nên tuy theo Mỹ để học hỏi và ganh đua nhưng Nhật vẫn không thể bỏ được Á Châu vì chỉ có hướng về Á Châu Nhật mới có thể tồn tại được như một đại cường.

Nhưng phần lớn Á Châu lại thuộc quyền kiểm soát của Cộng sản. Do đó mà Nhật phải có một chính sách tế nhị hơn đối với Cộng sản, nhất là Trung Cộng.

Chính sách ba mặt của Nhật Bản (khuếch trương kinh tế xuống vùng Đông Nam Á, bắt tay với Nga, liên minh với Hoa Kỳ) đã làm cho Bắc Kinh nổi sùng, lên tiếng kịch liệt tố cáo chính phủ « phản động » Sato đã cấu kết với hai đế quốc Nga Mỹ để bao vây Trung Quốc.

Với thỏa ước Mỹ Nhật, Thủ tướng Sato quả thực đã củng cố vị trí chiến lược của Hoa Kỳ ở khu vực Á Châu — Thái Bình Dương, góp phần ngăn chặn âm mưu của Trung Cộng giải phóng Đài Loan và bành trướng thế lực xuống vùng Đông Nam Á. Vì thế cho nên Bắc Kinh đã không tiếc lời mạt sát ông. Ở cái thế đó, Nhật Bản nhất định phải đi nước cờ thân Mỹ đến cùng và tạo điều kiện thân Nga hy vọng trong cái thế chân vạc ấy gây thật nhiều khó khăn cho Trung Cộng sụp đổ và do đó có thể thực hiện được đường lối phát triển tương lai của mình.

VIỆT PHƯƠNG

PNB

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Kỹ - thuật kiến - trúc mới lạ

Kỹ thuật xây cất đương bước vào giai đoạn phát triển chưa từng có. Người ta dự tính từ nay cho tới năm 1970, riêng tại Pháp mỗi năm cần cất thêm 200 ngàn ngôi nhà. Để đối phó với trường hợp này, kỹ nghệ làm vật liệu xây cất tiến triển trên hai chiều hướng: một mặt, người ta sáng chế ra nhiều vật liệu mới mẻ, mặt khác tìm cách sử dụng dưới hình thức mới, các vật liệu đã có từ xưa.

Trong mấy năm gần đây, sự tiến triển đã vô cùng nhanh chóng. Giá đất đai và nhân công quá mắc thúc đẩy các cuộc tìm kiếm về mặt kỹ-thuật học. Quả vậy, hai nguyên nhân vừa kể không cho phép người ta đóng từng cây đinh mà trong một biệt-xá cỡ trung, thường cần tới trên 60 ngàn cây lớn nhỏ. Lối xây cất bằng cách ráp dần dì, với các tấm ván và diện tích lớn, trở nên phương-thế duy nhất hiện nay.

Một trong những cách thức ấy là dùng một thứ keo đặc biệt, chẳng hạn loại có tên *Plastikon 400* vừa được đem bán trên thị trường. Th keo này chịu đựng nước và sức nóng (tới 93 độ C) có thể dùng dán gỗ, các loại "sợi thủy tinh" (*fibre de verre*), bê-tông, gạch, nhôm, thép, da thuộc, cao su, bấc, giấy và vải. Trong số các công dụng cho ngoài trời, người ta có thể kể: dùng để dán các lớp «vỏ» bọc bên ngoài tường, để ráp mái nhà, vv.,.

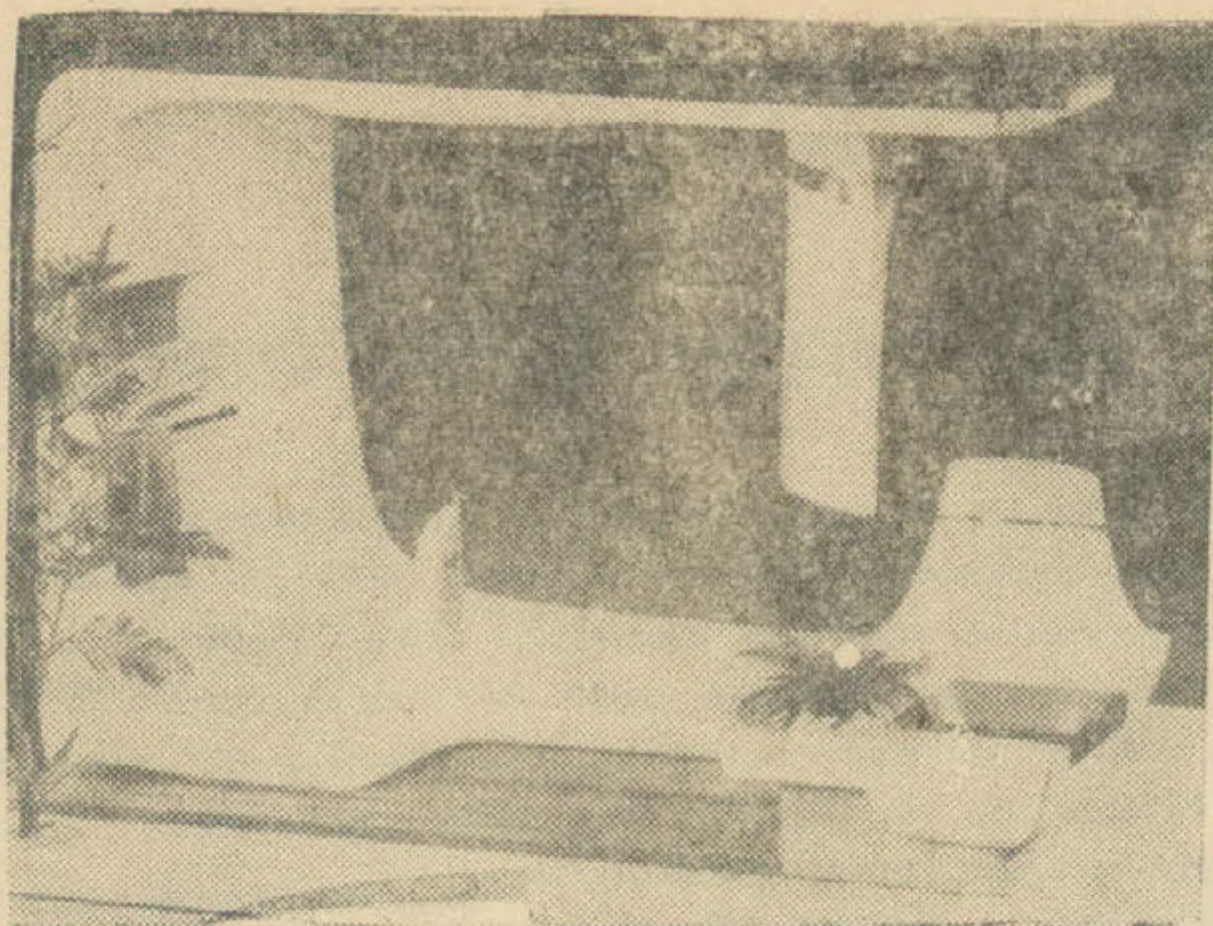
Keo *Plastikon* giữ vững tánh chất trong một thời-gian khá dài đối với các va chạm. Người ta có thể dán những diện tích lồi lõm mà khỏi cần chêm hoặc bào cho bằng mặt, nếu sự so le cách biệt không quá 1 phân.

Loại nhà lưu động hoặc tiền-chế cũng đương phát triển. Người ta thường dùng một lớp chất dẻo *fluorure polyvinylque* có tên "*Tedlar*" (do hãng D. de N. chế tạo) để bảo vệ nóc và vách. Chất này, dùng sau 25 năm, vẫn còn giữ 50 0/0 sức chịu đựng nguyên thủy và chỉ mòn độ 1 0/0 ở mấy góc cạnh.

Ở Phần-lan, một loại nhà «dĩa bay» dùng cho vùng quê đương được phổ biến. Các bộ phận được ráp tại chỗ, và toàn bằng chất dẻo: polyester có xen «sợi thủy tinh», cửa bằng *acrylique* và ván ngăn tiếng động bằng *polyurethane*. Bàn ghế cũng bằng chất dẻo. Kiến trúc sư (Matti Suuronen), thầu khoán và nhà chế tạo đều là người Phần-lan.

Một thứ «giường-võng» làm bằng *chlorure polyvinylque*, chạy điện, dành cho các cặp vợ chồng son nào muốn có cảm giác đi tàu lắc lư, khi nằm trong đó.

Ở Pháp, kiến-trúc-sư Gérard Grandval sáng chế ra một kiểu nhà dùng tạm trú trong các kỳ chơi thể thao mùa đông, đương được sử dụng ở vùng núi Alpes. Ngôi nhà gồm nóc, hai phòng ngủ, nhà bếp, buồng tắm, chỉ cần có 4 ngày để



Buồng tắm kiểu « hướng lai » (futuriste)

dựng lên trên một nền bê-tông với những bộ phận tiền-chế bằng chất dẻo và ván ép. Phía trong bọc gỗ được trang bị bàn ghế, tủ sách, có cửa sổ rộng và hệ-thống sưởi ấm. Giá chung độ chừng 55 ngàn quan mới (1 triệu 100 ngàn đồng).

Cách đây hơn 10 năm, ở Disneyland (Mỹ), Walt Disney, nhà sản xuất phim hoạt họa, đã cho cất một ngôi nhà đặc biệt và đặt tên «Ngôi nhà của Ngày mai» bằng chất dẻo. Năm 1967, muốn phá bỏ nó, người ta phải mất 15 ngày thay vì 1 ngày như loại bằng gạch. Máy đập phá khi dùng đầu búa tròn bằng thép nặng 1 tấn rưỡi vẫn không sao phá bẽ nổi, sau cùng phải sử dụng loại giấy cáp đặc biệt để triệt hạ.

Trong số các dự án của kiến trúc sư Mỹ, người ta có thể kể loại phòng tiền chế nhẹ treo quanh một cao ốc trung ương hình trục. Một loại khác, bằng chất dẻo, có hình thể như các cây dù lật ngược nối lại với nhau, và được

một số cột thép chống đỡ. Tường thì bằng «bọt chất dẻo» (mousse de plastique) rỗng rỗng, lúc khô sẽ cứng và chắc hơn bê-tông.

Vào tháng 11 năm 1968, trong Viện Bảo-tàng Nghệ-thuật Hiện đại ở Mỹ, ba sinh viên kiến trúc đã tự tay xây một ngôi nhà với bọt chất dẻo. Trước hết họ ráp vài đay thành một cái bao lớn, đoạn bơm phồng nó lên. Kế, họ thổi lên trên mặt một lớp «bọt chất dẻo» polyurethane nắn sáu phân bề dày. Sau vài phút, chất dẻo khô, họ cưa cái bao ra thành nhiều mảnh nhỏ, đoạn ráp chúng lại cũng bằng «bọt chất dẻo». Khi hoàn thành, vật liệu đó có màu lợt mặt nhám, dễ xem và sờ êm tay. Các cánh cửa cũng bằng chất ấy.

Nhờ vậy, người ta thực hiện được vô số loại kiến-ốc vì nó khỏi cần những phương-tiện liên-hệ đại-quy-mô. Với sự tiến bộ của kỹ-thuật học, bọt chất dẻo khá thích hợp cho công trình kiến-trúc ở mấy xứ thiếu mở mang. Chỉ cần

đem ới hồ vài thùng ure ha e cùng vật liệu dụng cụ lích lích (như sắt, thép, gỗ, máy hơi...) để xây cất được ngay những kiến-ốc theo ý muốn. Có khi cũng chẳng cần tới sườn nữa, như trường hợp làm kệ, ghế, bàn, v.v... bằng cách thối lên vách mấy lớp bột chổng lên nhau đoạn để cho khô cứng. Phương pháp này khiến ta nhớ tới loài ong và các ô tò vò.

Hãng F. vừa hoàn thành một loại chất dẻo mềm có thể may theo ý, đoạn bôm cho phồng lên. Các tia cực tím của ánh sáng mặt trời sẽ làm cứng kiến-ốc đó trong vài tiếng đồng hồ. Những người phát minh ra phương-thức này quả quyết: đối với một cái vòm cao 750 thước, chỉ cần 8 tới 10 ngày để nó khô cứng. Người ta dự định dùng loại "vòm" này, có xen thứ sợi thủy tinh, để bao bọc một khóm nhà, chẳng hạn ở những nơi mà khí hậu không được bình thường (sa mạc, mặt trăng v.v...).

Chất vinyl, thường dùng làm ống thoát nước, là một trong những vật liệu sẽ được sử dụng nhiều nhất trong 10 năm tới đây. Song song với nó, chất acit *chlorocarbonique polyvinylque chloruré* thường dùng cho hệ thống phân phát nước.

Việc sử dụng chất dẻo có xen sợi thủy tinh (viết tắt là FRP) trong ngành xây cất, đánh dấu một bước tiến quan trọng. Sợi thủy tinh được đem dùng lần đầu tiên trong kỳ triển lãm ở Chicago, năm 1893. Vào thời đó, giá tơ rẻ gấp 20 lần hơn loại sợi này, nhưng một công chúa Tây-ban-nha, vì thích nó, đã đặt may một chiếc áo bằng sợi thủy tinh -- tuy nó vừa xấu mặt, vừa đục.

Ngày nay, chất dẻo xen sợi thủy tinh được dùng làm vật dụng trong nhà theo khuynh hướng nghệ thuật hướng lai: người ta nặn hình nguyên khối, nhiều vật dụng dính chung với nhau khiến hình thể trơn tru gọn gàng, vừa đẹp mắt vừa chắc chắn. Có khi các khối ấy dính luôn vô tường hoặc trần nhà, sàn nhà. Chẳng hạn cần một buồng tắm, ta chỉ việc lựa một kiểu nào đó, rồi cho chỗ ngay về nhà, ráp các đầu ống nước, cắm giây điện là có đủ bồn tắm, chỗ rửa mặt, chỗ vệ sinh v.v....

Nhờ chất FRP, người ta làm được những căn buồng hoàn toàn ngăn cách với tiếng động bên ngoài.

Thép cũng được sử dụng nhiều hơn. Một thứ thảm lót nhà gồm sợi thép và sợi chất dẻo, không dính bụi, bền bỉ hơn các loại hiện nay đã xuất hiện trên thị-trường. Một thứ thép chịu đựng mọi thời tiết, bền bỉ và không sét, mà vẫn giữ các đặc tánh của loại thép thường có carbone (dễ cưa giũa, dễ hàn) càng ngày càng được ưa chuộng. Để ngoài trời một thời gian, thép này sẽ bao phủ một lớp ôxyt nâu sậm, dày như một lớp sơn và có công dụng y như vậy.

Không bao lâu nữa, người ta sẽ bán một loại kiếng an toàn, bề dày 3 ly, tên *Herculite K*, có đặc tánh co giãn nếu bị va chạm mạnh, thay vì bề như kiếng thường. Nếu chẳng may bị bể, thì nó cũng nát ra thành mảnh nhỏ không có cạnh bén.

Loại «sành thủy tinh», chịu đựng nhiệt độ khá cao cũng chịu đựng các va chạm, nên người ta dùng làm song chảo hoặc lò điện, lò gaz.

Trong các kiến - ốc của ngày mai, ta cũng sẽ dùng một thứ bóng đèn, mà nguyên-tắc tương tự như bóng có hơi thủy ngân, nhưng chứa một ống vòng cung đựng natri kim khí. Hiện có mặt đầu tiên trên thị trường có tên *Céramalux*, tạo năng-xuất 105 lumens (đơn vị đo lường ánh sáng) mỗi watt, trong khi bóng đèn thủy ngân chỉ có 52, và bóng đèn giầy tungstène 17. Thể tích của nó lại nhỏ, và mức « thọ » của mỗi bóng độ 6 ngàn giờ. Có điều, ánh sáng của bóng đó hơi vàng, nên sẽ được dùng nhiều trong kỹ nghệ, ngoài đường, hoặc cho đèn pha, v.v.. Và lại, dùng một loại kiếng lọc chẳng hạn, để đổi ra ánh sáng trắng cũng chẳng mấy khó khăn.

Như chúng ta biết, hiện có loại kiếng

sửa mắt (cận, viễn) bằng chất dẻo mang phía trong mí, thay vì bằng gọng. Nhưng rồi đây, người ta sẽ bán một thứ kiếng chế tạo bằng chất dẻo *méthacrylate hydroxyéthyl*, có đặc tánh hút nước và trở nên mềm mại, dính sát vô tròng.

Người ta còn dùng một lớp cao su đặc biệt để bọc các kiếng an toàn tránh việc vỡ mảnh khi kiếng bể. Bóng đèn bằng kiếng an toàn này không hề hấn gì nếu ta thử đập nó bằng búa.

Các vật liệu và phương pháp vừa kể chắc chắn sẽ vô cùng hữu ích, vì người ta dự đoán từ nay cho tới năm 2000, chúng ta sẽ có thêm không biết bao nhiêu là thị-trấn, chứa đô 100 ngàn người trở lên.

CHU MINH THUY

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

khởi vị,
ăn thêm ngon.

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.6YT

MÁU ĐỎ TRƯỚC ĐÊM TRỪ TỊCH

● LÊ - HƯƠNG

Thầy Pháp bị « sa đạo »

Câu chuyện này xảy ra ở Cà-mau, lúc người Pháp mới chiếm nước ta không bao lâu. ánh sáng văn minh chưa rọi đến những vùng hẻo lánh, đồng bào còn tin tưởng ở tài trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ của những vị pháp sư, gọi nôm-na là thầy pháp, hơn là các ông Bác sĩ Tây-Y.

Thuở ấy, vào năm 1898, Cà-mau còn gọi là khu (circonscription), về sau đổi là quận trong tỉnh Bạc-liêu (tỉnh này thành lập năm 1899), diện tích đo được 580.000 mẫu, chỉ có 9172 mẫu đã khai khẩn với 518.000 dân. Sự thông thương chỉ nhờ toàn là ghe, xuồng xê dịch bằng sức người chèo, chống, hoặc bằng buồm. Trên hàng trăm giòng sông, ngọn rạch quanh co nước đỏ thẫm (1) suốt năm, họa hoằn người ta mới thấy một chiếc tàu máy của các công chức Pháp đi kinh tỵ, đo đạc ruộng đất, khám xét thổ sản lậu thuế. Dọc theo bờ sông, thửa ruộng, có những con đường mòn từ xóm này đến xóm khác, từ xã nọ đến xã kia mà dân chúng đi bộ cũng khó khăn rồi nên tuyệt không có một loại xe nào, kể cả xe đạp.

Đầu tháng Chạp âm lịch năm 1899, vợ ông Hương thân làng Phú Thạnh thuộc tổng Tân Hưng đầu nạng. Nhà ông ở trên bờ Kinh Rạch Rập gần ngã tư Rạch cái Răng. Kinh này nối với Kinh cũng mang tên Rạch Rập đổ về sông Gành Hào ngay chợ Cà mau bằng một đoạn Kinh đào gọi là Bà Bèo. Mãi đến ngày này, trải qua gần 100 năm, đồng bào vẫn dùng ghe xuồng đi lại tỉnh lý, chứ không có đường xe đạp trên bờ. Từ nhà ông Hương thân đến chợ phải mất 7 giờ ngồi tam bản hai

chèo, 10 giờ bơi xuồng. Mỗi lần đi người ta phải thức từ 4 giờ sáng, 10 giờ tới nơi; 1 giờ trở về đến 7 giờ chiều. Thường thường người ta ở lại một đêm, đỡ vất vả hơn.

Bà Hương thân đau bệnh củ trướng, giữa bụng gò lên một cục tròn. Ông thầy thuốc Nam duy nhất trong làng

(1) Nước sông Cà-mau có màu đỏ sậm vì loại cây dớn và choại tiết ra trộn với đất bùn đục ngầu, do đây người Việt gốc Miên gọi là Nước ĐEN: Tức KHMAU, ta gọi trại là CA-MAU.

bốc 10 thang không thấy giảm, xin lỗi chịu thua. Ông Hương thân nghe lời bà con rước ông Thầy pháp nổi tiếng nhất tổng đến xem. Mặc dầu ông Thầy tính tiền công cao hơn các đồng nghiệp nhưng tên tuổi thầy đủ bảo đảm con bệnh sẽ lành mạnh trăm phần. Mỗi lần lãnh đám nào, Thầy treo một tấm bảng gỗ trước cửa viết hàng chữ ngạo mạn : *“Tôi là Trần-văn-Ba, nhận chữa bệnh này, dám thách ai muốn phá cách nào thì phá.”*

Trong giới thầy pháp, phá là dùng bùa phép trấn ếm không cho Thần Thánh hoặc Ma, Quỷ nhập vào xác đồng theo lệnh ông Thầy. Lẽ cố nhiên người muốn phá phải hành nghề nhiều năm, cao tay ần hơn đối phương nếu không, sẽ bị chê cười là múa rui qua mắt thợ.

Thầy Ba ý mình học giỏi, nhiều kinh nghiệm, nên có tánh ngông ngạo coi thiên hạ bằng nửa con mắt. Vả lại thầy đã xáp nhiều người, cảm tức trước lời thách đó, đã ra mặt đối địch hoặc ngầm phá thầy mà không hạ nổi nên thầy càng kiêu căng thêm. Thế nhưng, trong năm vừa qua thầy gặp một kẻ vô danh bí mật phá thầy phải bỏ tay, suốt đêm không khiến đồng lên được. Hôm ấy tại làng An-Phong cũng thuộc tổng Tân-Hưng, thầy trị một bệnh nư, mà theo lời thầy phán là bị con Quỷ đầu đỏ (!) bắt hồn. Trong lúc sửa soạn đồ lễ, thầy đề ý thấy trong đám người hiếu kỳ đến xem thầy trở tài, có ba người lạ mặt ở Hậu-giang vừa đến Cà-mau tìm sinh kế. Thầy tỏ vẻ thích thú được dịp biểu dương tài nghệ trước khách lạ. Thầy không ngờ trong ba người ấy có một ông thợ mộc cầm bùa

Lỗ-ban rất cao tay, nhất định cho thầy một bài học xứng đáng. Ông thợ không dám ra mặt vì sợ thù oán lỗi thời, nhất là ông lại vừa mới đến làm ăn, lạ nhà, lạ cảnh. Ông dùng ngón chân cái ngầm vẽ một đạo bùa dưới đất, rồi thần nhiên ngồi xem.

Thầy Ba ra lệnh xác đồng ngồi giữa bộ ván, trùm mảnh khăn đỏ trên đầu, phủ kín mặt. Thầy đứng cạnh bàn thờ Tồ dọn tạm trong góc nhà, miệng niệm chú, hai tay cầm hai dùi đánh trên mặt trống hai tiếng một lượt vừa đề dùi xuống nghe “*ự...ự*”. Tức thì xác đồng vụt xếp vành tròn, thẳng lưng, lắc đầu, ợ nấp. Linh hồn kẻ khuấy mặt vâng lệnh ông Thầy pháp nhập vào Người ta cho đó là cao tay ần lắm với mọi hồn, hanh như thế, chứ gặp thầy dở phải ê-a đọc thầu chú mời, thỉnh, kêu, hú cả giờ mới triệu hồn về được. Có thầy vừa ra nghề hoặc học chưa thành tài không thể nào khiến đồng nổi, người ta cho đó là ma, quỷ không sợ thầy, không thèm nghe lời thầy !

Nhưng chưa kịp xưng tên, xác đồng vụt thở phè ra, ngã nã n dai trên phản. Hồn đã xuất vì gặp phải bùa ếm !

Thầy Ba gật gù lằm bằm trong miệng. *«Hừ ! Tên nào dám vuốt râu cọp đây !»* Thầy lẳng lặng nhờ gia chủ đem ra giữa nhà một cái cà-ràng không đốt lửa, trên đề một cái nĩa. Thầy bảo xác đồng ngồi giữa nĩa, đoạn niệm chú, nhịp trống đánh “*ự...ự...ự*” một tiếng. Xác đồng vụt lắc mình uốn éo, đảo đầu lia lịa, rồi thỉnh linh ngã bô chừng ra khỏi nĩa, đập bễ cái cà-ràng !

Thầy Ba đỏ mặt, có ý thẹn với chủ nhà và đám khán giả, nhờ người tìm một đoạn tre tằm vòng dài hơn thước,

dùng giấy luộc to bằng ngón tay cái cột hai đầu trên trính nhà như cái đu. Thầy bảo xác đồng ngồi thông hai chân, hai tay nắm giấy. Cũng như hai lần trước, thầy vừa niệm chú, nhịp trống, thì xác đồng vụt khoanh tay, xếp chân ngồi ngay ngắn trên thân tre mà không té. Xác ợ, ngáp, lắc mình rồi cũng như hai lần trước, vụt ngã nhào xuống đất suýt bị đoạn tre đập vào đầu!

Thầy Ba biết gặp tay có bản lĩnh nhưng vốn hợm mình, thầy không chịu thua. Thầy tuyên bố với gia chủ rằng thầy bị người phá và, để giữ vững lòng tin của thân chủ, thầy thấp nhang đứng trước bàn thờ Tồ đồng dục thề: « Nếu đêm nay tôi không khiến đồng nổi thì tôi sẽ bị « sa đao ».

« Sa đao » là một lời thề tối kỵ của nghề Thầy pháp. Thầy nào thề câu này không khác gì đem sanh mạng mình ra đùa với Tử thần.

Thề xong thầy Ba tiếp tục đọc thần chú. Ông thợ mộc thấy tình thế có vẻ căng thẳng không dám ở lâu sợ lộ tẩy thì nguy hiểm cho mình nên bấm hai bàn cào từ gia chủ ra về. Nhưng rúc khi đi ông nghĩ rằng đã cố ý phá kẻ kiêu căng thì phải phá đến cùng kéo nó khinh khi mình dở. Ông dùng ngón chân cái ngấm vẽ một đạo bùa dưới đất ếm tối sáng. Quả nhiên, thầy Ba không làm gì được suốt đêm ấy, đành chịu nhục ôm trống về làng Phú-Thạnh lánh mặt ngót một năm không hành nghề.

Bây giờ được ông Hương thân đến tận nhà mời, thầy không thể nào từ chối, phải sửa soạn xuống chiếc ghe lương bốn chèo, lướt nhanh như gió, tức tốc trở lại ngay. Ngồi cạnh ông Hương thân, thầy nghĩ

thăm chắc chắn ông ta không biết câu chuyện thầy bị phá năm trước mới dám tin thầy. Một tia hy vọng loé lên, thầy định ninh tổ nghiệp còn cho thầy hưởng lộc, nên ngao nghể lên mặt với người thân chủ mới. Thầy nói ba hoa tự khoe tài sai Thần, tróc Quỷ, không ai bì kịp, đã từng cứu bao nhiêu người thập tử nhất sinh vân... vân... Để chân vào ngạch cửa, thầy dừng lại nhìn hai bên vách nhà, ghéch mũi ngửi rồi gật gù lăm bằm:

— Hừ ! Hừ ! Làm sao thoát khỏi tay ta !

Thầy cố ý nói cho ông Hương thân nghe để tin thầy chưa xem đã biết được căn bệnh, nắm được đầu dây mối nhợ rồi. Thầy chờ ông Hương thân hỏi, sẽ trả lời vanh vách, nhưng ông này hình như không hiểu thâm ý của thầy, lẳng lẳng vào phòng thăm vợ, đoạn trở ra mời thầy Ba rửa mặt, uống nước. Cậu trai xác đồng, vừa là học trò của thầy, mượn cái bàn nhỏ kê trong góc vách thờ Tồ, giữa đề ông Tượng bần gỗ to cỡ cổ tay, mặt vẽ rằn rục, có gắn râu bằng đuôi ngựa, mình mặc áo xanh rộng thắt lưng vàng, đầu đội khăn đỏ. Trước thần tượng có lư hương, dùi trống, khăn ấn bằng vải đỏ hình vuông 60 phân mỗi góc, khăn đi chữ đình bằng vải đỏ dài 4 thước, rộng 70 phân. Cạnh bàn thờ, cậu xác dựng cái giá ba chân để cái trống. Dưới bàn cậu để cá tráp bằng gỗ trong đưng ba cây xêng quai, một cây kiếm dài, hai quả đấm bằng gỗ tròn có gai nhọn. Dọn xong, cậu đốt ba cây nhang xá bàn thờ gia chủ, cắm vào lư rồi tập ba cây khác xá bàn thờ Tồ cắm ngay ngắn.

Ông Hương thân nóng ruột vì tiếng rên của vợ, chờ thầy Ba uống cạn chén trà liền mời vào phòng xem bệnh.

Thầy trình trọng đứng dậy vượt thẳng nếp áo dài đen, sửa khăn đóng ngay ngắn, đốt một cây nhang xá Tồ, cắm vào lư, đốt cây khác cắm vẽ bùa trên không vừa xoay đủ bốn hướng, đoạn dặt chân nhang trên mép tai, hai tay bắt quyết đi vào phòng bà Hương thân.

Người bệnh nằm nghiêng, xây mặt vô vách mừng ư ử rên không biết có thầy đứng nhìn. Thầy Ba ra hiệu không cho ông Hương thân gọi vợ, thầy lẳng lẳng đảo mắt nhìn khắp căn phòng hẹp tối om, thỉnh thoảng thầy dậm chân, phóng hai tay tới trước hét một tiếng lớn. Bà Hương thân giật bắn người, ngã vật ngửa ra trợn mắt thờ dốc.

Thầy Ba thân nhiên ra khỏi phòng vừa nói với ông Hương thân như ra lệnh :

— Hơ lửa ! Thoa dầu cho bà khỏe lại. Tôi biết rõ lắm rồi. Đừng lo !

Thầy rút cây nhang trên mép tai xá bàn thờ Tồ cắm vào lư, ngồi tiếp tục uống nước. Ông Hương thân xoa bóp cho vợ một hồi, thấy vợ thở đều, khỏe lại, mới dẫn đứa con gái lớn ngồi coi chừng, rồi ông ra hỏi thầy Ba :

— Thầy coi vợ tôi đau bệnh gì ? Liệu có thể cứu được không ?

Thầy đứng đĩnh đáp :

— Bà Hương bị Bà Cố Hỉ quở vì bà có hứa cúng trả lễ hay nguyện vái điều gì mà không nhớ. Bà Cố giận sai hai con Ma Ranh vú dài ba thước đến bắt

cho đau bụng có cục gò lên như trái ổi.

Ông Hương thân giật mình đánh thót. Đúng như vậy. Thầy nói trúng lắm !

Thầy Ba làm bộ không chú ý đến lời khen, chăm rai nói :

— Vừa bước vào nhà tôi đã « thấy » hai con Ma Ranh, một con đứng trước cửa buồng, một con ngồi trên trính nhà.

Ông Hương thân giật thót mình dòm dáo dác và nói :

— Đâu ? Hai con ma đâu ? Sao tôi không thấy ?

Thầy Ba cười nửa miệng :

— Làm sao ông thấy được ? Ông có phải là Thầy pháp đâu mà thấy ma thấy quỷ ? Để tôi kể tiếp ông nghe. Chúng nó gặp tôi lần này cũng như chuột gặp mèo. Chúng lên vào buồng của bà ngồi cứ rử một xó. Khi tôi vô đánh một cái ấn ngũ lôi chúng hoảng hồn chạy mất. Bà Hương giật mình và phát mệt là vì chúng nó xuất ra khỏi thân thể một cách quá đột ngột cơ chứ không có gì lạ.

Ông Hương thân mừng rỡ nói :

— Như vậy nhà tôi hết đau rồi phải không ?

Ông đứng dậy định vào phòng vợ nhưng thầy Ba đưa tay ngăn lại :

— Chưa. Chúng nó chạy vì sợ tôi chớ không dám đi luôn vì lệnh của Bà Cố Hỉ còn chúng vẫn phải trở lại hành hạ bà Hương.

Tiếng rên trong phòng lại đưa ra.

Thầy Ba nói tiếp :

— Đó ! Ông nghe không ? Bà đau vì chúng vừa đến phá nữa đó.

Ông Hương thân bắn khoăn :

— Bây giờ phải làm sao cứu nhà tôi thừa thầy.

Thầy Ba xé giấy vắn điều thuốc đáp :

— Tôi sẽ hết sức giúp ông. Ông đừng lo, cứ tin tài tôi. Trước hết phải dùng phép ngăn chặn không cho hai con Ma Ranh làm tăng thêm căn bệnh của bà, sau đó mời Bà Cố Hỉ về nhập vào xác đồng và xin tạ lỗi bằng lễ vật. Nếu Bà không chịu buông tha thì tôi sẽ ra tay đối phó đến nước chót.

Ông Hương thân tỏ vẻ tin phục, gật đầu :

— Trăm sự nhờ thầy, tôi không dám quên ơn. Thầy tính bao nhiêu công đức tôi cũng trả đủ.

Ông gọi người nhà dọn cơm chiều và sửa soạn các món cần dùng do cậu học trò thầy Ba đòi hỏi cho cuộc lễ tối nay.

oOo

Khoảng tám giờ đêm hai mươi bốn tháng Chạp âm-lịch, trong lúc mọi người lo nấu bánh tét, làm dưa giá, dưa cải đón Xuân thì tại nhà ông Hương thân làng Phú-Thạnh, trống Thầy pháp nổi lên vang dậy. Tiếng đồn bà Hương thân bị Bà Cố Hỉ quở và ông Hương thân rước thầy Trần-văn-Ba chữa bệnh lan truyền khắp xóm rất mau. Nhiều người rủ nhau đến xem tài ông thầy nổi tiếng kiêu căng số một, nhân tiện giải buồn như đi xem hát kị ông tiền. Ở thôn quê hẻo lánh, những buổi Thầy pháp trị bệnh là một thú vui cho đồng bào đầu tắt mặt tối quanh năm. Ba gian nhà rộng chứa đầy người ngồi im phăng phắc, không ai dám nói lớn tiếng vì nề ông Hương thân và kính

trọng người bệnh. Thịnh thoảng có tiếng đập muỗi và tiếng hít hà của người bị chích.

Theo lời thầy Ba, ông Hương thân dìu bà vợ ra nằm trên cái giường nhỏ kê tạm cạnh bàn thờ Tổ. Trên đầu nằm, thầy treo một đạo bùa chữ đỏ viết trên mảnh vải vàng. Cậu xác đồng ngồi giữa bộ ván gần đó, đầu trùm khăn đỏ che kín mặt. Thầy Ba đốt nhang xá Tổ, cầm một bó vẽ bùa trên không, xoay đủ bốn hướng, dặt ngược vào mép tai. lấy mảnh khăn dài trên bàn thờ cột ngang hông thông hai mối trước bụng. Thầy đọc một câu thần chú, cầm dùi nhịp trên mặt trống đánh « ru . . . ư . . . p » một tiếng. Tức thì xác đồng lắc mình, uốn éo, đảo đầu lia lịa, ợ ngáp liên hồi. Thầy Ba nói :

— Pháp sư kính chào. Vậy chớ vị nào về đây hôm nay, xin cho Pháp sư biết bà tánh, hà danh !

Xác đồng vụt cười the-thé như giọng phụ nữ :

— Ta là ai mà nhà ngươi còn hỏi. Ta gặp nhà ngươi hồi chiều đây mà ! Ta là Ma Ranh ở cây gáo ba chồi, nhà ngươi có sợ ta không ?

Thầy Ba vội vàng bắt ấn, lăm lăm niệm chú, mỉm cười nói :

— Hử a ! Hử a ! Mày dám giỡn mặt với ta quả là trang anh hùng ! Mày chưa ngán ấn ngũ lôi của ta hay sao ? Biết điều rên nề ta tránh khỏi nhà ông Cốc này và vượt ve bà Cốc mạnh khỏe, ta sẽ « lễ vật lạng cho ».

Xác đồng lại cười the the .

— Ta cũng muốn nhượng cho mày đôi chút, nhưng lệnh trên há dễ đơn sai. Thôi ta đi đây !

Xác đồng ngã ngửa ra ván, thở phì một tiếng, ngồi dậy lật khăn xá bàn thờ Tổ khoan tay chờ lệnh.

Thầy Ba đề dùi trống trên bàn thờ, rót nước uống, nói với ông Hương thân :

— Ông thấy chưa ? Có đúng như lời tôi nói không ?

Ông Hương thân lộ vẻ kính phục đáp :

-- Dạ thấy. Đúng như thầy nói. Trăm sự nhờ thầy. Bây giờ phải làm sao?

Thầy Ba suy nghĩ một phút, đứng đĩnh nói :

— Thường thường những bệnh tà, bệnh quỷ rất dễ trị, chỉ cần gọi chúng nó nhập vào xác rồi xin tha, cúng lễ vật, nếu chúng nó không chịu thì dùng bùa phép triệt hạ, bắt hồn bỏ vào hũ là xong. Bệnh của bà Hương bị một vị Thần quở trách coi mồi khó khăn lắm, vì nếu không đủ tài làm cho Thần nể mặt thì không dễ gì thắng nổi. Đối với hai con Ma Ranh không ăn thua gì hết nhưng đối với Bà Cố Hỉ thì không thể dùng lối khiến đồng thông thường.

Ông Hương thân nóng nảy hỏi :

— Vậy phải làm sao, thưa thầy ?

Thầy Ba đáp :

— Bệnh quỷ có thuốc tiên. Tôi đã lãnh trị phải lo cho hoàn tất. Tôi phải dùng một lối cuối cùng của nghề nghiệp là « Múa đao » để phô trương lực lượng cho Bà Cố Hỉ thấy, nhiên hậu mới thương lượng với Bà. Xử dụng phương pháp này hết sức nguy hiểm ít khi tôi dám nghĩ đến, nhưng đối với ông Hương thân là người biết người biết của, tôi hết lòng giúp không quản ngại.

Ông Hương thân chấp tay nói :

— Xin thầy ra tay. Tôi không bao giờ nuốt lời hứa.

Thầy Ba ngoắc cậu học trò bảo sửa soạn lễ Múa đao. Cậu mở nắp dưới bàn thờ lấy cây kiếm đề trên bàn, cạnh cái khăn đỏ, thắp 5 cây nhang đưa thầy, đoạn cầm hai cái dùi đứng gần trống, chờ.

Thầy Ba cầm nhang, quỳ trước bàn thờ Tổ khăn vái lăm thăm dặt nhang vào mép tai. Thầy đứng dậy ra hiệu. Cậu học trò nhịp trống vừa đánh vừa nhịp. Thầy tháo đoạn khăn cột ngang bụng cầm khoảng giữa đề hai đầu thông xuống bằng nhau, vừa nhún chân bước qua, bước lại, bước tới, bước lui, vừa đọc thần chú lên giọng, xuống giọng như hát Đặc biệt nhất là hai đầu khăn đưa theo bước chân và nhịp trống rất đúng. Đó là lối đi « chữ đinh », trong giới Thầy pháp ít người đi thật đúng điệu.

Tiếng trầm trồ trong đám khán giả nói lên mỗi lúc một ồn ào khiến cho Thầy Ba càng thêm thích chí. Thầy nhún nhảy nhanh hơn, đọc thần chú to hơn. Dứt bài, thầy ngừng lại xá bàn thờ Tổ, cầm nhang vẽ bùa trên đầu bệnh nhân, ngậm hớp rượu phun dưới chân Thầy cột đoạn khăn ngang bụng, lấy mảnh khăn vuông cột ngay cổ tay trái để gút phía bên ngón cái, thân khăn nằm bên kia thông xuống như lá cờ. Thầy cầm cây kiếm mũi nhọn, lưỡi bén trong tay mặt vừa múa vừa đọc thần chú theo nhịp trống của cậu xác đồng. Đó là lối « múa đao ». Khi thầy đọc dứt một câu thần chú là dứt một hồi trống, cậu trai nhịp đánh « ru...u...p » một tiếng thì hãy đề tay trái úp xuống, tay mặt cầm kiếm đâm thốc lên ngay gút khăn. Mảnh khăn rơi xuống đất.

Tiếng khen nổi lên òa-ò. Ông Hương thân la rầy một lát mới êm. Thầy Ba sung sướng ra mặt, thủng thẳng lượm khăn cột băng chéo khác và tiếp tục múa.

Trong nghề, ít khi có thầy dám nhờ đến phương pháp này trị bệnh vì rất nguy hiểm cho mình. Hoạ hoằn lắm mới có thầy bắt buộc phải dùng trong trường hợp bất khả kháng. Thế nên đối với đồng bào ở thôn quê mỗi lần thấy thầy pháp múa đao là một dịp may hiếm có trong đời.

Thầy Ba múa lần thứ nhì, đâm trúng gút khăn, được khen nhiều hơn trước. Thầy cột chéo khác tiếp tục làm phận sự. Lần này thầy cảm thấy dẻo tay nên múa kiếm nhanh hơn, chân bước nhanh hơn. Đến khi tiếng trống nhịp ngừng, thầy đâm rúng vào cổ tay, mũi nhọn thọc giữa hai lóng xương ló lên lưng tay!

Nhiều tiếng kêu trời vang lên, hợp với nhiều tiếng nói nhỏ :

— Bị sa đao ! Thầy Ba bị sa đao !

Sa đao là đâm trậ gút khăn trang vào tay mình. Thầy pháp bị sa đao một là vì tài nghệ còn non kém, hai là theo lời truyền tụng do nơi lời tuề thốt mà ra !

Thầy Ba rút kiếm ra, bỏ xuống đất, lấy tờ giấy vàng bọc đắp lên vết thương vừa bóp vừa đọc thần chú lầm lẩm. Tiếng trong nghề gọi đó là « mẩn » cho vết thương dính lại, không chảy máu

nữa. Nhưng thấy « mẩn » ngọt năm phút mà máu vẫn tuôn không ngừng. Lưỡi kiếm đã cắt đứt đại-động-mạch ! Thầy nói với ông Hương thân rằng :

— Tôi mắc lời thề ! Tồ hại tôi ! Chắc tôi phải chết. Tôi không thề trị bệnh Bà Hương. Xin ông Hương thân chở tôi ra nhà thương Cà-mau, may ra họ cứu tôi được.

Lúc ấy vào khoảng 11 giờ, ông Hương thân đưa thầy Ba xuống chiếc ghe lườn, gọi bốn người chèo suốt đêm ra quận lỵ. Thầy Ba nằm đè cánh tay đứng lên cho máu đỡ chảy, cẩu xác đồng ngồi cạnh nắm chặt miếng thuốc rịt vết thương. Ghe cặp bến hồi 5 giờ sáng, bốn người chèo khiêng thầy trên cái vồng vào dưỡng đường. Máu trong người thầy chảy ra gần hết, thân mình thầy tóp nhỏ lại hình như chỉ còn da bọc xương. Thầy thở thoi thóp, mắt lơ đờ, nói không ra tiếng. Dưới khoang ghe, loại ghe lườn đặc biệt ở Cà-mau, hai đầu hơi cao, giữa húng xuống, máu đọng sâu hơn một lóng tay !

Viên y - tá trực cho người chạy mời Bác - sĩ, một mặt đốt đèn măng-sông, một mặt sửa soạn sẵn dụng cụ. Bác sĩ đến may hai mạch máu lại, băng bó cẩn thận, đưa thầy vào phòng nằm. Thầy Ba thoát chết, ở nhà thương ăn ba ngày Tết buồn bã nhất đời. Khi Bác-sĩ cắt mối chỉ may và cho phép về nhà, thầy bỏ nghề khai khẩn đất hoang lập vườn, làm rẫy.

LÊ HƯƠNG

BÁCH - KHOA ĐÔNG TẬP

☆ Một món quà Tết trang nhã mà người nhận sẽ lưu giữ mãi mãi

✻ Đã có đủ từ 1965 đến 1969



Nhức đầu
• Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓ. ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ' LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỜ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại.

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

TINH XUÂN

Thơ HẠ ĐÌNH-THAO

Vẫn phải hẹn như những mùa xuân trước
Sẽ về thăm một bạn xóm làng xưa
Đã mấy năm trời quê người xuôi ngược
Vẫn thương hoài giọng hát bên đò trưa

Quang gánh mẹ những sớm chiều tần tảo
Chợ làng xa, thiếu hụt sống qua ngày
Chừng năm tháng cũng quen niềm cơm áo
Gói trọn cuộc đời trăm mối chua cay

Chắc bây giờ mẹ già hơn tóc bạc
Nơi trời xa vô vô — mái tranh nghèo
Nghĩ đến thằng con mấy mùa tru lạc
Hưồna mây ngàn mẹ hút mắt trông theo!

Khóanh vườn ta có còn xanh cây trái
Những cây xoài, cây mít, mấy hàng cau
Có đơm nụ trổ bông mừng con trở lại
Hy đã khô vàng theo cuộc chiến thương đau

Nghe nổi nhớ mong mênh rùng biển lớn
Xuân một mình ngồi nhìn mây trắng bay
Mong sum họp đến một ngày thật sớm
Thắp sáng ngọn tình heo hút hôm nay.

lời xin lỗi trước mùa xuân

Thơ LỮ-QUỲNH

Xin thêm một lần tha lỗi anh
hỡi em, hỡi em — chỉ thêm một lần
anh sẽ đốt cháy rừng
sẽ bắn vào chiến tranh
như mặt trời buổi trưa
lòng anh bừng bừng lửa táp
ôi nỗi buồn cao như cổ tháp
anh phải bằng tay bằng óc bằng súng bằng dao
đập cho tan hoang con quỷ ám trong đầu
con quỷ giết người bằng đạn đồng chông sắt
con quỷ làm em mỗi ngày cúi mặt
nhớ anh Bagi thấp cao đồi đỏ
lo anh từ g đêm giặc ngủ nghen ngào ...
em bây giờ vàng như ánh hỏa châu
mùa xuân tới chờ anh về soi mặt
anh sẽ cố đem theo những ngày-dài-không-xa-cách
cùng tho ng "ôi t ơm cả mấy tháng hương rừng
Ước gì ký ức như tấm bảng đầu xuân
cho anh được xóa một lần
quên đôi mắt mờ côi của bé
quên khuôn mặt bạn bè vĩnh biệt anh em

quên những ngày những đêm
quên cò súng lưới lê
quên mìn chông đạn lửa
ước gì chỉ một lần
anh được quên tất cả !

Bây giờ em ở đó
trời buồn như mắt dân Chiêm
tháng này gió nhiều tha hồ lá đổ
em ru con bằng tiếng xạc xào
ôi nỗi buồn hun hút dằng cao ...
anh biết mùa xuân sắp tới
nhưng lòng còn bình yên để đợi ?
em ở đó một mình
hằng đêm nằm nghe cỏ mọc
lòng nặng tiếng à ơi
làm sao không khóc !

Xin tha lỗi anh thêm một lần
hỡi em hỡi em — chỉ thêm một lần
vì đầu chiến tranh chưa vỡ
vì sáng này chưa biến thành cảnh khô
để anh, gửi em tặng đám học trò
chiều tắt niên đốt làm lửa trại
hy vọng xanh rờn cho tay em hái
sẽ không bao giờ còn một mình
nằm nghe gió quai đầu hiên
cùng nỗi nhớ anh chấp chờn nước mắt.



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lân Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN – XUẤT BẢN – CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số 2.01 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

MÙA XUÂN CUỐI CÙNG

Truyện ngắn HOÀNG - NGỌC - TUẤN (2)

(Xin xem B.K. từ số 313 - 314)

Chiếc đồng hồ kiểu cổ treo trên vách đánh lên những tiếng ngân vang đều đặn. Tôi từ trên gác bước xuống phòng khách ở dưới. Thủy đang ngồi ôm một con mèo bằng bông, cô bé mỉm cười với tôi rồi đưa một ngón tay lên miệng ra dấu im lặng. Tôi gật đầu, nhón chân đi thật nhẹ nhàng đến ngồi bên cạnh Thủy và lặng lẽ đưa mắt nhìn khắp căn phòng.

Ông Trân ngồi sau đàn dương cầm, quay lưng lại với tôi nên tôi không thể nhìn thấy khuôn mặt có lẽ đang đắm mình mê man trong tiếng nhạc của ông Trân. Chỉ thấy hai bàn tay của ông lướt thoăn thoắt trên những phím đàn trắng ngà. Mái tóc của ông có những sợi tóc bạc chải rũ ra đằng sau, khi ngẩng cao lên khi gục đầu cúi thấp xuống. Tôi không ngờ ông Trân tài hoa đến thế. Một con người hoạt động kinh doanh sành sỏi giờ đây đang đắm hồn trên đàn dương cầm như một nghệ sĩ. Trong đêm vắng trời tối đen như mực bên ngoài khung cửa sổ, bài hòa tấu khúc số 5 của Beethoven, « Khúc Nhạc đồng quê », rào rạt vang lên hật dồn dập. Tiếng đàn dưới ngón tay của ông Trân lôi kéo những cảnh tượng thiên nhiên mà ngày qua tôi đã gần gũi ủa vào

trong người tôi. Tôi ngồi thật lặng yên như tượng đá, đầu thuốc trên tay quên hút nên tàn thuốc đã dài, khẽ rơi nhẹ nhàng trên nền nhà.

Thủy có vẻ không được thích thú lắm với bản nhạc cổ điển này. Cô bé ngồi im lặng vì lịch sự, nhưng đôi mắt thỉnh thoảng nhắm lại vì buồn ngủ và má nó nghiêng một bên dựa trên thân mình con mèo nhồi bông.

Không biết đến bao lâu, rồi tiếng nhạc lắng xuống, dừng lại, như lạc mất đi trong đêm tối. Tôi khẽ vỗ tay nhẹ. Ông Trân ngạc nhiên quay lại.

— À, cháu. Tưởng cháu ngủ rồi chứ.

— Cháu thật may mắn đã được nghe bác đàn. Thật không ngờ, hay tuyệt.

Ông Trân đứng lên, nhồi thuốc lá vào ống điếu rồi châm lửa rít một hơi dài. Ông mỉm cười lắc đầu.

— Cháu quá khen. Tôi mới tập chơi được sáu, bảy năm nay, từ khi được rảnh rang với công việc một chút. Nhà tôi dạy đấy, cháu nghe nhà tôi đàn chưa ?

— Dạ, nghe một lần... nhưng từ hồi đó, lâu quá.

Ông Trân gật gù ngồi trong chiếc ghế bành màu đỏ sẫm, đầu ông dựa

trên thành ghế, mắt ngược lên cao có vẻ mơ màng.

— Nhà tôi mới thật là một tay dương cầm lão luyện. Học đàn từ thuở nhỏ, lại được một tay danh sư người Đức dạy riêng ở nhà.

Tôi cố ôn lại những hình ảnh ngày xưa, nhất là khuôn mặt của vợ ông Trần. Tình cờ tôi nhìn thấy trên vách bức tranh của Léonard de Vinci in trên giấy láng ngoại quốc với màu sắc thật đẹp. Người đàn bà có nụ cười bí mật trong họa phẩm La Joconde hình như có một nét gì giống với vợ ông Trần. Ông Trần mỉm cười khi bắt gặp tôi đang chiêm ngưỡng bức họa.

— Cháu thích hả?

— Dạ, đây là một họa phẩm lừng danh trên thế giới.

— Tôi không thích mấy nhưng đã mất công tìm mua cho được trong một tập sách *collection* hội họa của Pháp. Vì người làm mẫu trong tranh hình như hơi giống nhà tôi, cháu có thấy thế không?

— Dạ thấy.

Thùy ngừng đầu lên:

— Có giống em không?

Ông Trần đưa tay vuốt má cô con gái, giọng ông đùa cợt.

— Giống mày thế nào được. Mày chỉ giống như một con sói rừng, quanh quẩn suốt ngày trong những bụi cây. Mất công thuê thầy dạy nhạc, dạy đàn cho mày, học được một tuần là mày đã chán, bỏ ngang. Mày không thích trở nên một người lịch sự, quý phái hả?

Thùy lắc đầu.

— Không. Con thích làm một người

nhà quê, đi câu, nuôi gà, trồng bắp... lớn lên, con ở đây hoài để lo việc đồn điền cho ba mà.

Ông Trần lắc đầu, quay sang tôi

— Cái con nhỏ này điên thật cháu à. Mấy lần tôi định bỏ nó vào học trường pháp nội trú ở Saigon, nhưng nó nhất định không chịu xa chúng tôi. Mà thật ra... tôi cũng khó mà sống xa nó, vợ chồng chỉ có mỗi một đứa con gái.

Thùy cười sung sướng. Cô bé ngồi bệt xuống sàn nhà bên cạnh ông Trần, má nó dựa vào bàn tay người cha. Ông Trần nói với tôi một vài câu chuyện về chính trị, thời cuộc v.v... ông phê bình những vụ tranh chấp, lộn xộn chính trị ở thủ đô, nhắc đến một vài chính khách mà ông quen biết. Ông tỏ ra là một người hiểu biết rộng. Tôi bàn góp với ông về những chuyện chiến tranh, lính tráng. Ông hỏi tôi còn được hoãn đi lính bao lâu nữa.

— Dạ, cũng còn được một vài tháng.

— Buồn nhỉ. Thời bọn tôi đi lính ở Tây, tôi cũng bằng tuổi cháu. Lúc ấy tôi nghĩ rằng bọn trẻ chúng tôi bây giờ cực khổ lao đao hết sức rồi, chắc đến thế hệ con cháu mình sẽ sung sướng hơn...

Ông Trần đồ tàn thuốc trong ống điếu ra chiếc gạt tàn.

— Nhưng các cháu bây giờ, xem ra còn cực khổ lo âu vì chuyện lính tráng, chiến tranh hơn bọn tôi ngày trước nữa.

Tôi nói đùa.

— Thôi đành chờ xem thế hệ sau nữa vậy.

— Biết đến thời nào mới yên được cháu. Giặc già hoài..,

Tiếng chuông đồng hồ bỗng gõ vang vài âm thanh rồi rã. Đêm nay ông Trần có vẻ không được vui, hình như ông có một vài điều gì phiền muộn, khó nghĩ trong lòng. Cô bé Thùy đã ngáp vài cái, đầu nghiêng hẳn trên thành ghế như muốn ngủ say trên cánh tay cha.

— Cháu đã buồn ngủ chưa?

— Dạ thưa. Không hiểu sao đêm nay cháu không ngủ được. Nếu bác không thấy gì phiền, cháu xin phép được ngồi đây mãi, chờ sáng, nghe một vài đĩa nhạc..

Ông Trần gật gù ông đứng dậy đến chiếc máy hát ở góc phòng. Cũng là bài *Symphonie Pastorale* của Beethoven, nhưng lần này do một ban nhạc nổi danh Đức Quốc trình bày: Tiếng nhạc bao trùm lấy căn phòng cuộn cuộn như cơn mưa đêm giông bão. Ông Trần kéo Thùy đứng dậy, âu yếm vỗ vào đầu cô bé.

— Con xuống dưới bếp bảo người làm nướng vài miếng thịt nai khô cho ba nhậu chơi. Rồi con đi ngủ đi, khuya lắm rồi.

Thùy vít đầu cha xuống hôn lên má. Tôi cũng thềm một chiếc hôn ấm, chắc là rất thơm mùi lá cây của cô bé, nhưng nó chỉ đưa tay ra dấu chào tôi.

— Đêm nay em nhường anh cho ba nhiều rồi, ngày mai anh phải dẫn em đi chơi.

Tôi nhìn theo những gót chân trần của cô bé rồi rón rén đi ra khỏi phòng.

Một lát sau, chỉ còn ông Trần và tôi trong căn phòng ấm áp, gần như cách biệt hẳn với bầu trời giá lạnh tối đen bên ngoài. Ông Trần đứng nhìn những chai rượu quý trong tủ, toàn là nhãn hiệu đắt tiền.

— Đêm nay tôi với cháu uống say một bữa nghe. Tôi cũng thấy khó ngủ. Cháu dùng gì, *Whisky* hay *Cognac*?

— Cho cháu một cốc *Cognac*.

Ông Trần trở lại bàn với hai chai rượu và những viên đá lạnh đựng trong chiếc chậu nhỏ. Ông ngồi xuống đối diện với tôi. Tôi bỗng bắt gặp một cái nhìn thật khó hiểu của ông, chỉ trong giây lát thôi rồi khuôn mặt của ông Trần trở lại bình thường như cũ.

— Uống *Courvoisier* pha thêm *Soda* nhé.

— Dạ thôi. Cháu uống *sec*.

— À, tốt lắm. Nhưng thứ rượu ngon này sẽ đốt cháy cuống họng cháu cho xem.

Tôi mỉm cười, cảm thấy nhàn hạ thú vị lạ thường.

— Trời lạnh như thế này, tốt cháy cũng là một cách sưởi ấm đó bác ạ.

Ông Trần mỉm cười trao tôi cốc rượu. Ông cầm một chiếc ly mỏng manh đựng thứ rượu *Martini* màu đỏ sẫm như nước nho, rồi đưa cao lên cúng ly tôi, miệng ông cười tươi nhưng nét mặt sao thấy xa xăm quá.

— Nào, chúng ta bắt đầu uống mừng cho tất cả mọi người trong nhà này. Uống để nhớ ba cháu ngày xưa vẫn thường đối ẩm với tôi.

Hai chiếc ly chạm nhẹ với nhau vang lên một tiếng động nhỏ vui tai, thật rộn ràng như muốn mời gọi người cầm ly nốc cạn một hơi. Tôi nhấp một ít, chất rượu thấm trên lưỡi một mùi thơm cay như ớt chín nhưng cũng rất dịu dàng, bỗng nhiên đem cho cơ thể một cảm giác bất ngờ ngây ngất. Rượu trôi xuống cuống họng, thấm hết trong người, như những thanh củi hồng reo

trong lò sưởi, đốt nóng mạch máu làm cái lạnh bên ngoài trở nên vô nghĩa.

Ông Trần uống một hơi cạn ly. Ông đưa tay chỉ đĩa thịt nai nướng mời tôi, tôi cũng không muốn làm một người khách sáo. Miếng thịt nai khô dày, đã dầm nước tương mặn và những thứ gia vị rồi phơi khô trong nhiều ngày, bây giờ được nướng thơm phức, những sớ thịt nai tơ mềm tách ra trong kẽ răng cho tôi hương vị mặn nồng đậm đà. Tôi hớp thêm một chút rượu, tất cả trộn lẫn trong miệng làm say sưa vị giác. Tôi không dẫn được tiếng kêu khoan khoái.

— Tuyệt thật. Đã lâu rồi mới làm một « châu » đã đời như thế này.

Tôi chợt im lặng vì nhớ rằng người đối diện với tôi không phải là bạn thân đồng tuổi, mà là người bạn của cha mình. Nhưng ông Trần cười dễ dãi. Ông ân cần rót thêm rượu vào ly của tôi, chai Martini của ông cũng dần dần chảy ròng róc vào ly, rồi lại cùng ly chúc mừng nhau, và uống. Cứ như thế không biết bao nhiêu lần. Tôi ngồi ngửa cổ trên thành ghế, cơ thể bừng bừng sáng khoái vô cùng, có lẽ khuôn mặt tôi đang đỏ hồng như mặt trời chết muện vào mỗi buổi chiều. Tôi không được mạnh rượu như cha tôi và ông Trần, nhưng cũng không đến nỗi phải bỏ sớm cuộc say. Chất rượu màu vàng sậm như nước trà, nhưng lỏng lánh thật đẹp trộn lẫn trong những viên đá lạnh trong suốt. Đôi môi tôi thấm mềm : tầm ước đầu điều thuốc lá mỗi một lúc một thấy ngon hơn. Rượu chảy vào trong người nhiều hơn nữa, đầu óc tôi lâng lâng như một con thuyền vật vờ trên biển tối, hai màng tang giựt nhẹ nhẹ

và chân tay cảm thấy bãi hoải rã rời một cách sung sướng vô cùng.

Khuôn mặt của ông Trần bắt đầu chao động và mơ hồ trước mặt tôi. Bỗng dưng tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy một vài nét thật lạ lùng trên mặt ông Trần. Thường ngày, khuôn mặt ấy vẫn đầy những vẻ tự tin, tươi tắn của một người hài lòng về đời sống của mình. Nhưng đêm nay, ông Trần ngồi thu mình trong chiếc ghế rộng lớn, ly rượu cầm hờ hững trên tay, trông ông có vẻ thật yếu đuối, trên đôi mắt chứa đựng một điều gì bối rối lo nghĩ. Ông lặng lẽ nốc vội vàng hớp rượu, đôi mắt ông nhắm nghiền và những nếp nhăn buồn phiền giờ đây mới hiện rõ trước mặt tôi. Giọng ông thật nhỏ, héo rời rã.

— Uống thêm đi cháu. Cháu làm tôi nhớ ba cháu quá. Những đêm kôuya bọn tôi cũng uống rượu như thế này và ba cháu cười nói ầm ĩ, bao nhiêu câu chuyện trên trời dưới đất nở như bắp rang...

Ông Trần nhìn thẳng vào mắt tôi nhưng tôi không còn hiểu ý nghĩa trong cái nhìn của ông, mắt tôi đã mờ đi vì hơi men.

— Thật trên đời không có đôi bạn nào thân thiết với nhau bằng tôi và ba cháu. Đi lính trong quân đội Pháp, chúng tôi bao phen sống chết với nhau ngoài mặt trận... Lào Kai... Điện Biên... rồi đào ngũ, ăn chơi cũng có đôi, kinh doanh buôn bán... thành công hay thất bại cũng có đôi và ba cháu. Hồi đó bọn tôi nuôi biết bao mơ mộng vĩ đại, đề rồi ba cháu sau bao phen làm ăn thất bại, đành cam phận cảnh gà trống nuôi con. Tôi thì kiếm một chân thư-

ký quên trong đồn điền sống qua ngày, không ngờ cứ chôn chân mãi trong xó rừng này, sống đầy đủ, bình yên nhưng tẻ nhạt biết bao... phải chỉ còn ba cháu thì còn đỡ buồn một chút.

Tôi ngồi nghe mơ hồ tiếng nói của ông Trần đều đều như trong giấc mơ, nhất là khi tôi đang trộn lẫn trong men rượu và tiếng nhạc vang vang từ chiếc máy hát. Hình như ông Trần nhắc lại một câu ông đã rói.

— Thật trên đời không có đôi bạn nào thân thiết nhau hơn tôi và ba cháu...

Ông Trần khẽ nhếch mép cười, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một nụ cười thật mĩa mai chua sớt của ông Trần.

— ... Thân nhau đến nỗi cùng yêu một người đàn bà mà tình bạn vẫn không hề sút mẻ.

Người tôi đang nóng bừng nhưng lời rói của ông Trần bỗng làm tôi lạnh buốt trong một giây. Ông Trần có vẻ băn khoăn trông thật tội nghiệp, ông không buồn châm lửa mời thuốc, chiếc ống điếu ông ầm ờ hững trên tay đập nhẹ nhẹ trong lòng bàn tay. Chai rượu của ông đã vơi nhưng khuôn mặt ông không đỏ bừng, hơi tái xanh và lấm tấm mồ hôi giống hệt như cha tôi.

— Cháu à, đáng lẽ tôi không nên nói chuyện này với cháu, tôi không muốn làm mất vui mấy ngày Xuân của cháu... nhưng... thôi, tôi cũng nói một lần sự thực với cháu cho xong.

Điếu thuốc lá cháy đỏ trên kẽ tay, tôi lặng yên chờ đợi, tôi cảm thấy tỉnh hẳn người trước bộ mặt nghiêm trang của ông Trần.

— ... Trước khi kết hôn chính thức với tôi, vợ tôi ... đã một thời sống chung với ba cháu. Điều đó không làm bận tâm tôi gì hết, tiền bạc của tôi và ba cháu ở trên hết mọi thứ tình cảm trong đời này. Nhưng có một điều này, không biết ... con Thủy là con của tôi hay của ba cháu. Con thủy có thể là em ruột, em cùng cha khác mẹ của cháu ... có thể là không. Không ai biết rõ điều này cả, ngoại trừ vợ tôi nhưng ... vợ chồng chúng tôi bây giờ hoàn toàn hạnh phúc, tôi nâng niu con Thủy từ ngày nó còn nằm trong bụng mẹ, tôi không dám tìm hiểu sự thật, không dám nghe câu trả lời của vợ tôi. Sự thật là cái quái gì khi nó bây giờ trở thành vô ích? Đời sống vợ chồng con cái chúng tôi đang êm thấm thế này, tôi nữ nào quấy rối lên làm gì nữa?

Bài hòa tấu khúc của Beethoven đã hết. Tiếng nhạc hùng vĩ và trong sạch đã chấm dứt trong những âm thanh cuối cùng. Không ai nghĩ đến việc thay một đĩa nhạc khác. Bây giờ là một bản nhạc mới: Sự im lặng. Sự im lặng tràn ngập trong người tôi, tôi cảm thấy run rẩy như đang nghe một bài hát rên siết buồn thảm. Tôi lặng người, trống không như một hình bóng không thực. Tưởng chừng như lời nói của ông Trần là những lời của diễn viên trong một vở bi kịch nghe thật lạnh người nhưng khi màn nhung khép kín, tôi có thể vỗ tay khen ngợi rồi thảnh thơi ra về không chút bận tâm.

Nhưng không phải như thế. Vở bi kịch đã dính dấp đến tôi, đã lôi kéo tôi vào trong thảm kịch của nó. Có một thứ cảm giác gì còn hơn cả sự đau đớn, buồn thảm. Cái cảm giác ấy bây giờ tằm đầy người tôi thật thấm thía

như những ly rượu mạnh. Trong cốc rượu vàng sóng sánh hình như ẩn hiện chập chùng khuôn mặt của cha tôi, vợ ông Trân và Thùy. Tôi sợ hãi không còn dám đưa cốc lên môi.

Ông Trân và tôi, chúng tôi đều bị chìm ngột ngạt trong bầu không khí đã không còn ấm cúng. Bỗng chốc tôi có cảm tưởng đêm nay trong rừng cây u tối này, chỉ còn có chúng tôi còn thức hai người lặng lẽ trong một căn phòng nhỏ, những chai rượu đã vơi, thể xác và tâm hồn đều rời rã âu sầu, men say thắm đẫm cay trên lưỡi.

Những ngày xuân hiếm có của ôi tưởng chừng không bợn một chút mây, nay đã mang đầy cơn giông bão. Tôi nghe tiếng nói của tôi vang lên mơ hồ như ở một người nào khác.

— Bác nói đúng, cả bác lẫn cháu, mình không nên tìm hiểu điều đó.

Ông Trân ngửa cổ hợp hết ly rượu, giọng ông đầy vẻ chua xót.

— Thôi, hai đứa mình đành làm những kẻ bán khoán suốt đời, để cho người khác được sống bình yên.

Ông Trân đứng dậy lấy thêm một chai rượu khác. Cái thân hình trước đây có vẻ rắn chắc khỏe mạnh của ông nay bỗng thấy còng xuống và già hẳn đi. Đôi mắt ông quay về tôi, đôi mắt sâu hút có những tia máu đỏ vì thắm rượu.

— Tôi thật điên... tại sao tôi lại đem những điều giữ kín bao lâu nay ra nói với cháu. Thôi, cháu xem như không có chuyện gì xảy ra cả. Ngày Tết vẫn còn dài...

Ông Trân lại ngồi vào ghế rót rượu vào ly. Đầu óc tôi giờ đây quay cuồng

như một điệu luân vũ, tôi cảm thấy xa cách với tất cả, chỉ còn lại hình ảnh của Thùy. Khuôn mặt trong sáng rực rỡ, hạnh phúc hơn tất cả những nỗi hạnh phúc khác, đang hiện rõ trước mắt tôi đầu tôi đã nhắm mắt vật vờ muốn say ngủ.

Có lẽ chúng tôi cứ ngồi uống rượu như thế suốt đêm nếu không có tiếng chuông điện thoại reo lên phá tan sự im lặng. Lát sau ông Trân uể oải đứng dậy.

— Tôi có chuyện cần phải xuống phố ngay. Cháu ngồi nhậu chơi một mình nhé.

Tôi gật đầu. Tôi uống không nổi nữa, màu vàng của rượu chờn vờn đong đưa trước mắt. Có tiếng xe hơi của ông Trân ngoài sân nổ máy. Bây giờ chỉ còn lại một mình tôi, chiếc gạt tàn đã đầy ắp tàn thuốc lá, những chai và cốc lụng chùng rượu thừa.

Chỉ còn một mình tôi còn thức trong ngôi nhà này, ngôi nhà chợt trống trải lạnh lẽo như một sừng cấm. Những ngày xuân thôi đã không còn kéo dài thêm một phút nào nữa. Tôi cố nén cơn quay cuồng của men rượu, chệnh chểnh đi lên những bậc thang gác và mở cửa căn phòng tôi. Trong khoảng khắc, tay tôi tự động thu xếp nhanh chóng mấy bộ áo-quần vào trong xắc tay rồi trở ra. Tôi hành động bơ phờ không suy nghĩ gì cả, như trong một giấc mộng.

Đứng lặng thêm một phút trước chiếc đàn dương cầm, những phiếm đàn trắng ngà nằm xếp hàng cạnh nhau, tôi ao ước biết đánh đàn để có thể quên tất cả và ngồi xuống đây, đánh một bản nhạc tình ái cổ điển thật cô độc như một bài nào đó của Beethoven,

hình như là bản *Lettre à L' Elise*. Tôi muốn tự dìm chết nỗi cô đơn của mình trong tiếng nhạc. Nhưng tôi không biết đàn, bàn tay của tôi bỗng đánh mạnh trên phím đàn dương cầm. Một âm thanh dữ dội chợt vang lên nghe thật thô kệch. Tôi nhét chai rượu đã vơi gần hết vào trong ngực áo rồi mở cánh cửa lớn bước ra khỏi nhà.

Những ngọn gió lạnh ban đêm chợt thổi ào ạt vào người, sống lưng tôi lạnh buốt, rượu thịt trong bụng như muốn trào lên miệng để nôn mửa hết ra ngoài. Tôi cúi đầu, né tránh một cách vô vọng cơn gió lạnh chết người và loạng choạng bước băng qua sân nhà. Con chó nằm ngủ kín dưới mái hiên bỗng thức dậy sủa vang vài tiếng rồi im bặt như vừa nhận ra người quen.

Mùi thơm của bông hoa sứ trắng lần hồi lan dần quanh người tôi. Mộ của cha tôi được ông Trân xây bằng đá hoa, vây kín chung quanh bằng những cây hoa sứ rậm rạp, thứ hoa có mùi hương nồng nhất ở miền núi. Ng y xưa trước khi rời bỏ tất cả, tôi đã đứng im lìm tưởng nhớ trước mộ cha tôi. Nay thêm một lần giả biệt. Trước mộ bia còn một bó hoa huệ trắng mà Thùy và tôi đem giao thừa đã đem đến cho người chết. Tôi đứng lặng cầm, như một thân cây bất động trong miền rừng núi cô tịch. Tiếng côn trùng kêu, có những loài chim đêm nào đó hót mơ hồ và lá cây trước gió lung lay nghe xào xạc. Cha tôi đang nằm dưới kia, người có thể thức dậy nhấp ít rượu ngon, say với tôi trong một đêm Xuân buồn bã này không. Cha tôi có buồn khi thấy đứa con đi hoang của mình năm nay tưởng đã tìm kiếm được mùa xuân, không ngờ vô tình đi vào

một võ thảm kịch tưởng chỉ có trong tiểu thuyết. Tôi chầm điếu thuốc lá, mùi khói khô nồm.

— Sáng mai em sẽ thay một bó hoa mới cho ba anh.

Tôi giật mình quay đầu nhìn lại. Thùy đang đứng thu mình trong chiếc áo *manteau*, cổ quàng kín chiếc khăn len, da mặt hơi tái xanh vì lạnh.

— Em thức dậy vì nghe có tiếng ai đánh thật mạnh trên đàn dương cầm, và có tiếng chó sủa...

Ba chắc xuống phố rồi hả anh, sao anh đứng đây . . . anh vào nhà ngủ đi kẻo bị lạnh.

Tôi chợt hét lên như đứa trẻ con.

— Không. Không vào, không bao giờ vào nhà đó nữa.

Thùy sợ hãi nhìn bộ mặt có lẽ đang đỏ ngầu của tôi, cô bé tiến lại nắm lấy cánh tay tôi, giọng ảm áp.

— Khuya rồi anh. Để sáng mai rồi mình đi thăm mộ ba anh.

Tôi nhìn Thùy trừng trừng, con bé ấy có một nét gì giống tôi chẳng. *Không phải người nằm dưới mồ này chỉ là cha anh không thôi, có thể là cha của em nữa. Em có thể là đứa em gái ruột thịt của anh, nhưng cũng có thể là một người bạn gái nhỏ . . .* Những lời ấy thì thầm mãi trong đầu óc tôi làm tôi mệt mỏi, choáng váng lạ thường.

Thùy bỗng chạm phải chiếc xác tay của tôi để dưới chân. Cô bé ngạc nhiên đứng ngẩn người nhìn tôi rồi hình như nó biết rằng tôi sắp bỏ nó đi xa vĩnh viễn, cô bé úp mặt khóc òa trên ngực áo tôi, nước mắt trẻ thơ của nó tuôn trào dễ dàng làm người tôi thấm lạnh thêm. Rồi Thùy

ngước đôi mắt đã ướt nhìn mù mịt thật thảm hại, tưởng chừng như không bao giờ còn biết vui tươi là gì nữa.

— Anh làm trò gì điên thế? Sao anh lại bỏ đi?

Tôi nín lặng, không thể đào đâu trong óc ra một câu trả lời hợp lý.

— Anh biết không... anh về đây mấy ngày làm em quen rồi, không có anh... em chết được.

— Anh cũng chết được.

Tôi quàng tay ôm Thùy vào lòng.

Thùy không còn là một cô bé nữa. Thân thể mềm mại, da thịt của nó đã có những mùi thơm quyến rũ của một thiếu nữ. Tôi hôn lên trán Thùy, đầu cô bé là người lạ hay người ruột thịt của tôi, chiếc hôn đó cũng chỉ chứa đầy tình thương thơ dại và trong sạch.

Nhưng rồi tôi cố dằng Thùy ra khỏi người tôi. Tôi uống thêm hớp rượu để lấy can đảm, quả quyết cầm chiếc xác tay quay đầu bước đi.

— Anh có chuyện cần đi xuống phố gấp, mai anh lại về đồn điền.

— Anh nói láo. Anh đi luôn phải không?

— Ừ. Thôi anh đi luôn, em gửi lời anh chào ba.

Tiếng khóc của Thùy làm tôi chết điếng người, rượu đã làm tôi mềm yếu như một đứa trẻ nên tôi muốn khóc ròngh theo. Tôi cần môi, uống thêm một hớp rượu nóng bỏng cay xè trên lưỡi

Tôi cần say sưa để có can đảm làm mặt giận dữ. Tôi hét lên.

— Anh phải đi. Bộ em tưởng anh muốn ở lại cái xứ Mọi này suốt đời sao? Cứ ở đây câu cá, quanh quẩn mãi bên mấy cây cao su của em mãi sao? Anh phải về Sài Gòn, phải ngồi trong những nhà hàng sang trọng, phải ăn chơi, phải ngồi uống rượu trong phòng trà... Em cứ ở với cái đồn điền rừng rú của em cho đến chết đi.

Những tiếng la hét bần thiêu của tôi có lẽ đã làm Thùy ghê sợ. Cô bé bỏ cánh tay tôi ra, ngồi bệt xuống trước bìa mộ cha tôi, hai bàn tay dầm nước mắt úp kín mặt.

Tôi vút ội mầu thuốc, bỏ chạy theo lối đường mòn ra quốc lộ. Tôi không dám nhìn lại, bỗng nhiên có tiếng kêu vọng theo của Thùy trên lần trong nước mắt.

— Em ghét thành phố... em ghét anh.

Những lời nói đó làm tôi đau xót hơn bất cứ mũi dao sắc nhọn nào trên đời. Tôi ném mạnh chai rượu vỡ toang vào một thân cây, cầm đầu chạy vội vã trên những bước chân xiêu vẹo. Rừng lá, bóng đêm và gió đập chùng tạt vào mặt tôi những ngọn roi đau đớn, như không muốn tha thứ cho một kẻ vừa nặng lời với núi rừng cao đẹp.

Ra đến bờ đường quốc lộ, tôi đứng trong một lát rồi nhào ra đường chặn hai ngọn đèn pha của một chiếc xe nào đó. Tiếng xe thắng gấp rít lên trên mặt đường ướt. Người tài xế xe vận tải chở gỗ thò đầu ra, khuôn mặt giận dữ.

— Cho tôi quá giang xuống phố, tôi là người ở trong đồn điền Y-Nol.

— À, đồn điền Y-Nol, cũng là chỗ quen biết cả. Mời anh lên.

Chiếc xe vận tải chuyển bánh rồi dần dần phóng nhanh trên con đường đêm hun hút không có một bóng người, những hàng cây cao su dọc đường vùn vụt chạy qua mặt tôi rồi mất hút đằng sau. Mùa Xuân cuối cùng của tôi cũng đã bỏ đi như thế.

— Này anh say rượu, anh có việc gì gấp vậy? Nếu anh không nói là người trong đồn điền Y-Nol, tôi đã tống cho anh một đạp hồi nãy rồi.

— Cảm ơn ông, tôi cần đi gấp. Ngày mai không biết có chuyến xe đò nào đi Sài Gòn không?

— Có chứ. Nhưng đường bộ đó bây giờ nguy hiểm lắm. Tuần trước một chiếc xe bị trúng mìn ở gần Bù Đăng, hành khách chết hết... Anh không chờ vài ngày nữa đi máy bay cho an toàn.

— Tôi có việc gấp.

— Ngày Xuân mà có việc gì gấp gấp quá vậy, ông bạn?

— Mùa Xuân chết rồi!

Người tài xế ngơ ngác quay sang nhìn tôi, đôi lông mày nhíu lại tỏ vẻ không hiểu gì hết. Tôi bực mình hét lên.

— Mùa Xuân chết rồi. Ông nghe rõ chưa?

HOANG-NGOC-TUAN

Nguyệt san HÓA ĐẠO

- Những đóng góp xây dựng cho nền Văn hóa DÂN TỘC và ĐẠO PHÁP;
- Những giáo lý cơ bản nhằm giáo dục con người, thay mới cuộc đời để làm Đàng, làm Lành, làm Đẹp xã hội con người;
- Những khai phá trên Con đường Hóa giải của DÂN TỘC và ĐẠO PHẬT, thể hiện qua

Văn phẩm HÓA ĐẠO

trong số đặc biệt (1, 2) Xuân Canh Tuất (1970) do TÔNG VỤ HOẢNG PHÁP GIAO-HỘI PHẬT-GIAO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT chủ trương và phát hành

Chủ nhiệm: Hoà-Thượng TRÍ-THỦ

Chủ bút: Thượng-tọa ĐỨC-NHUẬN

Nội dung phong phú — Hình thức trang nhã

Phát hành vào trung tuần tháng 12 âm-lịch

ĐỒNG BAO VÀ PHẬT-TỬ TOÀN QUỐC TRIỆT ĐỀ ỦNG HỘ

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

— EM BÉ PHÙ TANG

Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch

— ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)

Võ Hồng

— ÁO EM CÀI HOA TRẮNG

Nhất Hạnh

— NẸO VỀ CỦA Ý (tái bản)

Nhất Hạnh

✧ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu-học cộng-đồng :**

— GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

Vương Pên Liêm

— PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pên Liêm*

✧ **Tết xong mời bạn đọc 3 tác phẩm :**

— HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SẢN CỦA
TƯ TƯỞNG TAY PHƯƠNG *Lê Tôn-Nghiêm*

— PHONG TẠO DUY TÂN

Nguyễn văn Xuân

— XỨ TRÂM HƯƠNG

Quách Tấn

— LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ)

Kiên Giang

**Nhà xuất bản Lá-bối
20 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

Xúc động cuối năm

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Năm ngoái nơi đây nhoẻn miệng cười,
Tín sương đồn đại: mặt hoa tươi...
Năm nay cuộc Thưởng-Văn dừng bước,
Chẳng thấy hoa đâu, chỉ thấy người.

Người đón Nàng-Thơ sắp hiện-thân,
Người khen bút-pháp ấy tinh-thần,
Người trao tên họ, người ghi chép ;
Người... những người ! Sao vắng cố-nhân ?

Có phải chiều xưa cũng Tất-Niên
Thanh phong lai hễ hoa yên-nhiên ; (1)
Lầu cao từ đây xuân sâu thăm,
Hoa đã theo ai về cõi Tiên ?

Cài đầu hoa cúc... (2) lại hoa đào,
Gió vút đường mây đẹp biết bao !
Đủ cả vàng son trên mái tuyết
Rừng xanh ải tối thỏa tiêu-dao .

Chơi xuân đất này không cỏ non, (3)
Thơ không vàng nữa, ăn không son.
Hỡi ơi, lòng chột đau như cắt ;
Một nụ cười xuân cũng chẳng còn !

Sài-đô, chiều 20 tháng Chạp
năm Kỷ-Dậu (1970)

() Thơ cổ : « thanh-phong lai cố-nhân », nghĩa là : Gió nhẹ thổi đến người xưa.
Hoa yên-nhiên : hoa cười tươi thắm. (2) Thơ cổ : « Cúc hoa tu thập mãn đầu qui » ;
Đông-Hồ đã dịch là « Cài đầu hoa cúc trảy về chơi ». (3) Dịch một câu tập-cổ của Đông-Hồ :
« Xuân du thử địa vô phương thảo ».

CHÚT DUYÊN HÀN MẶC...

26 câu thơ mừng
13 tác-giả và 13 tác-phẩm

Nước-mắt-cho-quê-hương khổ đau
Thêm dài Tình-biển-nghĩa-sông sâu
Trên-quê-ta-đó còn sơ sác
Lời-gởi-cây-bóng-vải cũng sầu.

Một phen nhả NGỌC phun CHÂU
Địa LINH nhân KIẾT từ lâu tiếng đồn
Vang rền đợt sóng vũ môn
Lắng nghe nước Việt thả hồn trong Thơ. (1)

Thơ rằng : Ai kẻ ĐỨC phong
Lấy Văn làm đức Má-hồng lưu phương.
Khảo yên hoa, luận hải đường
Cười TUỔI hơn gái nhà Dương đến thì.
Văn-học-Chu-Tần trải thịnh suy
Giang SAN còn vững một phương Ly.
Những-hàng-châu-ngọc ai gieo đó
Người gái cái TRÂM hỏi ý-nhi.
Y-sĩ-tiền-tuyển thì y
TRANG CHÂU mộng bướm quẩn gì xông pha.
Trại-Đầm-Đùn chẳng đâu xa
Bên kia giòng chữ nở hoa THÁI bình.
Nỗi hờn TINH VỆ khó làm thịnh
Con-lốc chờ xem buổi diễn trình.
Phút-quyết-định đây, cùng HIỆP sức
Bi hài soi nét mặt nhân sinh.
Nao nao xuân mới lòng Hoa-cỏ
Nghe THỦY triều lui khúc Hậu Đình.

VŨ HOÀNG-CHƯƠNG

Sài Gòn 27-1-T.L. 1970

(1) Tám câu này mừng chung 4 tác-giả (Thơ). Còn từ câu thứ 9 trở xuống, mừng riêng mỗi người 2 câu (đều đã trao tay từng tác-giả ngay khi hội diện).

Chính vì vậy, 8 câu mừng-chung còn có 3 cách đặt khác nữa đề cả 4 tác-phẩm đều được nêu lên ngay từ đầu.

Nhưng, dầu sao, 3 cách đặt khác này cũng chỉ khác ở 4 câu đầu thôi ; còn từ câu 5 đến hết câu 8 thì vẫn như trước.

Cách thứ 2

Lời-gởi-cây-bông-vải dệt sâu
Thêm dài Tình-biển-nghĩa-sông sâu
Trên-quê-ta-đó còn gai lửa
Nước-mắt-cho-quê-hương nguyện cầu.

.

Cách thứ 3

Thêm dài Tình-biển-nghĩa-sông sâu
Lời-gởi-cây-bông-vải cũng sâu
Nước-mắt-cho-quê-hương thánh thót
Trên-quê-ta-đó ruột tằm đau

.

Cách thứ 4

Trên-quê-ta-đó ruột tằm đau
Lời-gởi-cây-bông-vải cũng sâu
Nước-mắt-cho-quê-hương thánh thót
Dài thêm Tình-biển-nghĩa-sông sâu.

* GHI-CHÚ THÊM.

8 câu đầu (Cách 1) — Trao về ô. Lê-Minh-NGỌC, tác-giả tập Nước-mắt-cho-quê-hương.

(Cách 2) — Trao về ô. Trần-Tuấn-KIỆT, tác-giả Lời-gởi-cây-bông-vải

(Cách 3) — Trao về Sa-di Hoàng-thoại-CHÂU tác-giả Tình-biển-nghĩa-sông.

(Cách 4) — Trao về ô. Tường-LINH tác-giả trên-quê-ta-đó.

2 câu 9-10 — Trao về ô. Đỗ-tiến-ĐỨC (Má-hồng)

2 câu 11-12 — ô. Dương-tấn TƯƠI (Cười)

2 câu 13-14 — ô. Trần-trọng-SAN (Văn-học Chu-Tần)

2 câu 15-16 — ô. Huy-TRÂM (Những-hàng-châu-ngọc)

2 câu 17-18 — ô. TRANG-CHÂU (Y-sĩ-tiền-tuyển)

2 câu 19-20 — ô. Trần-văn-THÁI (Trại-Đầm-Đùn)

2 câu 21-22 — ô. Nguyễn TINH-VỀ (Cơn-lốc)

2 câu 23-24 — ô. Thanh-HIỆP (Phút-quyết-dịnh)

2 câu 25-26 — ô. Trường-THỦY (Hoa-cỏ)

Thời-sự Thế-giới

T U - T R I

Trong những ngày vừa qua tuy tình hình thế giới vẫn trầm lặng không có một biến chuyển lớn lao nào xảy ra nhưng người ta thấy một vài dấu hiệu bớt căng thẳng (détente).

Trước hết tại Phi-châu cuộc nội chiến Nigeria đã chấm dứt sau 30 tháng tàn sát. Quân đội Liên-bang đã chiếm nốt cả vùng còn lại của Biafra và lãnh tụ của Biafra là Đại tá Ojukwu đã phải đào tẩu ở ngoại quốc.

Trong khi đó tại Trung Đông hai phe Do-thái và Ải cập vẫn không ngừng những hành động khiêu khích. Tuy không một quốc gia nào muốn chiến tranh nhưng đề khởi mả đề đến người ta luôn luôn có những luận điệu hiếu chiến. Trong khi chờ đợi một cuộc chiến tranh có thể xảy ra vào bất cứ lúc nào, cả hai phe đều cố gắng tăng cường khả năng quân sự của mình.

Tại Tây-Đức người ta thấy chính sách mới của Thủ-tướng Willy Brandt đã có nhiều tiến bộ. Đông Đức đã dịu giọng rất nhiều trong cuộc trả giá ngoại giao hiện tại và Tây Đức cũng không kể về thiên chi nhượng bộ.

Song song với tình trạng khả quan tại Âu-châu, gây liên lạc Đông Tây cũng trở nên tốt đẹp hơn với cuộc hội đàm giữa Mỹ và Trung Cộng tại Var-sovie được nối lại sau hai năm ngừng tiếp.

Chiến tranh chấm dứt tại Biafra

Tháng 5-1967 những sắc dân Ibo tuyên bố ly khai khỏi Liên-bang Nigeria và thành lập ra tân quốc-gia Biafra. Chính phủ Liên bang Nigeria không thừa nhận một sự đã rồi và quyết định đem quân với tiểu trừ phe ly khai. Cuộc chiến tranh Biafra đã lôi cuốn sự chú ý của dư luận quốc tế. Người ta đột nhiên thấy tình trạng chia rẽ tại Hắc Phi trong giai đoạn hậu thuộc-địa trở nên trầm trọng. Thật vậy, sau khi độc lập, các quốc gia Hắc Phi luôn luôn phải đối phó với vấn đề phân hóa nội bộ: phân hóa giữa các quốc gia về những quyền lợi chính trị, kinh tế; phân hóa giữa các bộ lạc về vấn đề chủng tộc.

Tại Nigeria vấn đề phân hóa đã sâu đậm hơn hết. Sắc dân Ibo là một chủng tộc thông minh và có khả năng nhất Phi-châu. Tại Nigeria họ luôn đóng một vai trò chủ động trong ngành kinh tế, tài chánh và hành chánh. Cũng vì vậy mà sau khi Nigeria được độc lập chính họ đã nắm chính quyền. Nhưng cũng vì vậy mà họ bị các sắc dân khác thù ghét. Họ được mệnh danh là những người Do-thái ở Phi-châu». Lần lượt chính phủ do người Ibo nắm giữ bị lật đổ, và dân miền Bắc tàn sát hàng ngàn người Ibo. Phản ứng của họ là tách rời khỏi Nigeria bằng cách thành lập một quốc gia riêng biệt do Đại-tá Ojukwu lãnh đạo.

Các quốc gia khác đã ồ ạt gửi vũ khí sang giúp cả hai phe nên chiến tranh đã có một tính cách hết sức ác liệt. Tòa thánh Vatican ủng hộ Biafra vì lý do nhân đạo. Pháp giúp vì muốn hưởng các mỏ dầu hỏa ở miền Nam Nigeria. Trái lại Anh giúp chính phủ Liên-bang vì lý do chính trị. Các quốc gia Phi-châu đều hết sức chia rẽ trước vấn đề Biafra. Quốc gia nào có tính cách cách mạng đều ủng hộ Biafra. Quốc gia nào qui tụ nhiều bộ lạc thì lại cố gắng chống đối Biafra vì Biafra thành công sẽ khuyến khích các bộ lạc ly khai và đưa tới sự rạn nứt của nhiều quốc gia khác. Ngoài ra vì sợ bị diệt chủng dân Biafra đã cố gắng chiến đấu đến cùng.

Quân đội Liên-bang đã phong tỏa kinh tế của Biafra nên trong cuộc chiến tranh này hơn 2 triệu dân Biafra đã là nạn nhân của nạn đói và nạn thiếu chất đạm, thiếu dinh-dưỡng.

Tháng 1 vừa qua, quân đội Liên-bang đã ồ ạt tiến vào vùng đất cuối cùng của Biafra và thành phố Onitsha bị thất thủ. Trung tá Olu Obasanjo đã phá vỡ mọi sức đối kháng của người Ibo Biafra đã chính thức bị xóa bỏ trên bản đồ Nigeria.

Tuy chiến tranh chấm dứt nhưng một vấn đề vẫn còn đặt ra là nạn đói của người Ibo. Tướng Gowon vì muốn ngăn chặn các sự can thiệp của ngoại bang nên đã từ chối mọi sự cứu trợ của những quốc gia bạn cũng như thù. Ông không những không cho Tổ chức Caritas cứu trợ mà còn cấm cả Anh, Gia-nã-Đại, Pháp... không được gửi thực phẩm tới. Ông tuyên bố là Nigeria có thể tự tổ chức cứu trợ lấy được. Tuy chính phủ Liên-bang có đủ khả

năng để giải quyết, nhưng trong tình trạng hiện thời ở Nigeria, những công tác cứu trợ, thiếu sự giúp đỡ của ngoại quốc, sẽ gặp khó khăn và nạn nhân chính cũng vẫn là những người Ibo.

Trung Đông chạy đua vũ trang

Sau hội nghị thượng đỉnh Ả-rập ở Rabat vào tháng 12 vừa qua các quốc gia Ả-rập không còn có hy vọng đoàn kết để chinh phạt Do-thái nữa. Tuy nhiên trước áp lực của dân chúng, nhất là của dân tỵ nạn Palestine, các chính phủ đều luôn luôn bắt buộc phải có một đường lối hiếu chiến. Vì vậy phe Ả-rập cố gắng tăng cường các phương tiện quân sự và các cuộc chiến tranh du-kích.

Trước những nỗ lực vũ trang này, Do thái bắt buộc cũng phải mua thêm vũ khí để tái lập lại quân bình. Nhưng Mỹ, vì sợ mất lòng Ng đã cố gắng trì hoãn việc bán vũ khí cho Do-thái. Và Pháp, từ khi chiến tranh Trung Đông bùng nổ vào tháng 6-1957 tới nay, vẫn duy trì lệnh hoãn bán vũ khí cho Do-thái. Vì vậy mà tháng 12 vừa qua Do-thái đã âm mưu mua 5 chiến thuyền của Pháp để đưa lên về nước. Năm chiến thuyền này đã được Do-Thái đặt mua trước tháng 6-1967. Vì có lệnh cấm nên chiến thuyền không được trao cho Do thái. Để tránh lệnh này, chính phủ Tel Aviv đã mua lại các chiến thuyền qua trung gian của một nhân vật Na-uy, đại-diện một Công ty Panama, mà Do-thái giữ đa số cổ phần. Chính phủ Pháp tưởng là bán cho Na-uy nên bằng lòng. Nhưng 5 chiến thuyền đó đã được đưa về hải cảng Haifa nên

chính phủ Paris hết sức giận dữ vì bị lừa gạt. Với những chiến thuyền có khả năng trang bị hỏa tiễn, Do-thái có thể đối phó được với Hải-quân Ai-cập trên mặt biển.

Nhưng phe Ả-rập cũng không chịu thua. Lybie vừa mua của Pháp 50 phản-lực cơ Mirage nên dư luận Do-Thái hết sức xúc động. Cung cấp vũ khí cho Ả-rập mà không cung cấp cho Do-Thái, chính phủ Paris đã bị dư luận Quốc-tế lên án rất nghiêm khắc. Làm như vậy Pháp chỉ nhằm những quyền lợi vị-kỷ mà quên rằng mình đã tiếp tay cho phe gây hấn Ả-rập để đe dọa hòa-bình thế giới.

Dấu hiệu tiến bộ của chính sách Willy Brandt ở Đức.

Chính sách thân hữu với phe Cộng sản của Thủ tướng Tây-Đức Willy Brandt đang mang lại những kết quả mong muốn. Thật vậy, Nga và nhiều nước Cộng sản Đông Âu đã sốt sắng đáp ứng sáng kiến của Tây Đức. Duy chỉ có Đông Đức là đã kích ông Willy Brandt. Nhưng vì sợ bị cô lập ngay trong khối Cộng sản mà Chủ-tịch Đông Đức Walter Ulbricht, trog một cuộc họp báo vừa rồi, đã đổi hẳn thái độ.

Từ trước tới nay ông Ulbricht đưa ra điều kiện tiên quyết cho mọi thương thuyết với Tây Đức là chính quyền Pankov phải được thừa nhận và trao đổi Đại-sứ giữa Đông và Tây Đức. Trong cuộc họp báo vừa qua, tuy tuyên bố vẫn giữ nguyên lập trường, ông Ulbricht đã ngấm ngấm cho biết là ông sẽ chấp nhận thương-thuyết không điều kiện tiên quyết.

Chính phủ Willy Brandt đã lợi dụng thái độ này đề nghị hai bên ký một hiệp-ước không gây hấn. Cũng theo

chiều hướng này Đại-sứ Tây-Đức đã nhận được lệnh trở lại Mạc-tư-khoa thương thuyết với Nga để Nga làm áp lực với Đông Đức bắt phải nhượng bộ.

Về phía Tây Đức, người ta cũng sẵn sàng nhượng bộ. Chính phủ Willy Brandt đề giải tỏa tình trạng căng thẳng ở Âu-Châu, có thể sẽ đi tới thừa nhận chính-thức Đông Đức là một quốc gia. Làm như vậy ông Willy Brandt sẽ hợp thức hóa một thực trạng đã có từ trên 20 năm qua và đồng thời lại giảm bớt được những đe dọa xâm lăng của cả khối Cộng sản.

Dây liên lạc Đông-Tây không những được cải thiện tại Đức mà còn được cải thiện tại Ba-lan. Và sau hai năm cắt quãng, chính phủ Mỹ và Trung Cộng lại nối tiếp các cuộc hội đàm cấp Đại-sứ tại Varsovie. Tiếp nối các cuộc hội đàm này cả Mỹ lẫn Trung Cộng đều nhằm chung một mục-tiêu là bắt Nga phải nhượng bộ. Thật vậy, Trung Cộng sau những đụng độ với Nga, luôn luôn sợ Nga xâm lăng theo kiểu Tiệp-khắc năm 1968. Tỏ ra thân hữu với Mỹ Trung Cộng hy vọng rằng Nga sẽ lo sợ mà trở lại một thái độ ôn hòa hơn. Về phía Mỹ cuộc hội đàm với Trung-Cộng được đặt trong khuôn khổ chính sách Á-châu của ông Nixon nhằm giảm căng thẳng tại vùng này. Hơn nữa tỏ ra thân hữu với Trung-cộng, Mỹ cũng đe dọa Nga không kém, để bắt Nga phải tích cực hơn trong chính sách cộng tác với Mỹ. Có lẽ cả Mỹ và Trung-Cộng đều đã thành công một phần vì ngay sau đó nhật báo "Sao đỏ" của quân đội Nga đã đã kích Mao-Trạch-Đông là liên kết với nững lực lượng đế quốc siêu phản-động !

THỜI SỰ KHOA HỌC

Những khám phá khoa học quan trọng nhất trong 10 năm qua

1) 1960 : Máy phát ra tia Laser thực dụng đầu tiên được hoàn thành.

2) 1961 : François Jacob và Jacques Monod nêu lên thuyết ức-chế các di-thể giải thích được sự khởi phát và chấm dứt hoạt động của các di-thể.

3) 1961 : Murray Gell-Mann với thuyết «*eight fold way*» giải thích được sự liên lạc giữa các cơ-cấu siêu nguyên-tử (Giải Nobel Vật lý năm nay).

4) 1961 : Marshall Nirenberg và J. Heinrich Matthaei khám phá ra những tín-hiệu di-truyền trong phân-tử DNA.

5) 1963 : Maarten Schmidt cho rằng *quasar* là những thiên thể xa cách chúng ta nhất trong vũ trụ.

6) 1965 : Phi thuyền *Mariner* truyền về trái đất những bức hình gần nhất của hành tinh Mars.

7) 1965 : Khám phá ra những luồng sóng từ vũ trụ, được coi là di-tích của «*Big Bang*» đã tạo nên vũ trụ.

8) 1966 : Bằng chứng khoa học đầu tiên về thuyết lục-địa trôi.

9) 1967 : Khám phá ra các *pulsars*.

10) 1969 : Cuộc chinh phục Nguyệt-cầu đầu tiên của nhân loại.

Những bước tiến quan trọng nhất trong lãnh vực Y-học trong 10 năm qua :

1) 1960 : Thuốc ngừa thai được cho phép dùng ở Mỹ.

2) 1960 : Trị liệu các bệnh của thận bằng phương-pháp ghép thận và ly-giải thông thường.

3) 1961 : Thuốc chủng ngừa bệnh tê-liệt trẻ em bằng cách uống.

4) 1963 : Thuốc chủng ngừa bệnh hồng ban.

5) 1966 : Dược phẩm *L - Dopa* trị bệnh Parkinson.

6) 1966 : Hai tổ-chức *Medicaid* và *Medicare* ra đời.

7) 1967 : Phương pháp trị bệnh ung thư bạch huyết với điều tố *1 - Asparaginase*

8) 1967 : Lần ghép tim đầu tiên cho con người.

9) 1968 : «*Thuốc chủng nghịch*» (*reverse vaccination*), chích vào người mẹ trong lần sanh đầu tiên để tránh sự xung khắc yếu-tố Rh trong các lần sanh sau.

10) 1969 : Thuốc chủng bệnh Rubella

Ghép tim và phổi

Bệnh nhân là một người thợ mộc, 43 tuổi, tên Edward Falk, người Mỹ,

ở tiểu-bang New Jersey. Hơn một năm nay ông ta bị khó thở vì chứng phế thũng. Chứng bệnh này kéo dài lâu ngày lại làm cho tim bị lớn lên và suy yếu nốt.

Bác-sĩ giải phẫu ở bệnh viện Manhattan thuộc tiểu bang Нью-уорк xác định bệnh nhân chỉ hy vọng sống sót nếu có được một quả tim và hai lá phổi mới. Dịp may đến cho Falk khi có một người đàn bà bị chết thình lình vì xuất huyết và máu của người này cũng cùng một loại với của ông ta. Bác sĩ Walton Lillehei và giải-phẫu-đoàn của bệnh viện bắt tay ngay vào việc. Quả tim, hai lá phổi với cả 2 cuống phổi và 1/3 dưới của khí quản được lấy từ người đàn bà ghép vào cho Falk.

Cuộc giải phẫu kéo dài 3 giờ 15 phút. Falk tỉnh lại rất mau sau đó. Quả tim và 2 lá phổi mới đã bắt đầu hoạt động điều hòa.

Sau một tuần lễ, tình trạng của bệnh nhân được mô tả là khả quan.

Edward Falk đã bắt đầu một cuộc sống mới ngay buổi chiều hôm Giáng sinh.

Tuy nhiên Edward Falk vẫn chết sau đó 1 tuần vào ngày 2-1-1970

Lục địa trôi

Người ta cứ tưởng thuyết lục-địa trôi (continental drift theory) là một sản phẩm khôi hài của những đầu óc khoa học, khi tình cờ nhận thấy sự phù hợp lạ lùng của những hình-thể các lục địa trên bản đồ thế giới. Ngay cả cha đẻ ra nó là nhà địa-chất học Harry Hess của Viện Đại học Princeton cũng chỉ dám coi đó là một câu chuyện tưởng tượng.

Nhưng câu chuyện này lại càng ngày càng có vẻ chẳng khôi hài chút nào.

Năm 1966, những chứng cứ khoa học hiển nhiên đầu tiên đã củng cố cho thuyết của Hess. Việc tìm ra các chứng cứ đó được coi là một trong các biến-cổ quan trọng nhất trong lãnh vực khoa học trong 10 năm qua. Chẳng hạn như cấu-tạo địa-chất, những di-tích hóa-thạch về thực vật và động vật của vùng Nam Mỹ rất giống với vùng Tây phi.

Trong vòng 3 năm nay, cơ nguyên của sự di chuyển các lục-địa này đã được khám phá ra, giúp cho các nhà bác học thêm yếu tố để giải thích sự xuất hiện của các cơn động đất, sự thành lập của các dãy núi trên đất liền.

Các lục địa vẫn tiếp tục cách xa nhau chừng 5cm mỗi năm.

Cát bụi nguyệt cầu

Một nắm đất cát của chị Hằng gửi tặng làm cho các nhà bác-học địa cầu điên đầu, mất ăn mất ngủ trong suốt mấy tháng trời.

Một cuộc hội-nghị chính-thức đầu tiên được cơ quan NASA tổ chức vào trung tuần tháng Giêng vừa qua tại Trung tâm không gian Houston để các nhà bác học trên thế giới trình bày kết quả của báo công trình nghiên cứu đã bắt đầu từ lúc Apollo 11 trở về. Nơi đây có mặt những đầu óc thông thái nhất của các quốc gia Hoa-kỳ. Gia nã đại, Nhật, Úc và Tây Âu Họ đem lại rất nhiều hiểu biết mới mẻ về hành tinh bạn gần gũi này, nhưng những vấn đề chính yếu liên quan đến nguồn gốc và biến chuyển của nó vẫn chưa được giải đáp.

Sự ngạc nhiên lớn lao nhất là sự khác biệt đáng kể giữa số tuổi của lớp bụi phủ trên bề mặt nguyệt-cầu và lớp đất đá nằm ở bên dưới. Lớp bụi được

xác định là đã có từ 4, 6 tỉ năm trong lúc đó lớp đất đá chỉ mới xuất hiện sau đó hơn 1 tỉ năm. Tuy nhiên trong số các cục đá mang về có cục già tới 4, 4 tỉ năm. Giáo sư G. J. Wasserburg, nhà địa chất học của Viện Caltech hy vọng rằng lớp đất lấy ở những vùng đất cao được gọi là cao-nguyên trên nguyệt-cầu sẽ có một số niên-kỷ hợp lý hơn. Sự mạng đó đặt hy vọng vào phi thuyền Apollo 13 trong chuyến bay dự định vào ngày 11-4-70.

Một điều đáng ngạc nhiên nữa là những cơ-cấu nhỏ bé nhất cũng bị các vi-ti vắn thạch bắn phá như những tinh-thể chất Pyroxens kết tinh do sức nóng gây nên bởi tác dụng của tia vũ-trụ-tuyến và những phần-tử xuất phát từ thái-dương. Dựa trên sự cấu tạo của nó, các nhà bác học có thể theo dõi quá trình hoạt động của thái-dương hàng tỉ năm về trước và do đó có thể giải thích thời-đại băng-giá đã từng kéo dài hàng triệu năm trên trái đất chúng ta.

Sự hiện diện của vàng và kim-cương là điều rất có thể, tuy nhiên theo giáo sư Anders thì số lượng của chúng rất ít ỏi, chẳng bỏ công lặn lội đi lấy về. Cho tới nay, ít nhất là 3 chất kim loại mới, chưa từng có ở trái đất đã được ghi nhận. Chúng được đặt tên là Kennedyite để tưởng nhớ tới vị cố Tổng thống Hoa kỳ đã từng kêu gọi tất cả công dân nước này đặt danh-dự vào cuộc chạy đua không gian.

Thuốc ngừa thai và đàn bà

Con số thống-kê mới nhất cho biết hiện nay riêng tại Hoa-kỳ đã có tới 9 triệu phụ nữ đang dùng thuốc ngừa thai. Và con số này mỗi ngày mỗi gia tăng

nhANH chóng, đang là mối bận tâm chính yếu cho giới hữu-trách xứ này.

Từ nhiều năm nay, thuốc ngừa thai bị coi là nguyên nhân gây nên sự gia tăng của chứng ung-thư vú cũng như trước đó thuốc lá đã bị coi là nguyên nhân của chứng ung-thư phổi. Cả 2 trường hợp đều chỉ có giá trị về mặt thống-kê, chưa có một bằng-chứng khoa học nào chứng thực điều đó cả. Vì thế mà vấn đề chưa được giải quyết và thuốc ngừa thai vẫn cứ bán ra đều đều.

Tuy nhiên thuốc ngừa thai đã có những tác-dụng phụ bất lợi hiển nhiên cho người dùng. Trong 3 tháng đầu dùng thuốc, người phụ nữ sẽ lên ký, vú bị căng nhức và có những thay đổi về các đòi hỏi dục-tình. Sau đó là sự biến đổi trong cơ-chế đông huyết, dẫn tới sự tạo lập nên các huyết-khối trong tĩnh-mạch chân. Sự nguy hại không phải ở đó mà ở chỗ những huyết-khối đó sẽ theo dòng máu lên tới tim rồi từ đó bị di chuyển tới các cơ quan khác, nhất là phổi và não. Đó là nguyên-nhân của những cái chết đột ngột hoặc bệnh tê-liệt tứ chi. Thuốc ngừa thai cũng có thể làm cho huyết-áp tăng lên thỉnh thoảng làm dẫn nở các huyết-quản trong não hoặc có thể làm cho chúng vỡ ra. Do đó mà phần đông những phụ nữ dùng thuốc đều bị đau đầu, đôi khi bị chết đột ngột do sự xuất huyết ở não. Những tác dụng trên cơ-cấu di truyền và trên thai-nhi của loại thuốc này bị lên án gắt gao nhất nhưng may mắn thay, đó vẫn còn là những lời tố cáo mơ hồ.

Những tác dụng tai hại trên đây tăng lên rất nhiều khi số lượng kích-thích-tổ Estrogen trong viên thuốc tăng lên quá 50 micrograms.

Einstein và thuyết Tương-đối

Thuyết tương đối của Albert Einstein là một trong những bước tiến quan trọng nhất của nhân loại trong lãnh vực khoa học sau kỷ-nguyên của Newton. Sau Einstein, cho tới thời đại không-gian, sự hiểu biết của chúng ta trong lãnh vực này vẫn còn nằm trong vòng chi phối của thuyết Tương-đối. Gần một nửa thế kỷ sau đám hậu thế mới có đủ phương-tiện chứng thực những điều mà Einstein đã nhận-thức được trước đó.

Năm 1887, hai nhà bác học Hoa-kỳ là Albert A. Michelson và Edward W. Morley đã thực hiện một cuộc thí nghiệm thời danh bằng cách chứng tỏ sự độc lập của vận-tốc ánh-sáng đối với sự chuyển động của nguồn sáng. Thí-nghiệm này hoàn toàn ngược lại với những định-luật vật-lý của Newton 18 năm sau, thuyết Tương-đối ra đời, giải thích được sự phi lý của thí nghiệm trên. Và từ đó các nhà bác học vẫn coi như chính thí nghiệm của Michelson và Morley đã khơi nguồn cho giả-thuyết Tương-đối của Einstein. Một giả-thuyết đến sau một thí nghiệm, đó là thứ tự khuôn mẫu trong thế giới khoa-học.

Albert Einstein chết năm 1955. Trong những tài-liệu khoa-học và những hàng hồi-ký mà ông để lại, người ta không thấy ông nói tới ảnh-hưởng của cuộc thí-nghiệm nói trên đối với tư tưởng của mình. Ông đã viết như sau trong một bức thư không được công bố : « Tôi không nhớ cả đến

chuyện là mình đã có hay không biết tới cuộc thí-nghiệm đó. khi bắt đầu viết trang đầu tiên về thuyết Tương-đối ».

Một sáng-tạo tư-tưởng lớn lao như thuyết Tương đối tưởng nên dành cho các vai trò của trực giác hơn là dành cho những phương-pháp lý-luận thông thường.

Âu-Châu và bệnh cúm

Hơn 7 thế-kỷ trước đây người Ý coi dịch cúm như là một thứ tai họa từ trên trời rớt xuống do ảnh-hưởng của các vì sao cho nên đã gọi nó là Influenza (có nghĩa là ảnh-hưởng). Lần này, cơn dịch cúm xảy ra sau khi Apollo 12 trở về nên được mệnh danh là dịch nguyệt-cầu (moon flu). Bắt đầu từ Tây-ban-nha, nó tràn qua Pháp, làm cho hơn một phần ba dân số xứ này bị bệnh rồi mon men qua Ý. Hiện nó đang có mặt ở Thụy-Điền, Áo, Tây Đức, Phần Lan, và Tiệp-khắc. Ở Anh quốc nó làm cho hơn 1 triệu rưỡi thợ thuyền phải bỏ sở.

Bệnh cúm rất ít khi gây nên chết chóc, con số tử vong phần lớn là ở người già cả và trẻ con. Khi bệnh đã phát khởi thì không có thứ thuốc nào niện nay ngăn chặn được nó ; sự chủng ngừa chỉ có hiệu quả khi bệnh chưa xuất hiện vì phải cần một thời gian độ hai hay ba tuần mới có sự miễn dịch.

TỬ DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Văn chương chính trị đáng tiền

Năm 1966 một chính đảng ở Hòa-lan ra một bản tuyên ngôn, mang tên là « Dân chủ 66 » (Démocratie 66). Không biết tuyên-ngôn huê-dạng ra sao mà các lãnh tụ đảng bỗng nảy ra ý kiến đem in 25.000 cuốn, rồi phát hành. Mỗi cuốn tuyên-ngôn có kèm theo một phiếu gia nhập đảng.

Kết quả có 15.000 độc-giả mê tuyên-ngôn, thưởng thức xong, ký tên tình nguyện gia nhập đảng.

Năm nay, tại Pháp, lại có một đảng chính trị lăm le học theo kiểu ấy. Đó là đảng Cấp-tiến (Parti radical).

Tác giả bản tuyên-ngôn Cấp-tiến là Jean-Jacques Servan-Schreiber, nhà báo từng hốt bạc từng bừng với cuốn *Le défi américain*. J.J. Servan-Schreiber đã soạn bản tuyên-ngôn 100 trang này trong vòng 78 ngày.

Đảng Cấp-tiến dự định xuất-bản Tuyên-ngôn vì hai lẽ : Một phần hi vọng rằng văn-chương J.J. S.S. sẽ lôi cuốn vào đảng thêm mấy chục nghìn đảng viên ; một phần cũng hi vọng rằng văn chương ăn khách của J.J. S.S. đem lại cho đảng một món tá -quyền khá to để làm qui hoạt động.

Nghe đâu Tuyên - ngôn Cấp-tiến duyệt lại lịch sử, chê cả Cách-mạng 1789 lẫn Cách mạng 1917. Cách mạng 1789 thì bị các ông vua nước Pháp phá thối Cách mạng 1917 thì bị chúa tể Staline

giều cột. Đảng Cấp-tiến Pháp tuyên-ngôn : quyết thực hiện lý-tưởng cách-mạng xã hội bằng được. Nghĩa là làm hơn cả hai cuộc Cách-mạng đầu voi đuôi chuột kia.

Như vậy Tuyên-ngôn Cấp-tiến cũng lớn lao ra phết, thua gì đầu voi ? Còn cái đuôi nó ra sao, xin đợi hồi sau phân giải.

Văn-sĩ đánh du-kích

Độ 50 nhà văn Pháp đã bằng lòng tham dự một thứ chiến tranh chống nhà nước. Trong số ấy có : Marguerite Duras, Jean Genet, Maurice Clavel, Michel Leiris, Jean-Pierre Faye, Jérôme Peignot v.v...

Thứ chiến tranh của văn-sĩ là chiến tranh du-kích. Nó tiếp tục các cuộc trận-địa chiến do sinh viên tả phái phát động và đã thất bại trong năm 1968.

Sinh viên tập hợp đông đảo, phá phách ồn ào, gây nên hỗn loạn. Tranh đấu ấy khiến cho xã-hộ hoảng sợ, làm cho chính quyền có lý do huy động cảnh sát trấn áp dễ dàng. Bây giờ quần chúng thợ thuyền đã chán ghét các trò phá rối, sinh viên đã ngoan ngoãn trở lại học-đường.

Nhưng tả phái vẫn thấy cần phải làm một cái gì.

Họ bèn nghĩ kể không lợi dụng số đông nữa, mà lợi dụng danh tiếng của một thiểu số. Họ rủ rê được 50 văn sĩ. Trước mỗi lần xuất quân, họ báo trước nửa giờ cho biết địa-điểm tập

hợp và hành động. Chẳng hạn trong vụ năm người thợ Phi-Châu bị chết ngột ở Aubervilliers, họ thỉnh linh kéo tới, tung truyền đơn, kéo cờ đỏ, viết khẩu hiệu loạn xạ ngẫu, hô hào, tuyên bố âm ỉ... Rồi rút lui, để chờ đánh trận khác.

Đánh như thế, bên kháng-chiến còn gọi là lối đánh « chim sẻ ». Cốt lấy nhanh lấy gọn. Nhưng chim sẻ già J.P. Sartre thì hơi lạch bạch, chim sẻ mái Marguerite Duras thì hơi ột ịch trong sự di chuyển.

Lý-thuyết-gia Cộng-sản Tây-phương

Ông Roger Garaudy ở Pháp thế là yên phần rồi. Đại-hội Đảng đã rống xuất ông ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương.

Lý thuyết gia của đảng thôi thuyết minh cái hay của đảng, thôi thì cho ông ra ngoài, để ông tha hồ vạch cái dở của đảng.

Gần như cùng một lượt với R. Garaudy một bậc đồng chí lão thành một trụ cột của đảng cộng sản Balan cũng vừa mới bị khai trừ. Đó là ông Wladislaw Bienkowski, 63 tuổi, một trong những sáng lập viên ra Cộng đảng Balan. Cũng như R. Garaudy, ông bị thanh trừng vì viết ách chê đảng. Tác phẩm của ông, cuốn *Những động lực thúc đẩy và ngăn chặn chế độ xã-hội chủ-nghĩa* (Moteur et freins du socialisme) được bí mật chuyển qua Paris, in bằng tiếng Ba-lan.

Trong khi ấy, một lý thuyết gia Hung càng già cả tuổi tác hơn Garaudy và Bienkowski, là Gyorgy Lukacs, cũng bắt đầu nói đến một chủ nghĩa mác xít cải cách, nói đến việc dân-chủ-hóa xã hội v.v..

Cộng đảng Hung hiện thời không đã động tới G. Lukacs vì họ cũng đang chú trọng cải cách, âm thầm bước theo con đường Dubcek ở Tiệp. Hiện thời thì thế, nhưng mai kia... biết đâu?

Bên Tây-phương, số lý-thuyết-gia cộng-sản chê cộng-sản càng ngày càng nhiều. Đến lúc hạng mê say chủ nghĩa cộng sản chính thống trở nên

khen hiếm quá, liệu người ta có sang đây tuyển chọn một số « trí thức » trong M T G P M N mang về?

TRÀNG-THIÊN

Bertrand Russell đã từ trần

Bertrand Russell, nhà toán học, triết học và xã hội học Anh quốc, đã từ trần hồi chiều chủ-nhật 1-2-70 tại nhà riêng của ông tại xứ Wales, sau khi mắc bệnh cúm, hưởng thọ 97 tuổi.

Nhà bác học B. Russell đã biên soạn mấy chục tác phẩm về toán học, về khoa học, về triết học, về chính trị... Ông cũng được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1950 và được nổi danh về những vụ tranh đấu cho hòa bình, chống vũ khí nguyên-tử, chống kỳ thị chủng tộc... Nếu ông đã nhiệt thành chống Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam thì ông cũng đã cực lực lên án Nga-sô trong vụ xâm lăng Tiệp-khắc (1968).

Nhà văn Vũ-Hạnh đã được trả tự do

Nhà văn Vũ-Hạnh đã được trả tự do vài ngày trước Tết sau khi bị giam giữ trên 32 tháng.

Người ta được biết, trong buổi tiếp tân văn nghệ sĩ và phát Giải thưởng văn học nghệ thuật của Tổng thống tại Dinh Độc lập, L.M. Thanh Lăng, Chủ tịch Hội Văn bút V.N., có trình bày với Tổng thống về vụ sinh viên Miên Đức Thắng đã bị Tòa án quân sự tuyên án quá nặng: 5 năm cấm cố về những bản nhạc « phản chiến » và vụ nhà văn Vũ Hạnh bị giam giữ gần 3 năm không xét xử.

Vũ-Hạnh nay đã được về với gia đình, không rõ Miên Đức Thắng có được Nha Quân-pháp cho đình-chỉ thi hành án-văn hay không.

Bắt đầu từ số Bách-Khoa tới đây bạn đọc sẽ gặp lại tác giả « Mùa xuân trên đỉnh non cao » trong những sáng-tác và tiểu-luận mới nhất của anh.

THU THỦY

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Sáu tầng mây biếc** truyện của Phan Đào, do Văn Nghệ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang là tác phẩm đầu tay của một cây bút phụ nữ ngoại 70 tuổi mới viết truyện. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Đăng đàn** của Đông Hồ, do Mặc-Lâm xuất bản và nữ thi sĩ Mộng Tuyết gửi tặng. Sách dày 282 trang gồm 10 bài thuyết trình của tác giả trong các buổi sinh hoạt văn hóa tại Đại học Văn khoa Saigon và Đại học Vạn hạnh từ « Văn hiến Hà-Tiên », « Tôi làm thơ » đến cuộc tiếp xúc của tác giả với Thư ký Hàn lâm viện Ấn-độ. Bản đặc biệt.

— **Tìm hiểu đàn bà con gái qua tướng thuật** của Đông hải thần nhân Vũ Tri Thiên, do Vũ Trụ Thư Cục xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 140 trang gồm 72 âm tướng, 10 trên tướng, 8 phá tướng, 7 ác tướng, tướng hoàng hậu, mệnh phụ phu nhân v.v. Giá 130đ.

— **Văn hóa dân tộc** trước những nhu cầu của đất nước của Trần Ngọc Ninh do Lạc Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang, một tài liệu cần thiết trong lúc này. Giá 50đ.

— **Nghệ thuật cắm hoa** của Phạm Hồng Dung, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 74 trang khổ 21 x 28 trình bày những kiểu cắm hoa theo Nhật bản, theo Tây phương, Cắm hoa lên áo v.v., có in thêm nhiều hình vẽ, chỉ dẫn rõ ràng.

— **Những hàng mộ trắng** tập thơ của Tô Nguyệt Điền, do Hiện Hữu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 62 trang, thi phẩm thứ 4 của tác giả gồm 30 bài thơ. Giá 110 đ.

Trong tháng ngày buồn tập thơ của Đinh thị Thụy Uyên do Nhân Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 60 trang gồm 18 bài thơ, bìa và phụ bản của Trịnh Cung, tựa Hoàng Trúc Ly. Ấn bản đặc biệt.

— **Cúi mặt** truyện dài của Bùi Đăng do Thái Phương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 214 trang, khung cảnh của tác phẩm là một trại giam của Cộng sản ở Miền Trung, một truyện đã được Nha Điện ảnh phóng tác đề quay thành phim vào cuối năm 1969. Bản đặc biệt. Giá 150đ.

— **Đông phương và các phương pháp hồi sinh bằng huyết đạo** luận án tiến sĩ y-khoa quốc gia của Hà Thúc Như Như Hỷ, do G.s. Bùi duy Tâm, khoa trưởng và chủ tịch Hội đồng giám khảo gửi tặng. Sách in ronéo, khổ 20 x 26 dày 80 trang có kèm theo nhiều hình vẽ. Tác giả đã đậu Thử-khoa với hạng tối danh dự và được phần thưởng luận án.

— **Niềm đau cuối thế kỷ** tập thơ của Thị độ OPT, do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo khổ 21x28, dày 21 trang gồm 15 bài thơ chiến tranh của tác giả.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ-thuật, nên số Bách-Khoa Tân-niên này phải ra trễ mất hai hôm và nhiều bài không đăng kịp như đã hẹn với một số bạn.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và bạn đọc của tạp chí Bách Khoa.

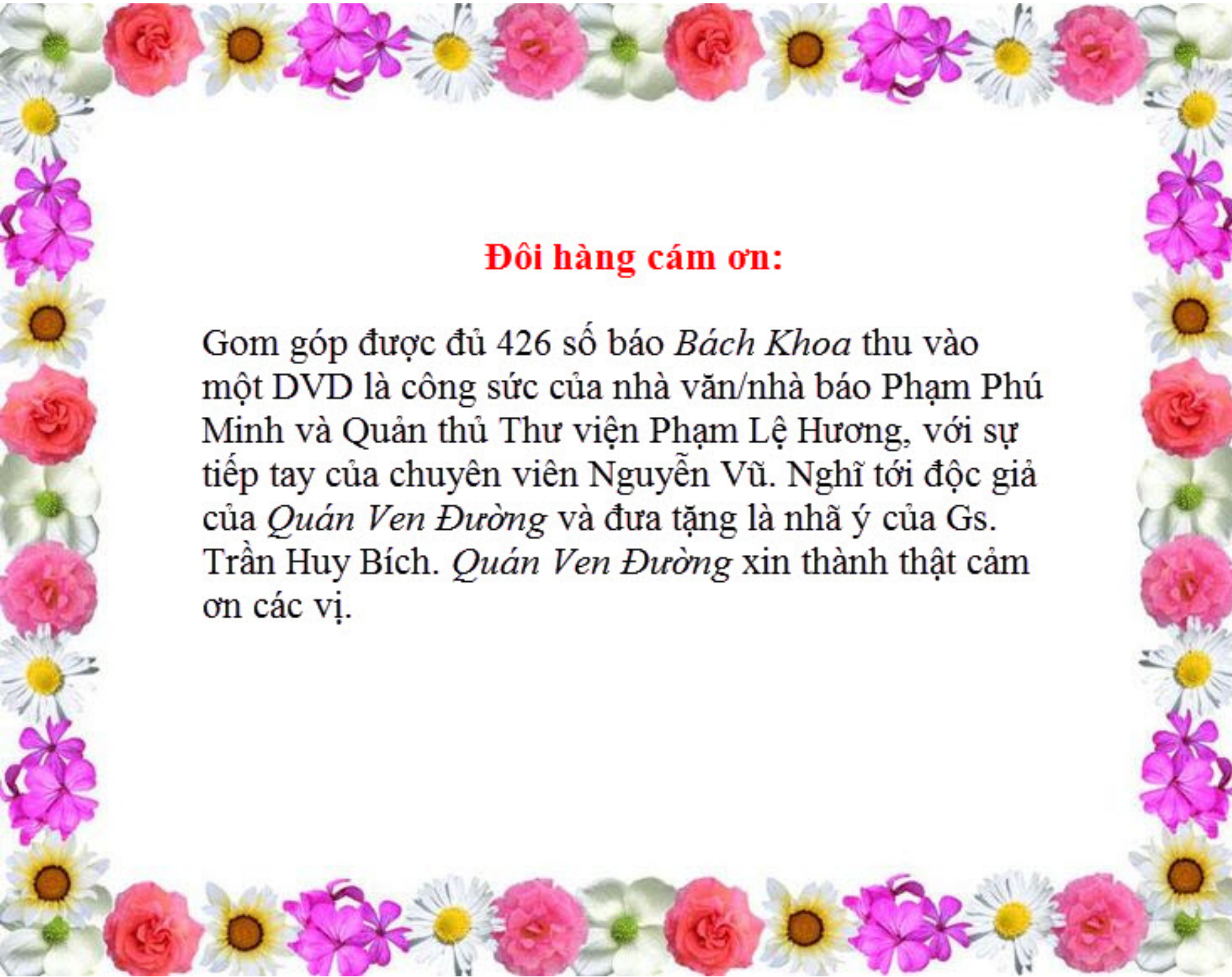
Tạp chí BÁCH KHOA

Sách do nhà xuất bản AN-TIÊM
ấn hành trong năm 1969

- CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG
của Hàn Mặc Tử
- BIÊN ĐÔNG XE CÁT
của Albert Camus
- HÁT VÀO ĐỜI (nhạc)
của Phạm Duy
- CAI CHUÔNG KHÍ
Truyện ngắn của Nguyễn đức Sơn
- Ý NGHĨA VỀ SỰ CHẾT
ĐAU KHỔ VÀ THỜI GIAN *của Krishnamurti*
- ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH *của Krishnamurti*
- BẾP LỬA *của Thanh Tâm Tuyền*
- SA MẠC PHÁT TIẾT (thơ) *của Bùi Giáng*
- TÂM TÌNH HIỂN DẠNG *của Tagore*
- NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC TÍNH KHÔNG
biên khảo của Sơn Nam
- HỒI KÝ VIẾT DƯỚI HẦM *của Dostoievsky*
- GIÁP MẶT CUỘC ĐỜI *của Krishnamurti*
- HOA NẮNG *thơ của Thi-Vũ*
- MỘT THỜI ĐỂ YÊU VÀ MỘT THỜI ĐỂ CHẾT
tiểu thuyết của E. M. Remarque

Sách sẽ phát hành đầu tháng Giêng Canh-Tuất :

- HẠNH PHÚC CHÍNH NƠI BẠN
của Marcelle Auclair
- HIỂN CHƯƠNG GIÁO DỤC *của Kim Định*
- MÙA THU TRONG THI CA *của Bùi Giáng*



Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhũ ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.